LỜI MỞ ĐẦU

Cho đến nay, các sách viết về Tử Vi đã có khá nhiều nhưng những sách ấy chỉ nặng về phần thực dụng, mà thiếu hẳn về mặt nghiên cứu. Chính bởi thế, khoa Tử Vi vẫn còn chìm đắm trong 1 cái màn huyền bí, đưa đến chỗ dị đoan, hồ nghi, không rõ rệt. Trên mặt tâm lý, nó như đẩy cả người xem lẫn người giải đoán vào 1 mặc cảm lạc hậu, chậm tiến, có chứa đựng ít nhiều sự tầm thường, chưa phải đạo của người quân tử. Cũng bởi lẽ, người ta cho rằng Khoa Tử Vi chỉ nhằm thoả mãn những tham vọng ích kỷ cá nhân, không có lợi ích gì cho đại chúng, nên khoa học tử vi chỉ là 1 khoa giải trí vô ích

Đó là những điều sai lầm và thiếu sót

Sai lầm bởi thiếu sót mà ra. Bởi vì nếu tìm ra được nguyên nhân của tử vi, thì tử vi không phải chỉ là cách tìm hiểu số mệnh con người 1 cách tiêu cực mà nó sẽ biến ra thành tích cực, nghĩa là chủ động, để có thể cải bổ cho những yếu kém trong số mạng của mình, từ đó tiến lên thành sự tu dưỡng thăng hoa của linh hồn, vô hình chung góp phần vào sự kiến tạo sã hội trong điều ân ái hoà đồng, tốt đẹp. Nói 1 cách khác, nó là khoa học nhằm bồi dưỡng nội tâm, còn hơn 1 khoa triết học suông mà như 1 cẩm nang thiết thực chỉ đạo cuộc sống hang ngày

Con người là rất quý. Cái ta lại càng đáng yêu. Cái ta đây là cái duy ngã, ai cũng muốn được thành công, được hạnh phúc, đạt tới mức tối đa của các sự may mắn, cũng như né tránh được những điều rủi ro, thất bại

Nhưng thất bại rủi ro vẫn đến ầm ầm. cái nhân gieo từ đời ông, đời cha, nếu không được chăm bón trong đạo hạnh tốt đẹp thì ắt cái quả phải là lép, là sầu, mà nếu đến đời mình vẫn cho là định mệnh tiêu cực, thì làm sao mà vớt vát được phần nào chút an ủi sau cùng nữa

Khoa Tử Vi do thế cần phải được tìm hiểu cặn kẽ hơn để phá tan cái màn huyền bí, bế tắc, hầu có hướng đi thiết thực phục vụ nhân sinh

Tất nhiên tìm ra được cái hữu lý của Tử Vi, khai thác được mặt thực dụng của nó như khai thác 1 chiếc máy, nhằm cải bổ số mạng của mình, là 1 điều vừa hữu ích, vừa thích thú. Rất có thể có người hồ nghi, cho là quá đáng, loạn ngôn, nhưng thiết nghĩ nếu không dám có những tư tưởng táo bạo, những cải cách liều lĩnh, thì làm sao có được những phát minh mới lạ, tân kỳ?

Cổ nhân đã có những công thức riêng biệt của họ. Người sau không phải chỉ biết cắm đầu theo những công thức đó, mà còn phải tìm hiểu thêm, bổ sunh, cải biến và nếu cần thì bác bỏ hẳn, để tìm ra được cái hoàn mỹ hơn nữa. Con thuyền dung để vượt đại dương, vấn đề chính là nó phải vượt nổi đại dương. Khi đã đến nơi rồi, không phải người ta bằng long mãi với con thuyền ấy mà người ta phải tìm cách tối tân hoá nó lên, có khi đạp bỏ hẳn đi, mà thay thế bằng 1 con tàu

Với ý niệm đó, người viết cố gắng phân tách Tử Vi dựa vào khoa học hiện tại để hướng Tử Vi vào chỗ thực dụng, tích cực, để ai nấu đều có thể hiểu biết mà tuỳ nghi áp dụng cho những điều còn thắc mắc. Vạn sự khởi đầu na, người viết mong rằng, đây chỉ mới là viên gạch đầu tiên, xây chiếc nền nhà cho Tử Vi theo chiều hướng mới, và sẽ được các vị có thẩm quyền tiếp tay, cho ký xuất bản sau được hoàn hảo hơn lên thì thật là vạn hạnh

Kính bút

Viết tại Berkeley, năm 1979

THÁI ĐÌNH NGUYÊN

LỜI GIỚI THIỆU

Thái Đình Tiên Sinh đã hoàn tất nguyện vọng ấn hành 1 tài liệu giúp cho chúng ta hiểu rõ và áp dụng được bộ môn số học mệnh danh là Tử Vi

Tên sách được gọi là Tử Vi Đại Toàn

Nguyễn Quân với chúng tôi là chỗ tâm giao từ nhiều năm về trước, từng đụng đầu nhau trên mọi nẻo giang hồ, thấy mặt nhau hầu hết tại mọi biến cố chính trị trong quốc nội

Bữa này, lênh đênh bờ lạ, làm khách tha hương, lại có túc duyên nhìn thấy nhau

Vì đã rõ chúng tôi trước đây có đóng góp bút mực vào công cuộc phê khảo mọi loại chữ nghĩa trên tập san hay báo chí như TIN SÁCH, VĂN HOÁ QUÂN ĐỘI, VĂN, BÁCH KHOA, Đặc san Trung Tâm Liễu Quán huế…và nay lại thấy tên trên tờ Văn Nghệ Tiền Phong nên có hỏi ý chúng tôi về tác phẩm của ông

Chúng tôi cũng khó từ chối khi mà tác Giả đã chiếu cố đến mình. Bình sinh về viết bài Tựa, chúng tôi chỉ đã 1 lần giới thiệu pho Trung Quốc Triết Học Sứ của 2 ông Nguyễn Hiến Lê và Giản Chi, 1 tài liệu rất công phu và đứng đắn

Nay lại giới thiệu sách Lý số

Bản tính tôi rất dè dặt về phương diện khen hay chê nên chỉ xin đứng trên đất tìm hiểu và góp ý thê, ý kiến với Nguyễn Quân là người mà hiện thời đã được đồng bào mến phục

Cửa miệng thường nói :"Kim Chỉ phải có đầu đuôi". Muốn đọc Lý số, phải hiểu rõ thế nào là Lý số, phạm vi ích dụng của các môn học ấy, rồi mới có thể nhận định đúng vị trí của môn Đẩu số, đi đến chỗ tinh vi của hiểu biết để khỏi phụ long tác giả

Đại Toàn có nghĩa là đầy đủ về Tử Vi, nhưng ruột gan của nó vẫn là 2 chữ Đẩu Số

Giờ đây xin hầu chuyện quý vị

HOẠCH ĐỊNH PHẠM VI CỦA MÔN TỬ VI ĐẨU SỐ

Lý tức là Dịch Lý, là các nguyên lý của Dịch học. Số là các môn độn toán. Áp dụng Lý tắc của Dịch học vào thực hành, thành ra có những môn độn toán. Tôi tạm phân chia ra 2 loại như dưới đây :

A.

1. ĐỘN THÁI ẤT
2. ĐỘN BÁT MÔN (KỲ MÔN ĐỘN GIÁP)
3. CẦM ĐỘN (NHỊ THẬP BÁT TÚ
4. LỤC NHÂM ĐẠI ĐỘN

5. LỤC NHÂM TIỂU ĐỘN

B.

1. UYÊN HẢI TỬ BÌNH

2. TỬ VI ĐẨU SỐ

A.1. THÁI ẤT THẦN TOÁN là môn toán học để biết sự thành bại, hung vong của 1 đoàn thể, 1 uốc gia, những biến chuyển quốc tế. Bắt nguồn từ Hoàng Cực Kinh Thế Thư của ông Thiếu Nghiêu Phu đời nhà Tống

Bên ta, nhờ cụ Bảng Nhãn Lương Đắc Bằng đi sứ mang theo về, và truyền lại cho cụ Trạng Nguyên Trịnh Quốc Công

Dùng Độn Thái Ất phải quân nổi cái bản ngã nhỏ bé để lo toan việc quốc gia, quốc tế, thì quẻ mới linh, cho nên cái học Thái Ất là cái học làm Quân Sư, làm Quốc phụ….không phổ cập, phổ biết. hơn nữa, cổ nhân không dung được đại số nên phải bỏ thẻ xuống chật cả sân, kín mặt phòng mỗi khi đặt con toán

A.2. KỲ MÔN ĐỘN GIÁP là môn học để đăng đàn bái Tướng làm chủ Soái, chém cờ, cướp ải, vây thành

Tam Kỳ tức là Ất Kỳ, Bính Kỳ, Đinh Kỳ. 3 Kỳ này được dùng để bảo vệ cho Lục Giáp (tượng trưng cho chính quyền), chống với Lục Canh (giặc)

Giáp là Mộc (Gỗ) sợ Canh (Kim) (thuộc kim khí nên phải giấu Giáp đi, đưa lục Mậu ra đại diện

Giấu đi, nên gọi là Độn Giáp. Sử dụng 8 cửa : Hưu, Sinh, Thương, Đỗ, Cảnh, Tử, Sinh, Khai. Nên gọi là Môn

Sử dụng cả Tam Kỳ lẫn Bát môn, thành ra Độn Giáp Kỳ Môn

Phép dung Bát Trận Độn Giáp xuất hiện từ hồi vua hoàng Đế vào lưu vực song Hoàng Hà. Sau đó, lịch triều Quân Sư như Trương Tử Phòng, Gia Cát Lượng, Lưu Bá ôn, đều dung đến

Bên Việt Nam ta, Đức Đại Vương Trần Hưng Đạo đã an Bát trận tại cửa Vạn Kiếp để chém Phạm Nhan, chống quân Minh

Quốc Sư Đào Duy Từ đã từng sử dụng để giúp Nguyễn phá Trịnh

Về sự linh ứng của môn Độn Giáp, hiện có nhiều chứng tích

Nhà lý số học Khổng Tường Minh, tác giả cuốn Kỳ Môn Độn Giáp Ngiên Cứu – đã từng đi thăm tại chỗ Bát Trận Đồ của Quân Sư nhà Hán là Khổng Minh bày ở đất Tứ Xuyên, chỗ vị trí 2 huyện Phụng Tiết và Vạn Huyện

Chỉ có mấy đống đá mà đủ ngăn binh mã của Đại Tướng Lục Tốn bên Đông Ngọ. Mấy đống đá ấy bây giờ vẫn còn, không ai xê dịch nổi. Ngày dở trời, thì vân vụ bốc lên mờ mịt, người vật lạc vào không tìm được lối ra cho đến khi trời quang mây tạnh mới thấy đường về

Độn giáp phải dung thần quyền và rất nguy hiểm nếu không giữ được tâm chính trực, nên cũng ít người dám tham khảo, nên chỉ được coi là bí kíp của con nhà Tướng

A.3. CẦM ĐỘN dung Nhị Thập Bát Tú tức là vòng sao Giốc Cang, Đê, Phòng…Tinh, Trương, Dực Chẩn, 28 ngôi. Lấy Ngũ hành để phân loại, lấy thời tiết suy thịnh, lấy cung độ tiến thoái (ám kim, phục đoạn) để suy đoán ảnh hưởng mà sử dụng vào việc binh, tiến quân, vây địch, lẩn trốn cho đắc lực

Lại phiên biến 28 Cầm Tinh ra Thiên Cầm Niên, Nguyệt, Nhật, thời Cầm, để tiên liệu kết quả của mọi động tác gập vào những loại Cầm tinh nào

1 nhà số học lão thành miền trung là cụ hoàng Xuân Ba – tác giả cuốn Cầm Độn có nói với chúng tôi là Binh gia Nhật thường sử dụng Cầm Độn và hình như chính cụ đã có 1 tài liệu về Cầm Độn của Nhật Bản. Riêng tôi nhận thấy có 1 số võ quan Nhật dung lẫn phép này với Bát Môn Độn Giáp

A.4. LỤC NHÂM phân Tiểu Độn, Đại Độn

a. Tiểu Độn : như loại Lục Nhâm Tẩu Mã của Lý Thuần Phong. Không đáng kể

b. Đại Độn : nói Lục Nhâm, phải nghĩ đến Lục Nhâm Đại Độn. Nhưng ngay nói phạm vi Đại Độn cũng có chỗ rẽ thành 2 ngả:

1. Ngả về Thập Nhị Chi, ít dung đến Can thần. Đó là phần đông các sách về khoa độn này. thị tứ, Ngọc Trưởng, Đại Toàn…đều nặng về Chi thần

2. Đắc dung Can, không dung Chi Thần. Đó là đặc tính của bộ Lục Nhân Ngân Hà Trạo, tương truyền là của Gia Cát Võ Hầu. Tại thư viện Huế trước đây có 1 quyển do Lý số gia họ Hoàng biên khảo. Sau đấy quyển đó lạc đi đâu tôi không rõ. Thành ra đa số học Độn bây giờ không ai còn biết phép dung Can thần để độn nữa

Giá trị của Độn Lục Nhâm ở chỗ thong dụng và thích ứng cho hoạt động thường xuyên của mỗi cá nhân. Đi ăn cướp, đi tậu trâu, cung chức, đánh số, tậu nhà, tìm bạn….cũng có thể bấm độn

Hắt hơi, máy mắt, nóng ruột đều có thể bắt triệu lên quẻ. Lệ như bà Đoàn Thị Điểm chợt thấy 1 đám bụi bốc lên, giơ tay bốc quẻ rồi gởi thư cho chồng báo tin mình sắp chết…Bắc khuyết vãn biên chiêu thiếp thuý

Bàng Quận Công Nguyễn hữu Chỉnh thấy con ong bay vào kiệu liền hay ngay lần ra quân này mình đã tới số

Do các triệu chứng bất thường xúc động linh cơ, các bộ môn độn toán trên cho ta những dữ kiện để tiên đoán việc xảy ra hoặc để hiểu rõ, cái do lai của việc đã xảy ra rồi. Nhưng nếu chỉ muốn xem tương lai vận mệnh cho mình hay cho người thì lại là chuyện của 2 bộ môn Tử Bình và Tử Vi

B.1. SỐ TỬ BÌNH : gọi là Uyên Hải Tử Bình, dung tứ trụ là Năm, Tháng, Ngày, Giờ tức là Bát Tú Can Chi để làm căn bản đặt con toán

Môn này Trung Hoa rất ưa thích, nhưng lại rất khó học, vì nó thâm ảo vô cùng

B.2 SỐ TỬ VI : thong dụng ở VN chỉ là số tử vi. Hỏi vợ, tìm bạn, chung vốn làm ăn, dung người tâm phúc đều đòi hỏi chuyện biết rõ số Tử Vi của đối phương. Sở dĩ như thế là vì nghiên cứu lá số thì các cụ chúng ta tin rằng có thể rõ tình hình nết na, gia thế, hiệu năng và công danh sự nghiệp của đương số, biết mặt, biết long để lại gần hay để tránh xa

Với hảo ý cung ứng cho như cầu chính đáng của đồng bào, ông Thái Đình đã nhiều năm nghiên cứu bộ môn này và nhận thấy đã đến lúc ấn hành sách, để chúng tôi có may mắn được nói them mấy câu dông dài. Giờ đây xin nhập đề

PHÊ KHẢO VỀ SỐ TỬ VI

Khảo sát và phê bình về Tử Vi đẩu Số đưa ra 2 câu hỏi thiết thực và 1 kết luận:

A. Câu hỏi 1 : các vì sao có tên trong Đẩu Số có thực là các toà tinh tú trên cao xanh hay không?
B. Câu hỏi 2 : có chứng tích gì là con người ta trên thế gian này mỗi 1 cá nhân đều có 1 số mệnh được an bài ngay từ lúc sơ sinh hay không
C. Và câu Kết Luận : 2 câu hỏi trên này đủ đưa ta đến kết luận về chân ý nghĩa của số Tử Vi

PHẦN A : CÁC ĐẨU TINH GHI TRÊN LÁ SỐ CÓ THỰC HAY KHÔNG?

Danh từ Tử Vi được nêu ra là vì toán sư còn có ý nói là họ lấy hiện cảnh các vì tinh tú trên trời phân chia ngôi thứ, lúc trẻ em ra đời, để tiên đoán về vận mệnh của hài nhi. Nhưng các vì sao trên Trời nằm theo 2 phía Hoàng Đạo, phân bầu Càn Khôn ra làm 2 bán cầu, vì thế nên cần chọn 1 đại diện để thay cho quần tinh, người ta nghĩ đến sao Tử Vi, được coi như Chúa Tinh, Đế Tinh

Còn chữ Đẩu Số được dung để bày tỏ phương pháp tìm hiểu bằng con toán, chứ không phải là bói quẻ, là bốc độn, là phụ đồng

Đưa các tinh tú vào bàn tính, nên gọi là Đẩu Số, lấy Tử Vi thay mặt cho toàn thể các sao nên thành ra nghĩa Tử Vi đẩu Số, và chăng số còn đeo 2 nghĩa, Số là số mục, số là số mệnh

Nay bỗng nhiên hỏi rằng : Các sao của Đẩu số có thực là các vì tinh tú trên cào xanh không? Thì câu hỏi quả thật là quái ác, câu hỏi nó quyết định sinh tử cho môn học tử vi. Tuy vậy, mình vẫn phải can đảm đặt ra và can đảm tìm hiểu, và nhận chân thân thế của chúng ta

Thực ra, chúng ta chỉ là những vi-ti sinh vật, sống bám vào 1 giọt bùn. Giọt bùn ấy vây quanh Mặt Trời, Mặt Trời cũng nằm trong 1 dải Ngân Hà với hang tram tỷ mặt trời khác….rồi dải Ngân Hà cũng nằm trong vô lượng, vô biên tinh vân, tinh hải gồm hàng tỷ ngân hà, cái tròn, cái dẹt, cái bầu dục, chia nhau đất đứng trong bầu Pháp giới mà dung tích khó nỗi ước lượng. Dù cho ta dung đến biên giới của bầu trời căn cứ vào định tắc Hubbles : V = KD (1) thì ta được con số 3400 triệu năm ánh sang, với sự kiện là mỗi năm ánh sang chạy được quãng 9.461 tỷ cây số

(1)** ghi chú : V là tốc độ của ánh sang trong 1 giậy được 300.000km.

D là độ đường từ chỗ chúng ta đến tận cùng bầu trời

K là con số mà sau khi tính toán kết quả cuộc khảo sát về mức di động của chòm sao Virgo, người ta ước định là vào khoảng 55

Vô lượng vô biên ngân kiều, tinh hải ấy ở đâu mà ra? Từ 1 tiếng nổ khai thiên lập địa. Đó là lý thuyết hiện được công nhận và có chứng tích. Ý kiến tiếng nổ đầu tiên là của các Thiên văn gia Lenaitre, Eddington. Sau đó, thiên văn gia Gamou năm 1948 cùng với 1 số bác học khác trong đó có Vật lý học gia Bethe và Ralph Asher Alpher đưa ra công khai với cái tên được chỉ định là “Big Bang Theory”

Vũ trụ nổ tiếng đầu tiên để khai thiên lập địa

Bầu Càn Khôn từ nhỏ nổ ra lớn…., nổ mãi, nổ mãi, bây giờ cũng vẫn còn nổ…

Chuyện vũ trụ nổ ra, rồi trong tương lai sẽ co lại, chứng tích về sự vũ trụ phập phồng ấy, được minh xác bằng 2 khám phá mới đây:

1. Người ta đo được những dũng lực của 3 động phát xuất từ các đám mây khinh khí trên trường độ 21cm, thì thấy càng ngược thời gian, càng gần buổi phát ra tiếng nổ, thì càng lớn mạnh
   Vậy thực quả là đã có Big Bang
2. Các tinh tú thi đua chạy ra bờ vũ trụ, càng ở xa càng chạy mau. Đặc biệt là tại năm 1965, Thiên văn gia Schnidt đã nhận thấy 1 trái tinh tú Quasar 3C9 chạy nhanh tới tốc độ 80% tốc lực ánh sáng, tức là vào khoảng 150.000 dặm (miles) mỗi giây đồng hồ
   Như thế tức là vũ trụ đang nổ mạnh
   Tiếng nổ đầu tiên ấy đã xảy ra vào khoảng 15 tỷ năm trước đây. Vật thể nó tức hơi nên phá vỡ các tiềm năng thổi ra những gió lốc sắc chất đầu tiên, từng vùng

lớn vùng bé mây khinh khí hiện thể, vừa chạy vừa quảy lộn, vừa xé tung ra muôn đám mây con…., mỗi đám mây con là khởi điểm cho 1 làng, 1 nhóm ngân hà, mỗi 1 ngân hà sẽ chịu đựng, bao bọc cho mấy trăm tỷ sao, sao lớn, sao bé nó vật lộn nhau, chí choé tranh sống và khoe tài….và thỉnh thoảng lại thổi lửa đốt nhà, như trường hợp các Novae và Supernovae

Lại nữa, ngồi buồn nói chuyện nhà sao, thì họ cũng lớn, bé, già trẻ….ngũ đại đồng đường như mình, họ đủ loại lớn bé, màu sắc

Liệt kê từ 0 đến M :"0, B, A, F, G, K, M"

Chúng ta có những tinh tú quá sang, nên hoá tối om sáng xanh, sáng vàng, sáng hồng hồng, và tối đen như mực

Quá Sáng là loại tia ra các vi tử quang tuyến gamma quang tuyến X, cực tử ngoại tuyến, các loại quang tuyến siêu tần nó nhọn sắc, nó đâm nổ mắt mình, nhưng nó không sáng với con mắt mình vì nó sáng quá

Sáng xanh và Sáng vàng là hang sao thượng thủ, hãy còn trẻ nên đang hang say

Sáng vàng vàng, sao gần về già như Mặt trời

Sáng đỏ, là do nó dở quẻ, sắp hết hơi, nó sẽ phóng ra từ nắm tay hoá thàng cả toà nhà lớn, người ta gọi nó là Géant Rouge

Tối Đen là sao chết, và bất trị vì con ma này rất hung ác, nó sẽ giết chết tất cả mọi vật. Vô phúc lảng vảng gần nó là bị nó hút tuốt vào bụng, nuốt chửng đến độ tiêu tan hết hình xác

Nó là hang sao lùn (Naines) vì tuổi già co quắp thân thể lại nhỏ tí xíu, nhưng nặng vô cùng, vì mỗi phân khối cm3 thể chất của loại lùn thường thường cũng tới 10 triệu lần sức nặng của nước uống

Song lẽ, Thiên Văn gia Anbartsumian kể truyện các môn quái thể, nặng tới 100 triệu tỷ lần thể nước. Các loại tinh thể tối mò này là những hố thẳm trong bầu trời sa vào nó thì đừng hòng về với vợ con, nó lầm lỳ không phát ra ánh sang, nuốt âm thanh, không nghe, không trông, không ngửi thấy nó, mà nó lại ngửi thấy mình, nên nó trở thành nguy hiểm vô chừng

Nó là sao quỷ, nhưng chưa phải là sao quái, vì quái tinh là các loại như Quasars (Quasi Stellars), và Bos (Blue Stellar Objects), mà sức suy tư của con người khó tưởng tượng nổi. 1 mặt khác, người ta cũng chứng kiến những hiện tượng về sao sinh, sao đẻ, sao lộn kiếp (Objects herbig haro, sao T.Tauri…)

Do đó, hiện giờ chúng ta có những bản liệt kê của ngũ đại, năm đời nhà sao. Trong cuốn Roman de la Matiere của Albert Ducrog đã nói lên điều kiện để 1 ngôi sao bắt buộc phải ra đời….thế nghĩa là đã không đủ đồng cân là nó sẽ tiểu sản, không thể đầu thai được

Một bầu trời đất vĩ đại mênh mông và phức tạp như thế, 1 sinh mạng như chúng ta với thân hình thước rưỡi, thước sáu, thọ mạng, 7-8 chục xuân thu mà dám tự hào là có những vì sao thủ mạng, vì sao tiếp tài, tiếp lộc, những vì sao rình mình hớ hênh là thọc vào bụng vào lung mình, những sao lành, sao dữ phe ta, phe người nằm trong số hang tỷ ngân hà trên đó, mọi dải ngân hà lại đèo bồng hàng tỷ sao lớn, bé, liệu có hợp tình hợp lý không?

Còn 2 lẽ nữa là : trên 1 giọt bùn mình đứng mà trông thì thấy họ ngồi chung mâm, chung chiếu nên gọi là chòm sao, đặt tên cho tinh toà, nhưng thật ra họ với họ lại là những người của góc bể chân trời
Tỷ dụ như 3 ngôi sao trong tinh toà Sư Tử

a. Ngôi sao Spdidon ở cách ta 1600 năm ánh sang
b. Ngôi sao Delta ở lung sư tử thì gần ta 85 năm ánh sang
c. Ngôi sao Denebola ở chỗ khấu đuôi thì chỉ cách ta có 43 năm ánh sang

Hình bóng Sư Tử chỉ là hình giả định

Ngay trong bộ môn Lý số học, đã có sự mâu thuẫn về ký danh

Bên Độn Giáp thì : THAM, CỰ, LỘC, VĂN, LIÊM, VŨ, PHÁ – là 7 vì sao trong 1 chòm sao Đại Hùng Tinh (Grand Ours). Nó là 1 tổ hợp những vì tinh tú ngang hang với nhau và chung nhau chiếu đứng

Bên toán Tử vi thì các sao Tham Lang, Cự Môn, Lộc Tồn, Văn Khúc, Liêm Trinh, Vũ Khúc, Phá Quân đều là những sao đơn độc, lẻ loi, mỗi người 1 bóng, 1 đường đi, rồi còn chia rẽ ra chính tinh như Tham, Cự, Vũ, Liêm, Phá và trung tinh như Văn Khúc, Lộc Tồn

Như trên đây đã trình bày thì các vì sao trên lá số chỉ có danh, nhưng không thực, không có đối tượng trong thực tế, nghĩa là mặt mũi đứng ngồi trên cao xanh không phân

Vậy câu hỏi thứ nhất được coi như đã thoả mãn

Sauk hi biết là trên cao xanh chẳng hề có ông tinh quân đội mũ, đi hia ngày đêm theo dõi cá nhân chúng ta trong cuộc vật lộn gian truân này, thì câu hỏi thứ 2 trở thành cấp bách. Đó là : có chứng tích gì về sự kiện số mệnh của mỗi con người ta đều được an bài ngay từ khi cất tiếng oe oe chào đời?

CHỨNG TÍCH CÓ SỐ MỆNH

Đề tài này cần được phân định trên 2 lĩnh vực:

a. 1 lĩnh vực tôn giáo, tín ngưỡng và huyền học (Occltisme)
b. 1 lĩnh vực khoa học thực tiễn

Trên đất Tôn giáo và huyền lý học (đại để như Âm Dương Gia , Hình như Thượng học) hầu hết các tôn giáo được xây dựng trên tín điều có Thượng đế chủ tể như Lão, Hồi, Cơ Đốc, Bà La Môn…đều chủ trương thuyết sao người ta có Tính lại có Mệnh. Tính, Mệnh đặt cơ bản trên học thuyết Nhị Nguyên, có tinh thần lại có vật chất (tức sắc chất theo từ ngữ phật học). Tính là phần tinh thần, phần hồn thuộc về nội tâm. Mệnh là phần xác, hay thân thể, thể xác. Thể xác là phương tiện để tinh thần nhập cuộc, và đời sống có ảnh hưởng ngoại cảnh, cũng như chịu ảnh hưởng của ngoại cảnh rồi giao đông tinh thần để phát sinh ra mọi phản ứng cần thiết

2 chữ Tính Mạng để chỉ toàn bộ 1 người, 1 con vật, hay 1 sinh mạng

Nói là có số mạng, tức là tin tưởng sự lý về chuyện ta có thể biết trước hay tiên đoán nổi trong 1 phạm vi nào đó các việc xảy ra cho Tính, Mệnh của 1 cá nhân về thọ, yểu, giàu nghèo, tai ách, bệnh tật, may rủi, tình duyên, tang tóc mọi lẽ….

Đi sâu vào vấn đề thì ta thấy đạo lý Tính Mệnh trên đất tín ngưỡng có nhu7gn5 nghĩa sau đây:

- Tính (essence) là phần do trời phú cho nên gọi là bản tính, hay bẩm tính (vì bẩm sinh mà được)
- Mệnh (existence) là phần riêng biệt mà cá nhân nhận được do nơi bố mẹ, gia đình, hoạt cảnh gia đình, xã, hội, văn hóa, kinh tế, cụ thể là cái than hoạt động của mình

Tính hướng Mệnh. Mệnh thể hiện Tính, là tướng dụng của Tính. Mệnh nuôi dưỡng Tính, nếu bẩm tính là tính thiện thì nhân phẩm, nhân cách được nâng cao, con người ta thành người tài, con người hay. Bẩm tính mà chẳng lành thì mệnh bị đẩy vào những đường ta, ngõ bậy, con người ta trụy lạc…

Đây tính chi phối Mệnh người ta là như thế. Nhưng Mệnh nó cũng có thói phép nhà nó. Nó biết cám dỗ tính, chống đối tính, dằn co với tính, luyện tập hoặc che lấp tính, để chuyển hóa thành tập quán mới

Ngày đêm như ta rõ là trong ngoài, tâm, cánh xã hội, bản thân luôn luôn giao thỏa và tranh đoạt

Nhưng vì bẩm tính đã có, nên dù muốn dù không, con đường định mệnh cũng đã hình thành. Con người ta muốn múa may quay cuồng, nhảy nhót vào ra, lui tới, rốt cuộc cũng chỉ loanh quanh trên con đường định mệnh….Thuận với bản tính thì được cuộc sống dễ dàng, như thuyền xuôi gió. Ngược với tính thì nhọc công vất vả, vì nước ngược thuyền xuôi

Ảnh hưởng của cá nhân chí thú, cái tính mệnh chỉ thay đổi được 1 phần nào trên phù diện của sự vật, như ngòi bút của họa sư tô điểm vào bức tranh đã chấm phá sẵn rồi. Lập tức có 1 vấn đề được nêu lên : đó là vấn đề phản pháo là câu hỏi ngược lại, hỏi vặn lý :

Đứng trên lập trường Tính, Mệnh là xác định có số nhưng nếu không đứng trên đá Nhị Nguyên Tính Mệnh, tâm vật thì sao?

Câu hỏi này, ám chỉ Phật Giáo. Theo Phật Giáo, Vật chỉ là môn bị biết, Tâm là môn có công năng hay biết

Năng Tri và Sở Tri, bị biết cùng với hay biết vẫn chung 1 tính thể đều do môn Thức biến ra nên mới gọi là Duy Thức. Duy chỉ là Thức tâm phân biệt….là phân biệt chẳng phải là hai, chẳng phải là một, vì một không còn đối tượng thì không thành một

Tuy nhiên Phật Giáo lại phân ra Chân Đế và Tục Đế

- Chân Đề nói về Đạo lý chân thật vượt qua giới hạn của lời ăn tiếng nói. Các Phật Tử không thể hiểu bằng Thức Tâm mà phải chứng ngộ bằng Tri. Trên đất Chân Đế không có chuyện lý số
- Tục Đế , chuyện thế gian, có nhân quả, vay trả, duyên trái, ân cừu….của 1 kiếp chúng sinh. Tục Đế minh định đạo lý nghiệp báo, mỗi con người có 1 kiếp, có 1 số kiếp

Nhị Nguyên, Nhất Nguyên hay Vô Nguyên : Tính, Mệnh hay Duy Thức đều đặt cả 2 chân hay ít ra cũng có 1 cẳng đặt trên đất lý số

- Nho gia dạy điều Lạc Thiên Chi Mệnh
- Đạo Gia bàn về Tính Mệnh Song Tu, dạy về Duyên Tiên Lữ
- Hồi Gia nói về lời Mectoub
- Cơ Đốc Gia bàn về Ân Thánh Sủng (Grace)
- Bà La môn Giáo có khoa dạy về số tướng
- Do Thái Gia nói về các đấng Tiên Tri
- Phật Gia luận bàn về Tục Đế

Như vậy hầu hết các Tôn Giáo đều công nhận có số Mệnh

CHÂN Ý NGHĨA CỦA TỬ VI ĐẨU SỐ

Xem qua phần trên này, thì ai cũng dễ có 1 nhận xét về những ngày gần đây là những khám phá trên địa hạt Sinh Vật Học, Hóa Lý Học, về các chủng tử, thuộc di truyền tính, nhiễm s8ac1 thể quang đại hợp tử (he1redite, genes, chromosomes, macromolecules) đều đem lại 1 kết quả bất ngờ. Người ta đem Khoa Học để hạ bệ lý số, khoa học đã phản pháo mà trình bày : Quả thực có số kiếp, 1 thứ số kiếp nó hết mực độc tài, hơn cả các nền chuyên chế, nó trói buộc thuộc dân của nó 1 cách chặt chẽ, nó theo đuổi người ta ròng rã suốt 1 đời người, từng giờ, từng ngày, từ cái lúc hung tinh gặp noãn châu, tinh thần liên minh với thể chất lúc mà noãn châu mới thành trứng, chưa có tên là Thai

Quay về phía tín ngưỡng về 1 Tôn giáo mà có 1 vị Giáo Chủ được tôn xưng là Đại Giác, Đại Trí Tuệ, thì Giáo Lý thuộc bộ môn duy thức lại ăn ý với bộ môn Khoa

học về môn chủng tử di truyền, về những sợi dây truyền kiếp nhiễm sắc thể. Những chủng tử vô kiến, vô đối nơi ALaiDa thức cùng với những chủng tử hữu kiến hữu đối nơi các sợi nhiễm sắc thể chiomosomes lại chỉ như hai bong 1 hình, 2 mặt ẩn hiện của 1 chân lý. Cái chân lý của dòng đời sinh tử mang các chủng tử xuyên qua Thời, Không, khiến cho có người, có vật, có cây cỏ, và rau lại sinh rau, đậu lại nở đậu, và….bò lại đẻ ra bò

Thì ra quan niệm về nghiệp, kiếp, tín ngưỡng và nhân quả, ý tưởng và lý số nó vẫn bao trùm nhân loại, bàng bạc trong Thời, Không. Duy chỉ có điều là làm thế nào đọc được số mệnh. Ta hãy gác qua 1 bên các môn hà Lạc, Tử Bình mà chỉ muốn khiêm tốn đụng chạm riêng có 1 mình môn Tử Vi Đẩu Số

Tìm ra nguồn gốc Đẩu Số thì được biết là phần đông chủ trương là do 1 vị Tiên Trần Đoàn, chẳng rõ có phải là khai sơn Tổ Sư của bộ môn lý học này hay không? Chỉ nghe nói Trần Đoàn tên tự là Hi Di, 1 ẩn giả ở núi Hoa Sơn hồi đại loạn ở TQ chia thành 4,5 mảnh đất đai thuộc các lãnh chúa cai quản, dân chúng loạn lạc nháo nhào chạy từ Đông sang Tây, từ Nma lên Bắc lại từ Bắc xuống Nam, loanh quanh như kiến bò miệng chén, thì ông bỗng nhìn thấy bà cụ gánh đôi quang thúng, mỗi bên 1 cậu bé ngồi, bà cụ hớt hãi chạy loạn như ai. Tiên Sinh tủm tỉm cười, về đạo quán uống 1 chén ruo7y5 và ngủ 1 giấc dài. Khi tỉnh dậy thì thiên hạ đã thái bình. Sau này, cái thiên hạ thái bình ấy mới hiểu nổi cái nụ cười của Tiên Sinh, vì ông đã biết trước 2 chú nhỏ kia sẽ là 2 vị Thái Bình Thiên Tử, 1 người là vua Thái Tổ nhà Đại Tống Triệu Khuông Dẫn, còn 1 người là vua Thái Tôn Triệu Khuông Nghĩa

Thì ra cái Nhân thái bình nó đã chực sẵn trong cái Duyên tao loạn. Xung quanh có thái bình, có ai biết, ai hay? Ngay cái người sinh ra nó, gồng gánh nó, cũng chẳng rõ nốt. Bà cụ đã đeo cái thái bình trên cổ mà vẫn còn chạy rối lên đi tìm cái thái bình. Vì thế Tiên Sinh đã lưu lại cho hậu thế 1 phương pháp giản dị để đọc trước được số mệnh từng người

Chắc chắn về phần Tiên Sinh thì tiên sinh đã nắm vững những lý tắc về số mệnh, nếu lại đem diễn tả ra bằng Dịch Lý, huyền học thì thành ra môn Tử Vi Đẩu Số sẽ thành ra của riêng lý số gia, không phổ biến, không phổ cập quần chúng. Cho nên Trần Đoàn tiên sinh đã dung phương tiện cụ thể hóa những quan niệm trừu tượng đưa lý vào sự, đưa các định tắc u huyền vào các công thức để áp dụng

Đại để ta thấy : Hi Di tiên sinh đã :

1. Đặt ra 1 số tổng tụ ý niệm, rồi mượn danh các đẩu tinh làm ký hiệu để đưa vào bàn toán
2. Chiếu quy ước dịch lý để phân vi và bổ liệt các ký hiệu ấy

Ta đã rõ, 1 khi cụ thể hóa 1 ký hiệu khiến chữ nó sinh ra nghĩa, thành sự, thành vật là sự ấy, vật ấy lọt vào suy tư của thế gian. Lọt vào suy tư của thế gian là có hình bong trong tâm tư của cá nhân, trong công tâm của cộng đồng nhân loại và đương nhiên phải chịu làm thuộc dân của các quy luật chi phối thế gian sự vật

a. Luật tiến hóa : đó là ký hiệu liên quan đến các sao Vòng Trường Sinh, Mộc Dục, Quan Đới, Lâm Quan (tức là Lộc Thần, là lớn lên, làm ra tiền của), rồi Suy, Bệnh, Tử Mộ, Tuyệt (tức là ốm đau, già, chết, tan biến)
b. Luật Cung Cầu : tức là các sao vòng Quý Nhân,, mình thiếu môn gì thì đối với mình mong cầu là của quý, người giúp đỡ mình là quý nhân
c. Luật Hỗ Tương Ảnh Hưởng : theo phương vị nhìn nhau thì có Hình, Xung, Phá, hợp, và Hại
   Đứng ở Tí thì xung với Ngọ
   Nhưng Tí lại hợp với Sửu. Sửu lại xung với Mùi. Tí xung Ngọ thì phải phá lại Mùi, vì Mùi nó là đồng minh của Ngọ, là kẻ thù của mình. Cứ chiếu bộ vị đứng ngồi mà hiểu việc đời. Ngang với nhau thì tìm cách liên kết gọi là hợp lực, như Mão hợp Tuất, Thìn hợp Dậu. Chéo cẳng nhìn xéo nhau thì xung đột Dần, Thân, đứng che mặt nhau thì tìm cách phá nhau, phải hạ bệ cái món kỳ đà cản mũi ấy đi, tức Dần phá Tỵ, Hợi phá Thân….
d. Luật Ngũ hành xung khắc, theo tình thế mà luận như anh Kim thì khắc anh Mộc. Theo thời tiết mà luận thì anh Kim tử về mùa Hạ, khỏe về mùa Thu, ứng dụng về mùa Đông và khó chịu với anh mùa Xuân vì nó thuộc hành Mộc
e. Luật Ngũ hành Vượng, Tướng : theo Sinh, Vượng, Bại địa….
f. Luật thăng hoa, phản tỉnh : như Địa Không, Địa Kiếp là 2 sao khốc hại, nhưng đến chỗ tuyệt địa của nó là nó tắt hết lửa thì nó bật nên tốt đặc biệt, vì lẽ tuyệt xứ phùng sinh nên các cụ ta dẫn câu : Không Kiếp ư hiềm Tị hợi
g. Luật biến tướng, hóa nghĩa : sao hồng Loan là cỗ kiệu, là xe. Đào hoa là các loài hoa. Nhưng về già gặp chúng nó hóa ra thành đòn đám ma và nhà tang
   Đại khái như thế, mỗi vì sao là 1 ký hiệu, 1 tổng tụ ý nghĩa, để nói lên 1 sự, 1 vật, 1 bộ phận trên cơ thể con người, tùy vật mà lệ thuộc những hình ảnh, những luận điệu tin tưởng, những công năng hiệu lực hoặc các úy, kỵ, khắc tính của sự vật ấy
   Đó là đơn độc từng sao, rồi lại đến bộ sao tập hợp với nhau, như Thiên mã ngộ Đà La là ngựa vướng dây, tức là phải vấp ngã. Đào Hồng ngộ Thái Dương ở Mão là mùa xuân, Đào Hồng hướng dương, trai sớm nhân duyên, gái đắt chồng
   Bằng các quy lệ trên đây, 1 khi người ta tìm thấy phương pháp để đạt những dữ kiện vào trong tọa độ đích danh của chúng để biết rõ mặt mũi, tâm sự , thực lực, hiệu năng của mọi sự vật thì việc áp dụng các định luật Dịch lý để rút tỉa ra từng mớ suy tư về các hiện tượng tương lai, căn cứ vào các tổng tụ ý nghĩa mà con toán hô danh không còn là chuyện không thể làm được
   Trong cái pháp giới trùng trùng chuyên khởi mà cả Khoa học lẫn Tôn Giáo đã ý niệm được, thì cả vũ trụ mênh mông chỗ nào cũng chỉ là 1 góc bàn cờ, mỗi phép, mỗi sự, tức như mỗi người, mỗi vật đều thành từng con cờ có vị trí, có thực lực, có hoàn cảnh, chịu quy tắc sinh hoạt có luật lệ để đi đứng, nằm ngồi, hò hét nhảy múa….
   Vậy cho nên, 1 khi biết được con cờ thuộc loại nào ở chỗ nào, trên bao la phương vị của bàn cờ, là chúng ta có tọa độ để lược giải cá nhân chúng nó

Nhưng hiền thánh khai thị ra lý số là những siêu nhân có sự hiểu biết phi phàm, đã nắm vững công thức ngõ hầu đặt ra mọi loại tọa độ, để khám phá số mạng của người, của sự vật
Biết Thái Ất thì tỏ việc 500 năm về trước, 500 năm về sau

Biết Lục Nhâm thì chiếu theo giây phút mình động tâm mà rõ sự gì đến sẽ đến

Biết Tử Vi thì có thể theo dõi việc nhãn tiền xảy ra cho 1 kiếp nhân sinh

Trong thâm tâm chúng ta, đều luôn luôn giao động theo dịch lý. Ngoại cảnh luôn biến chuyển. Vũ trụ của Sát na trước không phải là vũ trụ của sát na sau. Thâm tâm chúng ta luông chịu sự chi phối của nghiệp lực mà biến chuyển theo dịch lý, kể từ giây phút mà quả trứng mới thành hình cho đến lúc có mày râu hiện tại….để luôn luôn trong ngoài hòa hợp

Trong cái vũ trụ của Hoa Nghiêm Pháp Giới, như trên đây đã được trình bày :
Nhất pháp biến ư nhất thiết pháp
Nhất thiết pháp nhập ư nhất pháp

Thì lúc nào thánh nhân cũng có thể biết rõ rang tất cả mọi sự, mọi việc từ trước đến sau, từ quá khứ đến tương lai

Nhưng chúng ta chỉ là người có nghiệp báo. Các cảm giác của chúng ta bị ngũ quan vật chất nó hạn chế, suy tư ta lọt vào vòng hạn lượng của tỷ số và bị giam giữ trong 1 mô thức Thời Không

Cho nên từ chính đáng hay không chính đáng, dù ước muốn hay không ước muốn, chúng ta không có cách gì TẬN CÙNG HIỂU BIẾT VỀ TA, và chúng ta phải rõ, không phải số không đúng, mà chính yếu là ở chỗ : CHÚNG TA KHÔNG CÓ QUYỀN ĐƯỢC BIẾT HẾT

Đó là 1 công lệ

Tài giỏi như bao nhiêu bác học đã lĩnh giải Nobel cũng thấm thía về cái môn tạo hóa đành hanh. Họ nghiên cứu, tìm tòi về sắc trần (particules) trên môi trường cực vi của chúng, mà tất cả đều phải khóc, vì không có cách gì biết đầy đủ về than thế của 1 sắc trần. Khi ông thấy Tướng của nó, thì ông không thấy được Tính của nó. Khi ông tìm ra Tính, thì nó đã lại mất hết Tướng
Khi thấy đất nó đứng, thì không biết nó làm gì, khi nhận được lý lịch của nó, thì không biết chỗ nó trú ngụ. Định tác về phạm vi hiểu biết này mang tên là Principe d'incertitude d'Heisenberg" :

DP x DQ > = H
(DP là tính; DQ là Tướng)

Theo công thức này thì biết môn nọ, phải bỏ môn kia, muốn được cả 2 thì không bao giờ toàn bộ. Bao giờ cũng còn sót lại 1 phần lơ mơ ước lượng bằng 1 thái nhất H, gọi là hằng số Plank
Định tắc này là 1 trong những cột trụ của Kiến trúc khoa học nguyên tử hiện tại. Như vậy, cái khoa học tiến triển hiện tại nó cũng không hơn gì khoa huyền học của Đông Phương, nếu có chịu thua trời đất, cũng chỉ đến mức ấy mà thôi. Vì chúng ta chỉ là con người, mà đã là con người thì bị cái nghiệp người nó hạn chế, nó che đậy và nó đánh lừa…

Vậy làm thế nào để tranh đạt với nó?

Thành ra giá trị của Lý Số chính danh lại chuyển bộ sang đất Chân Giá Trị của người đoán số. Chân giá trị của người đoán số là đem áp dụng các quy luật đã nói trên đây (mới có 1 phần nhỏ được trình bày) cho các tổng tụ ý nghĩa để tỉa rút ra những biệt nghĩa cho mọi trường hợp

Ví dụ thứ nhất : Xét về sao Bạch Hổ, vốn là sao Kim có 2 nơi vượng địa là Thân, Dậu (Kim cung) là thể tính vượng, và Dần Mão là núi non, là đất dụng võ. Từ Hợi đến Thân là ban đêm đi kiếm ăn được là hay, nhập Ngọ bị tiêu đốt là bất lực. hổ mà gặp Hóa Kỵ ở Vượng cung là hét ra khói. Hổ ở cung Tuất là con chó, ngộ Riêu Y là chó dại (???); hổ gặp Thai là hổ cắn cơ quan sinh dục, đàn bà gặp nguy lúc có thai, mãn nguyệt….Lại cần xét nếu nó khỏe thì lợi cho ai, nó yếu thì có ích cho mình hơn là nó khỏe không?

Ví dụ thứ 2 : Sách Ma Thị dạy rằng "mệnh VCD đắc tam không nhi phú quý khả kỳ". Như thế 1 câu mà có 2 nghĩa. Khả kỳ là giàu sang được cũng là lạ? hoặc giàu sang đến mức kỳ lạ?
Phần đông mới học tử vi thì chỉ hiểu được là : giàu có đến mức kỳ lạ, nên sai tuốt luốt. Thực ra, món gì không bị đè nén thì bốc : Lửa. Món gì không bị che đậy thì sang chói : Kim Khí. Thế cho nên cách này chỉ đẹp với người tuổi Hỏa, hỏa cục và người mệnh Kim, Kim cục
Ngoài ra, nước mà không đáy thì nước tung tóe, và trôi hết sạch. Thổ (Đất) không được hứng đỡ thì rơi mất tăm. Mệnh Thủy mệnh Thổ mà đắc tam Không là cách chết non, nghèo khổ, có lẽ nào mà phú quý được? Thì chữ Khả Kỳ có nghĩa là đâu có chuyện ấy?

Thói thường, các cụ đầu sách viết 1 câu, cuối sách viết 1 câu, rồi lại dấu 1 ít nghĩa vào giữa sách hoặc cắt đầu xén đuôi chữ nghĩa
Tại sao các cụ lại làm như thế?
Chữ nghĩa chỉ đãi người có thiện chí, không thể khinh suất trao tay cho cả nhà để họ bàn suông làm giảm giá trị của bộ môn học thuật. Sau nữa để cho giảm thiểu cái loạn vọng của người đời, làm cho xã hội bị tai bay vạ gió về sau

Phú giải rằng : Phá quân Tí Ngọ. Lại ghi Xương Khúc Sửu Mùi, văn chương linh thịnh. Tức là văn chương mà được Xương Khúc cư cung Sửu hay Mùi là hay tuyệt, mà võ tướng được cách Phá Quân cư Tí, cư Ngọ thì lừng lẫy anh hung

Khốn nỗi biết bao anh Phá Quân Tí Ngọ mà chỉ lừng lẫy ở chỗ giết heo, mổ bò, còn biết bao bậc Xương Khúc Sửu Mùi mà đọc không nổi mấy chữ trong gia phả. Thì ra các cụ bắt con cháu kéo cái Phá Quân ấy đến giữa sách, mà đòi hỏi lá số ấy phải là người "Trương chiêu lưu thủy", theo câu "Phá Quân Tí Ngọ, Trường chiêu lưu thủy", nghĩa là phải hợp với mệnh Thủy thì mới thành công. Cũng như người Xương Khúc Sửu Mùi thì phải là mệnh Kim hay cục Kim mới được hưởng lộc. Nên câu phú giải giữa quyển :"Xương Khúc Sửu Mùi, văn chương linh thịnh", lại cần được đối chiếu với câu phú, Kim hợp cục Sửu, Mùi Khúc Xương nó ở trang sách gần bìa

Nếu khách không phải cục Kim, mệnh Kim thì chớ mang cái Sửu Mùi Khúc Xương của khách ra mà phân bua với làng, lá số sai nhiều quá

Qua vài ví dụ trên, chúng ta cũng tạm ý niệ, được tầm quan trọng của phép đoán số. Số chỉ hay ở chỗ có người biết đoán. Muốn đoán đúng, phải biết đọc sách, mà sách cổ thì khó xem như thế đó

Sách cổ khó xem, người đoán phải lạc. cái lạc ấy nó sẽ đi xa, làm cho tàn lụi cái tinh hoa cổ của Đông phương. Thế thì tương lai khoa Tử Vi sẽ đi về đâu?

Căn cứ vào tài liệu biên khảo, tôi nhận thấy rằng ông bạn Thái Đình ghét chuyện bùn lầy nước đọng, có ý kiến canh tân. Góp 2 nền văn hóa Đông Tây, ông muốn phá vỡ cái màn huyền bí về khoa Tử Vi, qua sự chiêm nghiệm lâu năm của chính bản than mình để cho khoa này được bồi bổ và biến ra thành thực dụng, hữu ích cho sự tu dưỡng tâm linh và sự hòa đồng xã hội, đưa từ vị kỷ lên thành vị tha tốt đẹp

Những suy tư của ông thật mới lạ, nhưng rất hợp lý bởi đường hướng văn minh của con người phải là sự thăng hoa nằm trong Duy Thức mà khoa tử vi là 1 khoa học của Duy Thức và Thực Dụng

Ông nghĩ đến chuyện giúp độc giả tự mình lập được lá số cho mình, chon g than và đoán được nữa. Đi xa hơn, ông muốn cải bổ số mệnh, uốn nắn số mệnh để gạt bỏ bớt cái xấu, chiêu thêm cái tốt…vừa bằng sự tu dưỡng nội tâm, tạo cái nghiệp tốt đẹp cho số mệnh, vừa bằng hình thức cụ thể, đem ngũ hành sinh khắc chế hóa cho nhau, lấy màu sắc, phương hướng, thời tiết để tăng cường cho mệnh, như kiểu tạo cái thắng để hãm, cái mộc để che, chẳng phải là để đánh lừa số mệnh, mà chính là để sửa chữa lại số mệnh theo đúng độ ăn nhập của nó, đúng cân, đúng lạng và kích thước để làm cho chệch đi, dù chỉ là 1 ly ông cụ, bé nhỏ li ti….

Cái tin tưởng mãnh liệt của ông đã thể hiện qua suốt hơn 50 trang về ý niệm mới mở về Tử Vi, làm cho chúng ta phải suy nghĩ. Ít nhất cũng cho thấy sự nắm vững Tử Vi của ông về mặt Khoa học Thực Dụng, nên cuốn Tử Vi Đại Toàn trong phần nguyên tắc đã được trình bày khúc chiết có hệ thống, làm cho dễ tra cứu, dễ hiểu và dễ đoán. Đó là 1 chuyện đáng mừng ở chỗ bên thiện chí là người có đủ tư cách, sách là 1 tài liệu đứng đắn, không phụ bút hiệu TRÚC SỸ của ông

Còn lại vấn đề lãnh hội và thực hành thì tất nhiên là phải trông đợi ở quý vị

Biết đâu may mắn, sau khi đọc sách của Thái Đình, lại có nhiều vị tránh được tai nạn nhờ phương pháp kê bằng nghiệp lực, thăng hoa linh hồn, tìm được những điều lợi ích hữu lý của sách để hành động, cũng như biết đâu có vài độc giả sáng suốt có thêm ý niệm cần thiết để bổ túc cho sách Thái Đình, làm khoa Tử Vi được rạng rỡ như tác giả mong muốn

Đó là điều tâm niệm của tôi, và chắc cũng là điều tâm niệm của bạn Thái Đình vậy

PORTLAND, ngày 15 tháng 9 năm 1979
NGUYỄN VĂN THƯ

TỔNG KÊ CÁC SAO – LUẬN GIẢI

ĐẶC TÍNH CÁC SAO

CHƯƠNG 1 TỔNG KÊ CÁC SAO

Có tất cả 110 sao trong Tử Vi chia ra như sau:

A. CHÍNH TINH : 14 ngôi

a. Thuộc hệ thống Tử Vi : 6 ngôi

1. Tử Vi	**Nam Bắc Đẩu tinh**	**Dương Thổ**
2. Liêm Trinh	Bắc Đẩu Tinh	Âm Hỏa
3. Thiên Đồng	Nam Đẩu Tinh	Dương Thủy
4. Vũ Khúc	Bắc Đẩu Tinh	Âm Kim
5. Thái Dương	Nam Đẩu Tinh	Dương Hỏa
6. Thiên Cơ	Nam Đẩu Tinh	Âm Mộc

b. Thuộc hệ thống Thiên Phủ : 8 ngôi

7. Thiên Phủ	**Nam Đẩu tinh**	**Âm Thổ**
8. Thái Âm	Bắc Đẩu Tinh	Âm Thủy
9. Tham Lang	Bắc Đẩu Tinh	Âm Thủy
10. Cự Môn	Bắc Đẩu Tinh	Âm Thủy
11. Thiên Tướng	Nam Đẩu Tinh	Dương Thủy
12. Thiên Lương	Nam Đẩu Tinh	Âm Mộc
13. Thất Sát	Nam Đẩu Tinh	Âm Kim
14. Phá Quân	Bắc Đẩu Tinh	Âm Thủy

B. NHỊ KHÔNG

15. Tuần	Tuần Trung Không Vong	**Hỏa**
16. Triệt	Triệt Lộ Không Vong	Kim

C. THÁI TUẾ

17. Thái Tuế	**Mộc đới Hỏa**	
18. Thiếu Dương	Hỏa	
19. Tang môn	Mộc	
20. Thiếu Âm	Thủy	
21. Quan Phù	Hỏa	

22. Tử Phù	Thủy
23. Tuế Phá	Hỏa
24. Long Đức	Thủy
25. Bạch hổ	Kim
26. Phúc Đức	Thổ
27. Điếu Khách	Hỏa
28. Trực Phù	Hỏa

D. LỘC TỒN : 12 ngôi

29. Lộc Tồn	**Thổ**
30. Lực Sỹ	Hỏa
31. Thanh Long	Thủy
32. Tiểu Hao	Thủy
33. Tướng Quân	Mộc
34. Tấu Thư	Kim
35. Phi Liêm	Hỏa
36. Hỉ Thần	Hỏa
37. Bệnh Phù	Thổ
38. Đại Hao	Thủy
39. Phục Binh	Hỏa
40. Quan Phủ	Hỏa

E. TRƯỜNG SINH HỆ : 12 ngôi

41. Trường Sinh	**Thủy**
42. Mộc Dục	Thủy
43. Quan Đới	Kim
44. Lâm Quan	Kim
45. Đế Vượng	Kim
46. Suy	Thủy
47. Bệnh	Hỏa
48. Tử	Thủy
49. Mộ	Thổ
50. Tuyệt	Thổ
51. Thai	Thổ
52. Dưỡng	Mộc

F. TỨ HÓA

53. Hóa Lộc	**Mộc đới Thổ**
54. Hóa Quyền	Mộc đới Thủy
55. Hóa Khoa	Mộc đới Thủy
56. Hóa Kỵ	Thủy

G. LỤC SÁT TINH

57. Kình Dương	**Kim**
58. Đà La	Thổ đới Kim
59. Địa Không	Dương hỏa
60. Địa Kiếp	Âm Thủy
61. Hỏa Tinh	Hỏa
62. Linh Tinh	Hỏa

H. LỤC BẠI TINH

63. Phá Toái	**Hỏa đới Kim**
64. Kiếp Sát	Hỏa
65. Thiên Không	Hỏa
66. Lưu Hà	Thủy
Đại Hao	Thủy(Lộc Tồn hệ)
Tiểu Hao	Thủy(Lộc Tồn hệ)

I. TRỢ TINH

67. Thiên Khôi	**Hỏa đới Mộc**
68. Thiên Việt	Hỏa đới Kim
69. Văn Xương	Kim
70. Văn Khúc	Thủy
71. Tả Phù	Dương Thổ
72. Hữu Bật	Âm Thổ
73. Tam Thai	Thủy
74. Bát Tọa	Mộc
75. Ân Quang	Dương hỏa
76. Thiên Quý	Dương Thổ
77. Long Trì	Thủy
78. Phượng Các	Mộc
79. Hồng Loan	Thủy đới Kim
80. Đào hoa	Mộc
81. Thiên Hỷ	Thủy
82. Thiên Xương	Kim
83. Thiên Khốc	Thổ
84. Thai Phụ	Kim đới Thổ

85. Phong Cáo	Thổ đới Thủy
86. Thiên Mã	Mộc
87. Hoa Cái	Kim
88. Cô Thần	
89. Quả Tú	
90. Đẩu Quân	Hỏa
91. Thiên Quan Quý Nhân	Hỏa
92. Thiên Phúc Quý Nhân	Thổ
93. Lưu Niên Văn Tinh	Hỏa
94. Bác Sỹ	Thủy
95. Thiên Trù	Hỏa
96. Nguyệt Đức	Hỏa
97. Thiên Đức	Hỏa
98. Thiên Riêu	Thủy
99. Thiên Y	Thủy
100. Quốc Ấn	Kim
101. Đường Phù	Mộc
102. Thiên Tài	Thổ
103. Thiên Thọ	Thổ
104. Thiên Thương	Thổ
105. Thiên Sứ	Thủy
106. Thiên Khốc	Kim
107. Thiên Hư	Thổ
108. Thiên Giải	Thổ
109. Địa Giải	Mộc
110. Giải Thần	Mộc

CHƯƠNG II LUẬN GIẢI

Trước khi xem 1 lá số Tử vi, cần phải biết cách trình bày lá số cho rõ rang. Hình thức phải trình bày sao cho hợp lý và minh bạch thì mới nổi bật lên phần nội dung, mà chỉ qua mắt nhìn là biết ngay đại cương số xấu hay tốt

A. HÌNH THỨC

Như đã nói trên, cần phải biết cách an sao. Ví dụ chia ra 2 kiểu chữ viết, 1 kiểu chữ to chỉ để viết các chính tinh và Vòng Trường Sinh. Các sao đi thành bộ nên xếp cạnh nhau. Ví dụ : ở 2 cung Sửu Mùi, các sao Xương Khúc, Thai Tọa, Quang Quý thường đứng chung với nhau. Vậy nên để các sao ấy đứng sát nhau , hoặc trên dưới, liền hàng

Tứ hóa nên viết bằng mực đỏ và chữ to để nhìn thấy ngay

B. CHẤM SỐ

Chấm số vừa chứa đựng nội dung, lại vừa mang 1 hình thức cụ thể. Nghĩa là qua cách chấ, số có thể hiểu ngay trình độ hiểu biết về Tử Vi của mình

a. Chấm theo vị trí đắc địa của các sao. Ví dụ : Tử Vi đóng ở Ngọ là đắc địa thì khuyên đỏ, mà đóng ở cung hợi thì đánh X đen, ở Thân (Kim) thì đánh dấu đỏ. Sao Đào Hoa chiếu Mệnh thì đánh dấu đỏ. Đại để vậy

b. Chấm theo sự đắc dụng hay không của sao. Ví dụ sao Đào hoa chiếu Mệnh, nhưng là phụ nữ có thêm Riêu Y thì không thể đánh dấu đỏ được mà phải đánh dấu X đen (bởi Đào ngộ Riêu Y là yêu loạn, dâm đãng). Tử Vi đóng ở hợi là hãm, lẻ ra đánh dấu X đen, nhưng đây là cung Tật, có Lộc Tồn, tuổi Nhâm Thìn (Thủy) chẳng hạn thì không thể đánh dấu đen được mà phải đánh dấu đỏ thật to vì hợp Mệnh, đắc cách. Đó là cách đi xa làm giàu

Ngoài 2 kiểu chấm số trên, người tathu7o7ng2 thâu bán cả 2 kiểu, là vừa chấm số theo vị trí đắc địa của sao, vừa chấm theo nội dung tốt xấu của sự phối hợp
Bởi vì các sao luôn biến, như Thiên Mã là loại phi tinh, mỗi năm chạy theo cung sinh, nếu gắp Triệt ở cung Tị, có cái xấu mà cũng có cái tốt. Xấu ở chỗ bị trục trặc khó khăn, có thể gặp tai nạn, nhưng tốt ở chỗ chạy thoát, vượt được trở ngại
Do thế nên phải biết cách gọi là cân Sao, cho các sao ấy 1 tỉ lệ (bao nhiêu %) để có thể giải đoán chính xác 1 cách tương đối

Cũng do thế, cần phải thuộc 2 căn bản này:
1. Độ số của Ngũ hành qua Lục Tuần Hoa Giáp
2. Đặc tính của 110 ngôi sao vừa kể trên

NHỮNG ĐIỀU CẦN CHÚ Ý KHI GIẢI ĐOÁN

1/. MỆNH và CỤC

Chớ nên vơ vét nhiều quá những hình thức vô ích như xem năm sinh, tháng sinh, ngày sinh phối hợp với nhau chặt chẽ không, như năm sinh tháng, tháng lại sinh ngày….Đó là những điều vô ích, làm cho thêm sự rắc rối mà không có kết quả thiết thực gì. Chỉ cần xem Cục và Mệnh có tương sinh hay tương khắc không, thế thôi

Ví dụ : tuổi Bính Thìn, Thổ Ngũ cục thì đó là hợp vì Bính Thìn là Sa Trung Thổ gặp Thổ Ngũ Cục là hợp (tốt lắm), nếu gặp hỏa Lục Cục lại càng tốt. Nhưng nếu gặp Thủy Nhị cục là xấu, y như người mặc chiếc áo quá rộng, không vừa. Nếu Mệnh sinh Cục thì kém. Ví dụ mệnh trên mà gặp Kim Tứ Cục là kém

2/. Xem vị trí cung Mệnh

Xem là Âm hay Dương đối với nam và nữ. Nếu là Dương Nam/ Âm Nữ thì đi chiều thuận, Âm Nam/ Dương Nữ thì đi chiều nghịch

Chỗ này cần chú ý đến hành của tuổi, để xem cung Mệnh đóng có đúng cung hợp không.

- Ví dụ : tuổi Bính Thìn (Dương nam, Thổ mệnh) mà mệnh lập tại cung Hợi (Thủy), đó là nghịch, số này kém bởi vì không gặp hạn. Tuổi Thổ cần đóng ở những cung Thổ và hỏa, hoặc hướng lên những xung ấy 1 cách gần kề, như từ cung Mão trở lên là hợp. Nay lại đóng ở cung hợi là quá xa 2 cung hỏa (Tị Ngọ) là không thể tới được hạn, do lúc ấy đã quá già rồi (trên 70) nên gọi là kém
- Ví dụ 2 : tuổi Đinh Tị cũng là Sa Trung Thổ, nhưng Âm Nam, mệnh đóng tại cung Mùi (Thổ) là tốt vì sát kề cung Ngọ (Hỏa) là hướng vào cung Ngọ thì lại là tốt. Nếu là Bính Thìn mà mệnh đóng tại cung Mùi thì lại kém bởi không gặp hạn
- Ví dụ 3 : tuổi Canh Thìn là Bạch Lạp Kim, mệnh lập tại Tị (Hỏa), Dương Nam thì kém bởi gặp liền 2 cung Hỏa khắc Mệnh. Đó là tiền đầu bất lợi, nếu được sao tốt thì mới có thể vượt qua trở ngại được. và cũng phải từ trung vận (gần 40 tuổi) mới có thể thành công được. Đồng thời có thể phải trả giá đắt về bệnh tật hay tai nạn

Vị trí cung Mệnh rất quan hệ, vì mỗi cung có Đại hạn 10 năm. Sách nói rằng : Mệnh hảo bất như Thân (Thân là hậu vận) hảo, Thân hảo bất như Hạn hảo

Như vậy vị trí cung Mệnh phải sao cho chiếm được nhiều hạn hợp Mệnh mới tốt, nếu lại gặp các hạn khắc mệnh nhiều thì kém

- Như tuổi Bính Thìn Sa Trung Thổ, mệnh lập tại cung Thìn (Thổ), Dương nam, thì được luôn 1 lèo 7 cung liền nhau hợp Mệnh là cung Thìn (Thổ), Tỵ Ngọ (Hỏa), Mùi (Thổ), Thân Dậu (Kim), rồi Tuất (Thổ), như vậy là tốt

- Cũng tuổi Bính Thìn, Mệnh lập tại Thìn nhưng là Dương Nữ thì kém Dương Nam, vì sasu cung Thìn hợp Mệnh thì gặp 2 cung Dần Mão là Mộc khắc Mệnh. Qua được cung Sửu (thổ), lại gặp 2 cung Tỵ hợi (Thủy). Như vậy tuổi Dương Nữ kém tuổi Dương Nam bởi không gặp hạn

3/. Tìm sao Tử Vi đóng ở đâu? Trước hay sau cung Mệnh

Hướng đi thuận hay nghịch là hướng đi đối với Tử Vi. Nếu trong hướng đi mà Tử Vi lại ở sau lưng thì kém.

Ví dụ : Mệnh lập tại Mão, Dương Nam, mà Tử Vi đóng ở Sửu là không gặp Tử Vi. Nhưng nếu Tử Vi đóng ở Tị hay Ngọ thì tốt vì sẽ gặp trong hướng đi của mình

4/. Tìm độ Cường Nhược của bản Mệnh

Xem Hành gì và cần sao gì, khắc sao gì? Biết được 3 yếu tố này thì biết được độ cường nhược của bản Mệnh. Ví dụ : tuổi Canh Thìn (Bạch Lạp Kim) thì cần 2 sao Tử Phủ là chính. Và số các sao Tuần, Linh Tinh, Hỏa Tinh, Phá Toái, Thiên Không, Tuế Phá

Phải xem Tử Phủ đóng ở đâu, Mệnh có ảnh hưởng lên 2 sao này không. Tử Vi đóng với sao gì? Sau đó xem Mệnh ở hạn nào, ho75phay khắc với cung ấy

- Ví dụ : Canh Thìn, mệnh đóng cung Sửu, Dương nam mà có Vũ Tham thủ Mệnh là tốt. Theo chiều thuận thì Tử Vi đóng ở Tỵ cùng Thất Sát, như vậy là tốt vì có Tử Vi chiếu Mệnh, mà lại gặp Tử Vi nữa, gọi là sốt tốt
- Ngược lại nếu Canh Thìn, Dương nam, Mệnh lập tại Tỵ (Hỏa) mà có LiêmTrinh Tham lang ở Mệnh (tại Tỵ Hợi) là xấu. Tử Vi chiếu ở cung Sửu, nhưng đây là cách hãm, vì Tử gặp Phá Quân, và hạ lại quá xa, Tử Vi đóng ở phía sau lưng nên không gặp Tử Vi (phải trên 80 mới gặp), nên gọi là kém
- Lúc ấy phải tìm xem các sao khác là Tuần, Triệt, hỏa, Linh, Kiếp Sát, Phá Toái…nếu thấy các sao chầu Mệnh thì phi yểu tắc bần, dễ bị tai nạn hay bị tù tội khó tránh. Khi đó liên hệ luôn đến các sao Tứ Đức, Thiên Quan, Thiên Phúc và Tứ Hóa

5/. Tìm cách và Thế:

a. Xem được cách gì?
b. Thế của cách đó (có được đắc địa không? Có hợp Mệnh không?)
c. Xem Thân (so sánh Thân với Mệnh)
d. Xem hạn (So sánh Mệnh với Thân)

***CÁCH : có 4 loại

1. Cách Tử Phủ Vũ Tướng
2. Cách Sát Phá Liêm Tham (hay SPT)

3. Cách Cơ Nguyệt Đồng Lương (kể cả Nhật Nguyệt)
4. Cách Vô Chính Diệu

Mỗi cách có tính lý chủ trì khác nhau. Và cách nào cũng có thể đưa tới sự thành công tột bực được. Sự khác biệt là tùy theo cái phúc của Đương số

Ví dụ : cùng 1 lá số giống y như nhau, mà 1 người thì làm nổi Đại Tướng như cách của Hàn Tín, nhưng 1 người thì không làm nổi mà lại là tay anh chị bến tàu, rồi bị đâm chết. Như vậy là do môi trường xã hội khác nhau.

Môi trường của Hàn Tín là gặp được Lưu Bang ở 1 xã hội loạn lạc, nên được phong tướng thành công, nhưng sau lại bị Lã Hậu là vợ Lưu Bang giết

Môi trường của tay anh chị bến tàu là ở xã hội mới, tự tạo được vị trí anh hung địa phương, khuất phục được bạn yếu ở bến tàu, tập hợp bọn lâu la mà xưng hung xưng bá, sau vì chuyện đàn bà mà sinh ra chém giết, rồi đến hạn xấu là thất bại. Sự đó cũng tương ứng như nhau vậy

Thế cho nên cái độ số nó có sự co dãn, tương đối. Như cũng là cách Tử Phủ Vũ Tướng, người thì làm vua, người làm phú ông giàu có ức vạn, người thì là nhà kinh doanh, cái đó còn tùy theo các trợ tinh nữa, đồng thời còn phải xem có hợp Mệnh hay không, cũng như có gặp được hạn hay không. Như cũng là TPVT mà 1 đàng Dương Nam đi lên, 1 đàng Âm Nam đi nghịch thì khác nhau

Do thế, gọi là phải được "Thế" tức là có hợp Mệnh không, vòng sao đi có đắc thế không? Có gặp ác trung tinh phò tá đắc lực không?

Cách TPVT cần nhất gặp 2 sao Tả Phù và Hữu Bật vì 2 sao này là 2 sao Thổ hợp với Tử Phủ cũng là Thổ

Cách Nhật Nguyệt thì lại cần Khôi Việt, cũng như Xương Khúc, bởi là các sao Văn Tinh, chỉ về Văn học Nghệ Thuật

Tóm lại phải xem có thích hợp giữa trung tinh với chính tinh không. Ví như người đi săn thì phải mặc đồ sẵn, mới gọi là thích hợp. Đi dự tiệc cưới thì phải mặc Đại phục. Đại để vậy

Các ác tinh như Không Kiếp, Thiên Hình phải gặp các hung tinh mới chế ngự được. Nếu lại là mấy ông Văn sĩ (Thái Dương, Thái Âm chủ Mệnh) thì bị chúng bất phục mà vùng lên, là bất trị. Thiên Hình là thanh kiếm thì phải do Tử Vi mang là Thiên Tử có kiếm mới oai. Chứ Tử Vi hãm mà lại gặp Thiên Không chẳng hạn, thì chỉ là anh xui nguyên dục bị, mưu mô xoay xỏa, thủ đoạn vặt mà thôi

6/. Tìm trung tinh, phối hợp thành bộ:

Sau khi định được cách Mệnh/ Thân rồi, phải xem số trung tinh, trợ tinh có được đúng "Thế" không, có đi đôi với nhau không

- Ví dụ : Mệnh Thái Dương, Thiên Lương ở cung Mão thì có được thêm Khôi Việt, Xương Khúc, Đào Hồng không? Nếu có đủ thì người đó thông minh, thanh khiết, có tài về văn chương, nghệ thuật….

Sau đó lại tìm sao khác là các loại Lục Sát tinh, Lục Bại Tinh xem có Vượng không. Nếu thấy có Không Kiếp thì đó là 1 điểm kém. Nếu có Riêu Y thì 2 điểm kém. Nếu có Thiên Hình, Hóa Kỵ thì 3 điểm kém. Cân các sao ấy, nếu thấy bên hunh tinh nặng hơn bao nhiêu thì cuộc đời thăng trầm, khi gặp hạn tốt thì được phong quang, có tài, nổi danh, nhưng khi gặp hạn xấu thì ba đào, bất mãn….Người đó có cả cách tốt lẫn cách xấu thì cần phải xem về Đạo hạn

7/. Xem Tứ Hóa

Nhiều người chỉ cho có Tam Hóa (Khoa Quyền Lộc) là tốt, còn cho Hóa Kỵ là xấu. Đó là không đúng. Hóa Kỵ cũng tốt, tùy theo tuổi, hợp hay không và tùy theo hạn xấu hay tốt. Nếu là hạn xấu, gặp Hóa Kỵ thì tốt, vì sẽ chế ngự bớt cái xấu và coi như thắng hãm bớt sự xui xẻo lại. Vì thế có nghĩa là đám mây, cái thắng, cái mộc để cứu vớt, giải trừ tai nạn

Xem Tứ Hóa không phải cứ nhìn vào Tứ hóa mà cho là tốt xấu, mà còn phải biết cân cái độ tốt xấu của Tứ Hóa nữa

Tứ hóa có khi xấu, như Hóa Lộc chỉ con số nhiều, nếu đóng cung Tật thì đó là hao tán về Bệnh Tật, bệnh liên miên

Hóa Quyền không phải chỉ có nghĩa là uy quyền, mà còn có nghĩa là lao động chí chết, hay bị đè nén nữa nếu nó đóng ở cung Nô

Hóa Khoa cũng vậy, không phải là đẹp đẽ mà còn là sự quật ngược. Đang giàu mà gặp hạn xấu, có hóa Khoa là sạt nghiệp ngay

8/. Đoán sao

Không có sao nào tốt hẳn, mà cũng không có sao nào xấu hẳn. Nhiều khi sao xấu mà thành tốt

- Ví dụ : 2 sao Phá Toái, Lưu hà là 2 sao ác, nhưng nếu 2 sao đóng đóng chung nhau, gặp năm có Lộc/ Quyền Phi tinh lại bột phát ăn to. Như ra trận, tưởng thua mà kết cục đại thắng. Hay đang nghèo mạt rệp, gặp được hạn ấy là bốc mạnh như trúng số độc đắc. Bởi đó là cách Tái Quản Lưỡng Phá, là vút bổng lên nhanh như sấm sét vậy

Tóm lại cần phải thuộc cách, thuộc thế, biết phối hợp xung khắc, biết cân sao thì từ đó mới đoán được Tử Vi, và càng nhiều kinh nghiệm, càng đoán chính xác hơn và tiến mãi lên

CHƯƠNG III ĐẶC TÍNH CÁC SAO

1/. TỬ VI :

- NAM BẮC ĐẨU TINH. DƯƠNG THỔ
- ĐẾ TINH : CHỦ TỂ CÁC SAO, ĐƯỢC COI NHƯ ĐỨC NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ
- CHỦ : UY QUYỀN, TÀI LỘC, PHÚC TINH
- MIẾU : NGỌ, TỴ, DẦN, THÂN (thông minh, phúc hậu, uy nghi)
- VƯỢNG : THÌN TUẤT (đa mưu túc trí, thiết thực, ích kỷ, bất khuất)
- ĐẮC : SỬU MÙI (thông minh, tùy thời)
- BÌNH HÒA : TÍ, HỢI, MÃO, DẬU (mô phạm, yếm thế, hiền hòa)

Tử Vi không có cung nào là hãm địa tuyệt đối nên dù ở cung nào cũng ban phúc cho cung ấy và chiếu cố đến những cung hạn tam hợp

Tử Vi nên đứng ở Mệnh hay hướng lên của mệnh. Nghĩa là nếu Dương Nam, Mệnh ở Mão thì Tử Vi nên đóng từ Mão lên đến Ngọ hay THân, nếu đóng ở Sửu là kém

An tại Dần Thân thì gặp Thiên Phủ, nhưng ở Thân tốt hơn Dần vì Thái Dương vượng. An ở Dần là lúc Âm thịnh Dương suy, Tử Vi được phúc lộc nhưng kém quyền uy do Liêm Trinh và Phá Quân rất rực rỡ

Ở Ngọ, Tử Vi độc đoán, cần gặp Tả Hữu chiếu và nên có Thiên Hình, cũng như đóng chung với Đế Vượng mới tốt. đóng với Thai, Tử, Mộc Dục là kém. Kỵ sao Tuần Triệt vì giảm hiệu năng

An tại Mão Dậu cần gặp Tam Hóa và nên tránh gặp Thiên Quan, Thiên Phúc vì gặp các sao này dễ hiếm hoi trở thành Hòa Thượng, nhà tu đắc đạo và yếm thế. Gặp Khôi Việt, Xương Khúc có tam Hóa thì phúc hậu, dễ thành công về các nghiệp văn chương, đạo học, cố vấn, giáo dục tốt đẹp

An tại Tỵ đi với Thất Sát là rất có uy quyền. Đó là cacg1 Thiên Tú chân chính, y như vua có Tướng đi kèm phò tá. Gặp Lộc Quyền thì tăng cường độ. Quan hay Tài đóng ở đây là rất thành công, thế nào cũng giàu sang, quyền quý

An tại Tí hợi là hiền lành, vô quyền, lãnh đạm, buông xuôi. Tuy nhiên, người tuổi Kim, Thủy có Lộc Tồn đóng chung, Âm Nam Dương Nữ thì lại tốt vì đó là cách tọa hưởng kỳ thành, được an nhà tự tại

Gặp Lộc Mã thì đó là cách Phú dư Mã, tức ngựa kéo xe Vua, dễ giàu sang và thành công

Kỵ nhất là gặp Không Kiếp, Đà La, Riêu Y, Phá Toái, nếu hãm địa thì gàn dở, chẳng ra gì

2/. LIÊM TRINH

- BẮC ĐẨU TINH. ÂM HỎA
- QUYỀN TINH. HUNG TINH
- CHỦ : QUYỀN UY, QUAN LỘC, HÌNH TÙ
- MIẾU : THÌN TUẤT (trong sạch, thẳng thắn, liêm khiết)
- VƯỢNG : TÍ NGỌ, DẦN THÂN (trong sạch, thẳng thắn, liêm khiết)
- ĐẮC : SỬU MÙI (nghiêm nghị, đứng đắn)
- HÃM : TỴ HỢI, MÃO DẬU (khắc nghiệt, cô đơn)

Liêm Trinh chỉ có ảnh hưởng giai đoạn, ban đầu thì rất hăng say, mạnh mẽ, nhưng cuối cùng thì suy tàn, dễ gây tai nạn. Do thế bị coi là hung tinh

Chỉ hợp với người tuổi Thổ, người tuổi Hỏa thì bình, tuổi Thủy , Kim thì khắc mạnh, còn Mộc thì khắc vừa

Liêm Trinh ảnh hưởng nhiều nhất vào lúc thiếu thời (dưới 37 tuổi), vào mùa xuân và hạ

Miếu Vượng hay Đắc địa thủ Mệnh Thân có thêm Lộc Tồn, Thái Tuế là người rất nghiêm cẩn, uy hung, mặt sắt đen sì, anh hung 1 cõi. Chủ trung ương quyền nếu đóng chung với Khốc Hư ở Tí Ngọ mà hợp Mệnh thì vang danh và là bậc trung chính, thanh liêm. Gặp Đế Vượng là hiển hách lắm

Gặp Văn Xương, Quan Phù, Quan Phủ, Bạch hổ dễ bị cảnh Hình Tù nên gọi là tù tinh. Đây là sao cô đơn nên tối kỵ đối với phụ nữ, dễ khắc chồng nhưng lại là người đứng đắn, gây nên cơ nghiệp được

Hãm địa thì mờ ám xấu xa, dễ đưa đến tù tội, bất chính, tai nạn khủng khiếp. Ở Tị hợi đóng chung với Tham Lang – ngục hình nan đào – là cách phi bị giam tù thì bị bán than bất toại (giam tại gia) hay có hình thương

Ở 2 cung Mão Dậu, đóng chung với Phá Quân có Mệnh Thân hay hạn gặp là dễ bị lao đao. Nếu có Hình Kỵ là bị tra tấn, bị đánh. Gặp Hóa Lộc ở 2 cung đó dễ bị mổ và thổ huyết

3/. THIÊN ĐỒNG

- NAM ĐĐẨU TINH. DƯƠNG THỦY
- PHÚC TINH, CHỦ VĂN HỌC, PHÚC THỌ

- MIẾU ĐỊA : DẦN THÂN (CHỦ THAY ĐỔI, TRUNG HẬU, TỪ THIỆN)\
- VƯỢNG : TÍ (CHỦ VĂN HỌC)
- ĐẮC : HỢI MÃO TỊ
- HÃM : NGỌ DẬU SỬU MÙI THÌN TUẤT (CHỦ ĐA ĐOAN, THỊ PHI, KIỆN CÁO)

Hợp với người tuổi Mộc, Thủy

đóng chung với Thái Âm ở cung Tí và Ngọ, chủ sự đi xa, có tài về ăn nói, khôn ngoan, nghiêng về văn hóa, luật pháp, ngoại giao, giáo dục

Hãm địa thường lãnh đạm, vô tình

4/. VŨ KHÚC

- BẮC ĐẨU TINH. ÂM KIM\
- TÀI TINH. CHỦ TÀI LỘC, QUYỀN UY
- Đây là sao võ trong bộ TPVT, tính lý cương quyết, thiết thực, dũng mãnh, ham học và quyết tiến
- MIẾU : THÌN TUẤT SỬU MÙI (CƯƠNG QUYẾT, DŨNG MÃNH, TĂNG TÀI LỘC, NHIỀU SÁNG KIẾN
- VƯỢNG : DẦN THÂN TÍ NGỌ (đặc tính như trên)
- ĐẮC : MÃO DẬU (Ở 2 cung này, nếu là Mệnh Tài Quan thì dễ làm các ngành nghề về tư pháp, cảnh sát, nếu không có trung tinh trợ tá thì liên hệ đến nhiều về ngành đồ tể. Có Lộc thì chủ vựa, phú ông hay tài chủ, có kho lẫm).
- HÃM : TỴ HỢI (THAM LAM, NGOAN CỐ, LIỀU LĨNH, DỄ BỊ CÔ QUẢ)

5/. THÁI DƯƠNG

- NAM ĐẨU TINH. DƯƠNG HỎA
- QUÝ TINH. CHỦ QUAN LỘC, VĂN HỌC
- BIỂU TƯỢNG CỦA MẶT TRỜI, CHA, ÔNG NỘI, CON MẮT TRÁI (ĐỐI VỚI NGƯỜI TUỔI HỎA, THỔ CÒN LÀ BẢN MỆNH NỮA, DÙ đóng BẤT CỨ CUNG NÀO). ĐỐI VỚI PHỤ NỮ, ĐÂY LÀ BIỂU TƯỢNG CỦA CHỒNG VÀ CON TRAI CẢ
- ĐÂY LÀ SAO QUAN TRỌNG BẬC NHẤT SAU TỬ VI, CHO BẤT CỨ TUỔI NÀO, NẾU THÁI DƯƠNG HÃM THÌ ĐỀU LÀ BẤT HẠNH. BỞI ĐÓ LÀ CUỘC ĐỜI SÁNG SỦA HAY ĐEN TỐI
- MIẾU : MÃO TỴ NGỌ (THÔNG MINH, TRUNG CHÍNH)
- VƯỢNG : DẦN THÌN (TÀI BA, BẤT KHUẤT, KIÊU)
- ĐẮC : SỬU MÙI (BIẾT TÙY THỜI)

- HÃM : THÂN DẬU TUẤT HỢI TÍ (NGOAN CỐ, TỐI TĂM, BẤT MÃN, CHƠI BỜI)
- Cần gặp Khôi Việt, Tam Hóa, Đào hồng
- Gặp Hình Kị là giảm bớt hiệu năng, dễ bị khắc cha, bị mục tật.
- Gặp Không Kiếp giảm vẻ sang
- Gặp Riêu Y nhiều tang thương (Riêu Y là nước mắt)
- Gặp Hồng Đào, Xương Khúc thì giỏi văn chương, nghệ thuật
- Riêng người tuổi Kim, Mộc và Thủy, gặp Hóa Kỵ ở các cung Dương từ Dần đến Ngọ mới tốt, còn ở các cung khác đều là xấu vì làm cho u tối
- Tại Hãm địa nên gặp Tuần Triệt
- Tại Tỵ hợi tối kỵ gặp Long Đức (Sóng Thần), Hóa Kỵ, Không Kiếp là dễ bị đắm đuối, tai nạn, sa lầy. Gặp Riêu Y ở đây là tửu sắc, buồn rầu, cô đơn, chán nản

6/. THIÊN CƠ

- NAM ĐẨU TINH. ÂM MỘC
- PHÚC TINH. CHỦ CƠ MƯU, THIÊN CHÍ, PHÚC THỌ
- MIẾU : THÌN TUẤT MÃO DẬU (không ngoan, từ thiện, mưu trí)
- VƯỢNG : SỬU MÙI TỴ THÂN (nt)
- ĐẮC : TÍ NGỌ (nt)
- HÃM : DẦN HỢI (kém không ngoan, lẩn thẩn)

Sao Thiên Cơ cần gặp trợ tinh đắc cách (đi thành bộ) mới tốt, nếu đi lệch (lẻ, chỉ có 1 sao, như có tả không có Hữu Bật), lại thêm các hung tinh đóng chung thì u tối, bất nhất

7/. THIÊN PHỦ

- NAM ĐẨU TINH. ÂM THỔ
- TÀI TINH, QUYỀN TINH
- CHỦ TÀI LỘC, UY QUYỀN, NGHIÊM CẨN, TRỌNG HẬU
- MIẾU : DẦN THÂN TÍ NGỌ
- VƯỢNG : THÌN TUẤT
- ĐẮC : TỴ HỢI MÙI
- BÌNH : MÃO DẬU SỬU

Sao Thiên Phủ coi như Thiên Hậu nên chủ nhân từ, nghiêm cẩn, vừa có uy, hợp với phụ nữ, Âm Nam hay người sinh ban đêm

Miếu, Vượng hay Đắc nếu gặp tam hóa là dễ giàu có, có uy quyền, chủ về việc nội trị hay cơ mật, cứu giải tai ương, bệnh tật

Chế được Kình Đà, Linh hỏa, nhưng k nên gặp Tuần Triệt, Thiên Không, Không Kiếp, Riêu Y. Vì gặp những sao này coi như kho àng trống rỗng, bị hao tán phá hoại

8/. THÁI ÂM

- BẮC ĐẨU TINH. ÂM THỦY
- TÀI TINH. CHỦ ĐIỀN TRẠCH
- BIỂU TƯỢNG CỦA MẶT TRĂNG, CỦA MẸ, BÀ NỘI, MẮT BÊN PHẢI, VỢ
- CHỦ SỰ ĐI XA, CÔ ĐƠN, ĐỘC LẬP
- MIẾU : DẬU TUẤT HỢI (văn vẻ, nhân hậu, tài hoa, từ thiện, chủ sự đi xa, phú túc, sáng suốt, hào phóng)
- VƯỢNG : THÂN (nt)
- ĐẮC : SỬU MÙI (nt)
- HÃM : DẦN MÃO THÌN TỴ NGỌ (chủ sự phá tán, chán nản, ăn chơi)
- Xem sao Thái Âm là chú trọng đến Đào Hoa và hồng Loan. Vì Thái Âm chủ nhiều về sự cô đơn, ăn chơi (Thái Âm đắc địa nhất sanh chi khoái hoạt). Do thế phải xem Hồng Đào. Nếu Hồng Đào không bị Tuần Triệt hay gặp các ác sát tinh thì nhân duyên mới bền, con người được phú túc sung sướng. Ngược lại dễ bị khắc phu thê, 2-3 lần chắp nối. bởi Thái Âm là nhiều văn ngệ tính, lãng mạn, đa tình.
- Nên gặp Đào hồng Hỷ và Khôi Việt. Gặp Hóa Kỵ thì toàn mỹ
- Hãm địa gặp Tuần Triệt án ngữ thì trở thành sang sủa, tốt đẹp. Gặp Riêu Y là đau buồn, nước mắt. Gặp Không Kiếp dễ bị lòa. Gặp Hình Kình Đà Kỵ là dễ bị mổ mắt hay mắt có tật. Khắc mẫu than
- đóng chung với Thiên Mã , hạn gặp là dễ đi xa. Thêm Thiên Khôi, Trường Sinh là đi biệt không về

9/. THAM LANG

- BẮC ĐẨU TINH. ÂM THỦY
- DÂM TINH. TÙ TINH
- CHỦ UY QUYỀN, HỌA PHÚC
- MIẾU : SƯU MÙI (chủ uy quyền, tài lộc, đa dục, tửu sắc, tham vọng)
- VƯỢNG : THÌ TUẤT
- ĐẮC : DẦN THÂN
- HÃM : TỴ HỢI, TÍ NGỌ MÃI DẬU (hung bạo, nhầm lẫn, tham dâm, tù tội, chuyên tác họa)

- Tham Lang là Đào Hoa tinh thứ 2. Tối kỵ gặp Văn Xương, Đường Phù, Quan Phù, Quan Phủ, dễ bị tai họa, tù tội. Gặp Bạch hổ hãm địa là phải đi đày
- Ở Tỵ hợi đi cùng với Liêm Trinh, cần phải xem 2 sao Tuần Triệt có mở cửa La Võng hay không. Nếu 2 cung Tỵ Thìn hay Tuất hợi không có Tuần Triệt cũng như không có Kình Dương thì dễ bị tù, hay bán than bất toại. Nếu có Riêu Y, hồng Đào chiếu là dễ mắc võng tửu sắc đa đoan

10/. CỰ MÔN

- BẮC ĐẨU TINH. ÂM THỦY
- KHOA TINH. CHỦ LÝ LUẬN, ĐA ĐOAN
- MIẾU : MÃO DẬU (nhân hậu, vui vẻ, tế nhị, không ngoan)
- VƯỢNG : TÍ NGỌ DẦN
- ĐẮC : THÂN HỢI
- HÃM : THÌN TUẤT SỬU MÙI, TỴ (gian trá, kém thông minh, quỷ quyệt, hay gây gỗ, kiện cáo, dèm pha)
- Cự Môn là sao Văn tinh, chủ về miệng lưỡi nên cần gặp Xương Khúc, Khôi Việt. Quý nhật là gặp Lộc Tồn ở Tí đóng chung với Khốc Hư là cách Thạch Trung Ẩn Ngọ, giàu sang, đanh thép. Cự Môn nên gặp Lộc Tồn hơn là Hóa Lộc. Nếu gặp Hóa Lộc thì k nên gặp Khốc Hư. Còn gặp Lộc Tồn thì nên gặp Khốc hư hay Tuần Triệt
- Hãm địa tối kỵ gặp Song Hao, hóa Kỵ vì dễ gây tranh giành, kiện cáo, bị chèn ép, dèm pha, ghen ghét. Gặp Hóa Khoa thì bình, vì hóa Khoa giải trừ được tính hung hiểm của Cự Môn

11/. THIÊN TƯỚNG

- NAM ĐẨU TINH. DƯƠNG THỦY
- QUYỀN TINH. DŨNG TINH
- CHỦ QUAN LỘC, ĐẤU TRANH, PHÚC THIỆN
- MIẾU : MÃO DẬU (nhân hậu, thẳng thắn, vui vẻ, cương quyết, chủ quyền uy)
- VƯỢNG : TÍ NGỌ DẦN
- ĐẮC : THÂN HỢI
- HÃM : THÌN TUẤT SỬU MÙI TỊ (liều lĩnh, ương bướng, nhầm lẫn, thường gây thị phi, kiện cáo, đổ vỡ)
- Miếu, Vượng, Đắc địa rất uy quyền, chế ngư được ác sát tinh, dung ác sát tinh làm bộ hạ càng đắc thế
- Tối kỵ gặp Tuần Triệt án ngữ, coi như Tướng mất đầu. Nếu có thêm Thiên Khôi đóng chung là tối nguy hiểm. Trường hợp này phải xem các sao liên hệ như Thiên mã, tướng Quân, Thái Dương, Tử Vi. Nếu các sao này sang sủa, tốt

đẹp và Mệnh hướng lên chiều Tử Vi thì có thể cứu giải được. đóng chung với Tướng Quân là Tướng Tướng tao phùng, rất hiển hách

12/. THIÊN LƯƠNG

- NAM ĐẨU TINH. ÂM MỘC
- THỔ TINH. CHỦ PHỤ MẪU, PHÚC THỌ
- THIÊN LƯƠNG COI NHƯ ÔNG TỂ TƯỚNG Ở THIÊN ĐÌNH
- MIẾU : NGỌ THÌN TUẤT (nhân hậu, khoan hòa, quyền biến, phục thiện, giải trừ tai họa, bệnh tật)
- VƯỢNG : TÍ MÃO DẦN THÂN
- ĐẮC : SỬU MÙI
- HÃM : DẬU TỴ HỢI (lười biếng, thất thường, nhầm lẫn, ba phải)
- Sao này là sao hiền hòa nhất trong Tử Vi, đóng Mão Dậu là rất mô phạm, đạo đức. Gặp Thiên Quan, Thiên Phúc hay Tứ Đức thường là nhà tu hành đắc đạo, hiếu trung toàn vẹn. Nếu gặp Khôi Việt, Xương Khúc hợp Mệnh thì phú quý lưỡng toàn

13/. THẤT SÁT

- NAM ĐẨU TINH. DƯƠNG KIM
- QUYỀN TINH. DŨNG TINH
- CHỦ CHIẾN ĐẤU, SÁT PHẠT, UY VŨ, BẤT KHUẤT
- MIẾU : DẦN THÂN TÍ NGỌ
- VƯỢNG : TỴ HỢI
- ĐẮC : SỬU MÙI
- HÃM : MÃO DẬU THÌN TUẤT (liều lĩnh, hung bạo, dễ gây tai họa)
- Đây là hung tinh, rất nóng nảy, nên gặp hóa Khoa để giảm bớt cường độ. Hạn gặp, đắc địa dễ bốc to, làm mạnh ví như tên cướp, nhưng được cái phong thái anh hung, không them điều vụn vặt. Hãm địa thì liều, dám làm tới, bất chấp nguy hiểm và dư luận. tối kỵ gặp Kình Dương, Thiên hình, y như kẻ cướp cầm dao, cầm sung. Gặp Thiên Việt, hỏa Linh dễ bị tai nạn gươm đao

14/. PHÁ QUÂN

- BẮC ĐẨU TINH. ÂM THỦY
- HUNG TINH. HAO TINH. CHỦ PHÁ TÁN, HUNG BẠO
- MIẾU ĐỊA : TÍ NGỌ (can đảm, dũng mãnh, kiên trì nhưng ích kỷ đến tàn bạo)
- VƯỢNG : SỬU MÙI

- ĐẮC : THÌN TUẤT
- HÃM : MÃO DẬU DẦN THÂN TỴ HỢI (gian ác, liều lĩnh, phá hoại, thường gây ly tán, đổ vỡ)
- Ác hơn Thất Sát vì Thất Sát còn có ít nhiều quân tử tính, chứ Phá Quân thì dám làm tất cả, không từ 1 điều gì không làm, dù đắc địa hay hãm địa. Sao gian tà, bất nhân hạng nhất. Chỉ có Thiên hỷ và 2 sao nhỏ Thiên Tài, Thiên Thọ là giảm bớt cái ác của Phá Quân
- Gặp hóa Lộc thì vừa phát vừa tán. Gặp Phục Binh là nhiều mưu toan phản nghịch, lừa đảo. Gặp Song Hao là thất cơ lỡ vận. hãm địa gặp Song Hao là bị đói

15/. TUẦN

- TUẦN TRUNG KHÔNG VONG. HỎA
- Đây là sao cực kỳ quan trọng, có ảnh hưởng tất cả các ngôi sao khác trong toàn lá số. Bởi đó là 1 chu kỳ, ẩn hiện theo từng hạn
- Sao Tuần đóng trên lá số Tử Vi là sao Tuần của số, sinh ra torng chu kỳ nào, để biết được độ số mạnh yếu của ngũ hành. Khi xem số, ngoài sao Tuần ấy, phải biết phối hợp với sao Tuần của thời gian muốn xem
- Ví dụ : tuổi Giáp Ngọ (Sa Trung Kim) thì Tuần đóng giữa 2 cung Thìn Tị, đến chu kỳ của canh Thân, thì sao Tuần lại đóng giữ 2 cung Tí Sửu, như vậy tức là khi sinh ra, tuổi Kim này có các sao hỏa cực mạnh, nay đến Đại hạn này, sao Tuần ở Tí Sửu là lửa nguội, các sao Hỏa ở lá số kia không được mạnh nữa, do thế tuổi Kim bi5kha8c1 ít, để nắm vững độ số xung khắc, phối hợp trong lá số
- Chính vì vậy, nhiều nhà đoán số giải rằng : Tuần chỉ ảnh hưởng có 30 năm đầu, sau sẽ nhạt dần. Sự đó chỉ đúng 1 phần, do mới giải đáp riêng cho sao Tuần ở lá số mà không thấy cái ảnh hưởng gián tiếp đến các sao khác nữa. Vì khi Tuần giảm hay gia tăng độ số, thì các sao khác cũng giảm hay gia tăng theo
- Để cho được rõ rang, chúng tôi đã lập ra số đo sao Tuần có ghi rõ độ số và bảng Lục Tuần Hoa Giáp ghi rõ chu kỳ, để có thể nom thấy là biết ngay mức ảnh hưởng cao thấp của sao Tuần (trang 32)
- Tuần ảnh hưởng nặng nề đối với các tuổi Kim, Thủy và Mộc, còn đối với 2 tuổi Thổ và Hỏa thì ít. Trường hợp 2 tuổi này bị nhiều sao xấu, thì Tuần có ích
- Số VCD có Tuần tọa thủ cần phải xem hành tuổi hợp hay khắc
- Đối với Tử Vi, Thiên Phủ, sao Tuần làm giảm hiệu năng, nhưng chỉ đối với uy quyền, còn đối với tài lộc thì trung bình
- Đối với các sao Thiên Tướng, Thất Sát, Tuần rất ác. Tướng Quân, Thiên Mã cũng kỵ sao Tuần, dễ gây tai nạn

ẢNH HƯỞNG CỦA TUẦN

A. ĐỐI VỚI LỤC TUẦN HOA GIÁP

1. 30 năm đầu mạnh hay nhẹ (tùy theo hành của tuổi)
2. 30 năm sau ngược lại

Ví dụ :

- Giáp Ngọ thì 30 năm đầu chịu ảnh hưởng mạnh của Tuần, 30 năm sau nhẹ bớt đi
- Giáp Dần thì 30 năm đầu chịu ảnh hưởng nhẹ của Tuần, 30 năm sau sẽ mạnh hơn

B. ĐỐI VỚI ĐẠI VẬN 10 NĂM

- 5 năm đầu, UMBRA ở mặt Dương (hoặc Âm)
- 5 năm sau, ở mặt ngược lại
- Do thế, các đại hạn đều chia làm 2 thời kỳ, mỗi thời kỳ 5 năm)để thay đổi thời vận). 5 năm đầu theo can trước, 5 năm sau theo can dưới

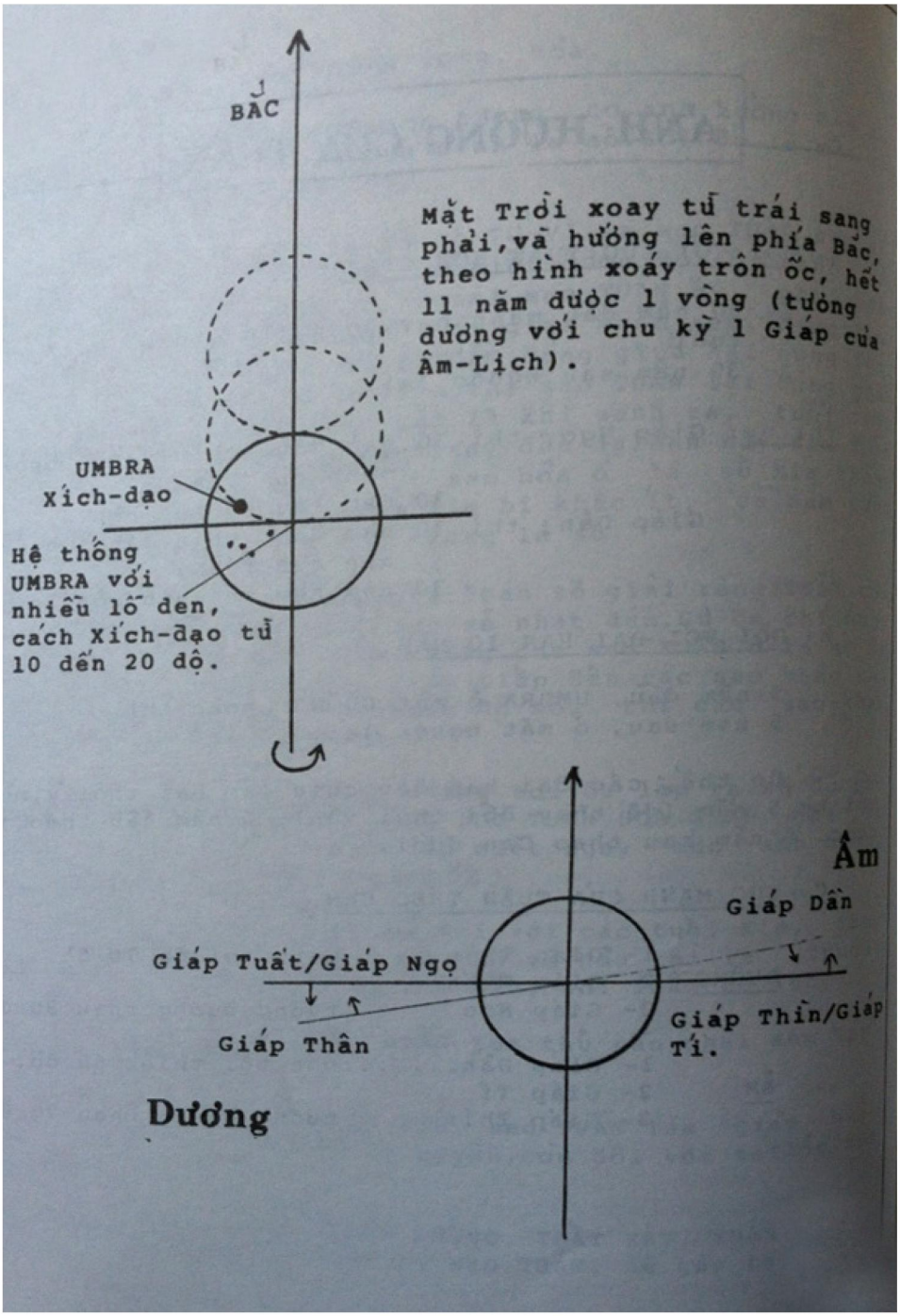
C. SỨC MẠNH CỦA TUẦN THEO CAN

1/. DƯƠNG :

- GIÁP THÂN…….mạnh tối đa 90 độ
- GIÁP TUẤT
- GIÁP NGỌ …….tương đương nhau 80 độ

2/. ÂM

- GIÁP DẦN……..nhẹ tối thiểu 60 độ
- GIÁP TÍ
- GIÁP THÌN…….tương đương nhau 70 độ



16/. TRIỆT

- TRIỆT LỘ KHÔNG VONG. KIM
- ĐÂY LÀ ĐỘ SỐ HÀNG NĂM CỦA SAO TUẦN, coi như mũi dùi tiến công của Tuần nên MẠNH HƠN TUẦN và RẤT ÁC LIỆT
- MIẾU : THÌ TUẤT HỢI

- VƯỢNG
- THÂN DẬU
- ĐẮC : TÍ SỬU NGỌ MÙI
- HÃM : DẦN MÃO
- Rất kỵ chặn mặt các sao Tướng Quân, Thiên Mã. Gặp Triệt dễ bị tai nạn xe cộ, tai nạn binh hỏa. Trường hợp này nên tìm xem Linh Tinh, Hỏa Tinh, xem cung Tật Ách, xem Tử Vi đóng ở đâu, đã qua hạn chưa. Quá hạn nghĩa là đã vượt qua Tử Vi rồi thì là quá hạn.
- Ví dụ : Dương Nam Mệnh đóng ở Mão, Tử Vi ở Ngọ, Triệt đóng ở Thìn Tị. Dưới 25 tuổi là chưa qua hạn vì chưa gặp Tử Vi, nhưng khi đã quá Đại hạn có Tử Vi rồi, khi tiểu hạn lại gặp Triệt thì coi là quá hạn. Tai nạn sẽ nhẹ bớt đi nhiều
- Nếu Tử Vi đóng ở Sửu, mà Mệnh ở Mão thì 2 đại hạn ở Thìn và Tỵ là độc, sau đó đến các Tiểu hạn lại gặp vẫn độc, vì không gặp được Tử Vi cu7ua1. Lúc ấy, các sao giải là hóa Khoa, Giải Thần, Thiên Giải và Địa Giải, ngoài ra khó lòng mà đỡ được

17/. THÁI TUẾ

- MỘC ĐỚI HỎA
- CHỦ LÝ LUẬN, PHÚ QUÝ, UY QUYỀN
- MIẾU : TỪ DẦN ĐẾN NGỌ
- VƯỢNG : HỢI TÍ
- ĐẮC : CÁC CUNG KHÁC
- Thái Tuế không có hãm địa vì là sao đầu tàu, luôn di động và là phi tinh, thay đổi hàng năm
- Kiêu ngạo, độc đoán, nghiêm nghị, tài ba, cô độc, ưa lý luận, giỏi ngoại giao. Gặp Xương Khúc, Khôi Việt học giỏi, lý luận đanh thép, lợi về văn hóa. Gặp Tam hóa rất lợi cho công danh, sự nghiệp. Gặp Đà Kỵ, công việc trắc trở, đa đoan, liên hệ nhiều đến kiện cáo, giam cầm, tù tội. gặp Sát tinh, bại tinh, thiệt hại và hao tán
- Mệnh có Thái Tuế tọa thủ, VCD, là người kiêu ngạo, ăn nói kiêu kỳ, không ưa ai và là người tài giỏi

18/. THIẾU DƯƠNG

- HỎA
- Thông minh, nhã nhặn, từ thiện, giải trừ bệnh tật, hoạn nạn nhỏ.
- Thiếu Dương gặp Thái Dương làm cho Thái Dương thêm rực rỡ

19/. TANG MÔN

- MỘC
- Bại tinh. Dễ gây tang tóc
- Gặp Hổ là Tang Hổ đứa đến hao tán, thất bại. Tang Môn đóng ở Mão gặp Thái Dương thì rất tốt, làm cho Thái Dương thêm sang
- 20/. THIẾU ÂM
- THỦY
- Như Thiếu Dương. đóng chung với Thái Âm thì tốt

21/. QUAN PHÙ

- HỎA
- Chủ thị phi, lý luận, kiện cáo, nhưng nghiêng về giúp đỡ, tốt đẹp. gặp sao tốt làm cho thêm tốt và ngược lại
- Thuộc Thái Tuế hệ. Khác với Quan Phủ (có dấu hỏi) thuộc Lộc tồn hệ
- Gặp Xương Khúc, Cự môn, Khoa Lộc, lợi cho việc kiện tụng, tranh chấp
- Gặp tang hổ, Linh hỏa, Kình Đà, Tuế Phá, Khốc Hư dễ thua kiện, chủ bệnh tật, tai nạn, tang thương, tù tội, hại đến công danh, quyền thế

22/. TỬ PHÙ

- HỎA
- Chủ tang thương, chết choc, rắc rối

23/. TUẾ PHÁ

- HỎA
- Hung tinh rất ác (tiếng nổ lớn)
- ĐẮC : THÌN TUẤT (chủ phá tán, liều lĩnh, lộng hành, quá khích)
- An tại Mệnh nếu gặp Riêu Y là người điên cuồng, dám tất cả, không gì ngăn cản được. Cần gặp Thiên Tài, Thiên thọ để chế bớt đi. Gặp Hồng Đào là ghen tuông, thất bại về tình duyên. Cần xem thêm Cô Quả, Đẩu Quân

24/. LONG ĐỨC

- THỦY

- Sóng thần. Tối kỵ gặp Thái Dương ở Tỵ, Hợi
- Gặp Thanh Long là Thanh Vân đắc lộ, Rồng ra bể. Hợp với người tuổi Thủy, Mộc. Có đức độ, hòa nhã, từ thiện, giải trừ tai họa, bệnh tật nhỏ

25/. BẠCH HỔ

- KIM
- Gặp Tấu Thư đồng cung là may mắn lớn, gọi là hổ đội Hòm sắc, dễ đỗ cao, chủ về thi cử, công danh. Gặp phi Liêm đồng cung là hổ có cánh, công danh rất tiến đạt, lợi cho thi cử, nhiều tin mừng nhanh chóng.
- Xem những người làm chính trị, hay quân sự cỡ lớn, cần xem Tứ Linh (Long Phượng Mã hổ). Nếu cả Tứ Linh đều đắc vị, không bị cản, mà Mệnh/Quan/Tài đều tốt, thì thế nào cũng thành công. Bạch Hổ tối kỵ gặp Sonh Hao, Hư Khốc là đời buồn thảm, lao đao
-

26/. PHÚC ĐỨC

- THỔ
- Gặp Thiên Đức, Long Đức, Nguyệt Đức đúc kết thành bộ gọi là Tứ Đức, chủ về cứu nguy, ban phúc lộc, chế được các tai họa nhỏ, như đi sát tai nạn, chỉ bị hú vía. Có phúc tinh, khi gặp bước đường cùng, chế được những xui xẻo về nhân duyên, sinh nở, bệnh tật

27/. ĐIẾU KHÁCH

- HỎA
- Hay khoe khoang, đại ngôn, tuyên bố ẩu. Ham ăn chơi. Đi với Khốc Hư là mê cờ bạc. Gặp Hỏa Linh là mắc bệnh Phù Dung tiên tử. Gặp Tang môn dễ bị tang tóc, hao tán, tai nạn, đau ốm. Gặp Thiên hình dễ bị tù tội, thua kiện

28/. TRỰC PHÙ

- HỎA
- Sao trung bình, đi với sao tốt thì tốt và ngược lại
- Chủ thô bạo, a dua, phụ họa

29/. LỘC TỒN

- THỔ
- QUÝ TINH. Chủ tước lộc, phúc tinh, chuyên cứu khốn, phò nguy
- Cẩn trọng, ôn hòa, nhân hậu, thông minh, kín đáo, nhiều tín nhiệm. Sao giải trừ tai họa bậc nhất. Sao này coi như cha hiền vậy
- Chính tinh tốt, gặp Lộc Tồn thì ban phúc nhất định cho cung ấy và cung Tam hợp
- Nhiều sao xâu thì giải trừ bớt cái xấu đi. Hóa giải tính chất dâm đãng, sa đọa của Đào Hồng, Riêu Y. Giảm độ hung hãn của Tuế Phá, Thiên Không.
- đóng chung với Cự Môn và Song Hao ở Mão m người tuổi Thủy và Mộc là cách Chúng Thủy Triều Đông, giàu có Tỷ phú.
- đóng chung với Cự môn ở Tí, gặp Khốc Hư là cách Thạch Trung Ẩn Ngọc, vô cùng quý hiển

30/. LỰC SỸ

- HỎA
- Dũng lược, mạnh bạo, võ biền
- Chủ uy lực
- Gặp sao tốt làm cho đắc lực, nahnh chóng. Gia tăng cường độ. Gặp sao xấu thì xấu thêm, đây coi như sao củng cố áp lực

31/. THANH LONG

- THỦY
- Hợp với người tuổi Thì Tuất Dần Ngọ hơn các tuổi khác
- Vui vẻ, chủ đại thành. Hòa nhã, tin vui mừng. Thanh Long là hỉ khí
- Sao phúc tinh, mang lại may mắn, tốt đẹp. Khi xem Thanh Long, nên liên hệ Tứ Linh (Thiên Mã, bạch Hổ, Phượng Các)
- Gặp Lưu Hà là Rồng gặp nước. Gặp HÓa Kỵ tốt hơn, là rồng mây gặp vận, chủ phú quý, uy quyền. Gặp Thái Âm chủ đi xa thành công

32/ TIỂU HAO. ĐẠI HAO

- 2 sao này đều là THỦY, và là bại tinh gọi là SONG HAO.
- Chủ hao tán.
- Gặp Bạch Hổ cùng nhiều sao xấu, có thể bị đói

- Gặp Riêu Y có Lộc là bị thổ huyết hay phải mổ. Bệnh nan y. Kỵ đóng ở Tài Bạch , Tử Tức, Phu Thê. đóng ở đâu, bại ở đấy. Dễ gây tang thương, tang tóc, chia ly, thất bại
- Song Hao chỉ nên đóng chung với Cự Môn ở Mão Dậu, nhưng phải có Lộc Tồn. Nếu thiếu Lộc Tồn thì hỏng. Song Hao không bao giờ nên đóng với Tam Hóa (Khoa Quyền Lộc)

33/. TƯỚNG QUÂN

- MỘC
- Can đảm, thông minh, bất khuất, có tinh thần chiếu sĩ can trường. Sao chủ động, chỉ có tiến, không có thoái. Chủ uy quyền, tích cực. Lợi cho việc thi cử, công danh, nhân duyên
- Đây là sao quan trọng trong việc giải đoán tiểu hạn. Năm gặp Tướng Quân mà có Lộc, nếu nhiều sao tốt mà hợp Mệnh, hợp nam (Ví dụ tuổi Thổ gặp năm Hỏa) thì nên hành động, nhất định thành công. Sao này chỉ sự hành động, vậy đừng nên rụt rè
- Gặp Thiên Tướng là cách Tướng Tướng tao phùng, rất uy vũ, đánh trận sẽ thắng, làm gì cũng át mà thành công. Gặp Đào Hoa là thích ăn chơi, bay bướm. Đàn bà có Tướng Quân ngộ Đào Hoa là kém. Nếu lại gặp Riêu Y thì rất xấu, thêm Phục Binh chiếu hay Không Kiếp là bị hãm hiếp. Có THAI là bị chửa hoang
- Gặp Tuần Triệt án ngữ là tối kỵ. Những tuổi Tân, Đinh dễ gặp. Tướng Quân cũng như Thiên Mã, Thái Tuế, nếu không bị Tuần Triệt cản mặt thì dễ thành công vì đó là 3 sao coi như đoàn quân tiên phong tiến vào cuộc đời mà không bị vấp váp.

34/. TẤU THƯ

- KIM
- Chỉ về công danh, tài lộc rất tốt. Đó là bằng sắc, ấn tín, giấy khen thưởng, bội tinh. Cũng là dụng cụ về hội họa, văn chương, nghệ thuật
- Vui vẻ, hoạt bát, nhưng nếu đóng với những sao xấu thì lại là dèm pha, ghen tị. Gặp Tang Hổ là dễ bị tang tóc. Tấu Thư có tính chất chuốc lấy, vơ vào nên cần tránh ác tinh, bại tinh

35/. PHI LIÊM

- HỎA

- Vui vẻ, rất gấp. Gặp sao tốt thì rất tốt, vì làm cho nhanh chóng. Nhưng gặp sao xấu thì rất nguy hiểm, vì tai nạn đến không kịp đỡ. Gặp Bạch Hổ, có Hóa Khoa là đỗ cao, máy mắn lớn. Nếu đi với Hóa Lộc có thể trúng số độc đắc, hay được 1 món tiền bất ngờ nhanh chóng
- Gặp Thiên Hình, Thiên Việt, hỏa Tinh, Linh Tinh là bị mũi tên, hòn đạn. Nguy hiểm nếu có thêm Hóa Lộc là đổ máu khó tránh. Ở cung Phu Thê là tối kỵ, vợ chồng chia ly. Ở cung Tử Tức, huynh Đệ là giảm số anh chị em, con cái. Ở nô Bộc là bạn bè chóng chán nhau. Ở Điền là nay ở mai đi. Ở Tài Bạch là hoang phí, nhưng có tính chất trọng nghĩa khinh tài, cao thượng

36/. HỈ THẦN

- HỎA
- Vui vẻ, báo tin mừng. Liên can nhiều đến cưới hỏi, công danh, sinh nở
- Hỉ Thần tối kỵ gặp Riêu Y vì sẽ là các bệnh ngứa, trĩ, đau ruột (appendicite)

37/. BỆNH PHÙ

- THỔ
- CHỦ BỆNH TẬT, BUỒN RẦU
- Gặp Riêu Y, Tuế Phá, Khốc Hư là ho lao, bệnh có vi trùng. Gặp Đào Hồng, Riêu Y, Không Kiếp là mắc bệnh phong tình. Gặp Hỉ Thần, thêm Riêu Y là bệnh Trĩ

38/. PHỤC BINH

- HỎA
- SAO CHẠY CỜ, ÂM MƯU, GIẢO QUYỆT
- đóng chung với hung tinh (Sát Phá Liêm Tham) rất đắc lực. Đắc địa thì hạn gặp dễ thành công, xấu thì dễ bị lừa phản. Sao này chủ những việc ám muội. Gặp Đào Hồng Hỉ ở Phu thê là dễ bị cắm sừng. Cung Nô có Phục Binh là bị bạn bè lừa phản. Mệnh có Phục Binh là người xảo quyệt, thủ đoạn

39/. QUAN PHỦ

- HỎA

- Quản Phủ khác Quan Phù (Vòng Thái Tuế). Quan Phù có nhiều khi tốt chứ Quan Phủ thì hoàn toàn xấu. Gậy rắc rối, tù tội, kiện cáo. Quan Phủ gặp Riêu Y ở Tật Ách là dễ bị bệnh hủi

40/. TRƯỜNG SINH

- THỦY
- Tích cực ,từ thiện, sang sủa
- Sao Phúc. Chủ về việc sinh nở, sự bền vững lâu dài. Gặp Thiên Mã ở cung Dần, Tị Thân là nhanh chóng, hanh thông, đắc lực. Gặp Mã ở Hợi là ngựa cùng đường, trì trệ, công việc trở ngại, việc đứng im, không nhúc nhích
- Trường Sinh ở Mệnh thì thọ. Ở Di thì sống ly hương. Ở Tật Ách bệnh sẽ lâu khỏi. Trường Sinh chỉ con số đóng và sự lâu dài

41/. MỘC DỤC

- THỦY
- Chủ sự canh cải, ăn chơi, dâm dục, lười biếng, u mê, làm dáng. Gặp Đào Hồng Riêu Y, Hoa Cái là đam mê sắc dục. Thêm Kiếp Sát, Thiên Không là tai họa vì sắc dục gây nên
- Mệnh Tài Quan có Mộc Dục, nếu thêm Long Phương chủ về nghệ thuật, thợ ảnh, thợ mộc, thợ vàng, bạc, thợ rèn. Phần nhiều học không thành đạt, bỏ dỡ việc học hành

42/. QUAN ĐỜI

- KIM
- Chủ quyền thế, công danh, kiêu căng, thích trịch thượng.
- Gặp Hóa Quyền, hóa Khoa thì đỗ cao, lên chức
- Gặp các sao mờ ám, xấu xa gây phiền toái, kiện cáo, rắc rối. Mua dây mà buộc vào mình

43/. LÂM QUAN

- KIM
- Kiêu căng, khoe khoang, trình bày
- Chủ sự vui vẻ, phát đạt

- Gặp sao sang sủa, tốt đẹp thì thành công và thịnh đạt
- Gặp sao mờ ám, xấu xa thì bất mãn, bị phiền nhiễu

44/. ĐẾ VƯỢNG

- KIM
- Uy nghi, đường bệ, từ thiện. Chỉ con số nhiều
- Óc lãnh tụ. Giải trừ bệnh tật, tai họa. Phóng khoáng, dễ dàng
- Gặp Quyền, nếu có Thái Tuế hay Tuế Phá thì làm lớn, có quyền tuyên bố. Những người lãnh đạo cấp chủ tể thường có cách này. Gặp Lộc thì giàu sang, thịnh đạt

45/. SUY

- THỦY
- Suy nhược, chủ sự sa sút, yếu đuối, thất bại

46/. BỆNH

- HỎA
- Đau yếu, buồn rầu, nhầm lẫn
- Bệnh gặp Bệnh Phù là non yểu, nhu nhược. Gặp Riêu Đào hồng là bệnh tình

47/. TỬ

- THỦY
- Chỉ sự chết choc, suy nghĩ, thâm trầm
- Tử nên đóng ở cung Điền hay Tài, nếu gặp Lộc Tồn là tiền chôn bạc cất

48/. MỘ

- THỔ
- Chủ sự chôn cất, ngu si, đen tối
- Mộ nên gặp 2 sao Thai Tọa, gọi là Mộ chung Thai Tọa, thì dù có nghèo đến mấy cũng là người có nhân phẩm cao, giấy rách giữ lề.

- Mộ ở Thìn Tuất là hãm địa, có Mệnh đóng đây là lết bết, cần phải có Tuần Triệt mới ra thoát cái hũ nút ấy được
- Mộ cần gặp Lộc Tồn và Linh Tinh, Hỏa Tinh, Thiên Khôi, Thiên Việt. Cung Phúc có Mộ, có nhiều sao rực rỡ tốt đẹp là được mộ, giàu sang nhiều đời

49/. TUYỆT

- THỔ
- Tiêu tán, phá tán, chiết giảm phúc thọ
- Cung Mệnh VCD có Tuyệt tọa thủ thì khôn ngoan, đa mưu túc trí, nhưng nếu có thêm các trợ tinh xấu xa thì dễ chuốc buồn phiền, đa đoan

50/. THAI

- THỔ
- Ngu tối, mê muội, nhầm lẫn, a dua, chơi bời, lười biếng
- Chủ về thai nghén, sinh nở. gặp Thai Phụ là có con quý tử. Gặp Kình Dương, Kiếp Sát, Khoa Lộc dễ phải mổ khi sinh nở. Gặp Riêu Y, Không Kiếp thì phá thai

51/. DƯỠNG

- MỘC
- Hiền lành, dễ dàng, vui vẻ. Chủ sự chăm nuôi, săn sóc, phù trì
- Tọa thủ tại Mệnh thì được nhiều người mến yêu. Yêu mến súc vật. tại huynh đệ, Tử Tức thì có anh chị em nuôi, con nuôi. Tại Phúc Đức hay Mệnh thì đi làm con nuôi người khác. Tại Thân (hậu vận) thì có nhiều con. Tại Nô, Quan thì làm các ngành nghề Giáo Dục, điều dưỡng. Ở Tật, gặp sao xấu, đau lâu khỏi

TỨ HÓA

52/. HÓA LỘC

- THỔ
- CHỦ GIÀU SANG, THÔNG MINH, SỐ NHIỀU, QUY TỤ
- Mệnh có Hóa Lộc là râu tóc rậm rạp. Tính lý lương thiện, sành điệu ăn chơi, sang trọng. Gặp sao tốt tụ tập thành cách, thành thế, nhất là Tử Phủ, Khoa Quyền, Tả Hữu là suốt đời sung sướng. Gặp Đào hồng hỷ, Tấu, mã, Thái Tuế,

Tướng Quân là dễ làm giàu. Gặp Không Kiếp, Riêu Y là hao tán, của không tụ. Gặp Song hao và nhiều sát tinh, bại tinh là bị bỏ đói, tiền của đội nón ra đi. đóng chung hay phối hợp với hóa Quyền mà gặp hạn xấu, sao xấu, có thêm Kiếp Sát, Hỏa Linh, Hình, Việt, Mã hay Tướng Quân gặp Triệt thì là tai nạn khủng khiếp, mũi tên, hòn đạn hay bị mổ xẻ, đổ máu nguy hiểm

53/. HÓA QUYỀN

- MỘC
- CHỦ QUYỀN UY, TÍCH CỰC, ĐỘC ĐOÁN
- Mệnh có Hóa Quyền tọa thủ thì người uy nghi, lẫm liệt, có quan chức và uy quyền lớn. Gặp Đế Vượng là Đế Quyền, thường giữ trọng trách quốc gia. Gặp Bạch hổ, tấu Thư là vinh thăng trọng trách
- Gặp Vũ Tham đồng hành ở Sửu Mùi, thêm trợ tinh tốt đẹp thì tọa trấn biên thùy, ai cũng phải kính nể. Gặp Tuần Triệt án ngữ là công danh sứt mẻ, đường đời gập ghềnh, lên xuống thất thường. gặp Sát tinh, bại tinh là liều sẽ thất bại và dễ mắc tai họa
- Phụ nữ không nên có Quyền ở Mệnh/ Thân vì dễ khắc chồng, cô đơn và lao động cật lực. Gặp Quyền ở hạn Phụ Mẫu hay Huynh Đệ là dễ khắc cha mẹ, an hem trong thời niên thiếu
- Quyền ở Quan Lộc mà đóng chung với sát tinh, bại tinh là lao động vất vả suốt đời, không được an nhàn. Quyền ở nô là bị chèn ép, bị bất mãn và thiệt thòi

54/. HÓA KHOA

- MỘC
- Đệ nhất cứu tinh, giải trừ các tai nạn
- Chủ thanh lịch, vui vẻ, từ thiện
- Tuy nhiên, Cung Phối mà có Đào Hồng, gặp Triệt không nên có Khóa Khoa vì dễ thay đổi nhân duyên, 2-3 đời chồng hay vợ. Hóa Khoa thường thay đổi, không mấy chung tình. Mệnh gặp Hóa Khoa tọa thủ là người thanh tú, nhân hậu, có lòng từ thiện và rất thông minh. Gặp Khôi Việt, Xương Khúc, Tấu Thư thì đỗ cao, có tài văn chương nghệ thuật. đóng chung với hung tinh, sát tinh thì giảm nhiều được cái ác của sát tinh. Gặp Đào Hồng, Riêu Y thì giải trừ được cái sa đọa, dâm bôn của Đào Hồng
- Sao này là sao cứu tinh, nên khi đang ở hạn tốt mà đến hạn xấu, gặp Hóa Khoa là phải vất vả lao đao mất mấy năm đầu, sau mới hồi phục lại được. Bởi Hóa Khoa là canh cải. Chỉ nên xem hạn, khi sắp đến Hóa Khoa ở hạn xấu thì phải chuẩn bị là sắp có sự quật ngược, hao tán, thất bại, tùy theo năm khắc tuổi, để đề phòng trước mà đừng hành động nữa.

- Ví dụ : ăm hợi sang năm Tí, có Hóa Khoa ở hạn cung Tí (theo Thiên Bàn), mà trong cung hạn này có nhiều sao xấu như Tang hổ chiếu vào Phụ Mẫu là dễ có tang cha mẹ vào năm Tý, hoặc cha mẹ có tin gì không may. Cũng như về con cái và tật ách, bởi 3 cung này tam hợp. Hoặc cũng có thể về nhà cửa như kiện cáo, sinh nở, nghiêng về khó khăn, thất bại
- Hóa Khoa là sao cứu tinh, nhưng để hoàn tất nhiệm vụ ấy, tất nhiên phải có cái họa đi trước, do thế cần phải xem kỹ các sao khi đến hạn gặp Hóa Khoa. Khoa chủ về công danh, cưới hỏi và nghiêng nhiều về danh tiếng hơn là thực tế. Đó là hình thái, sự rang rỡ biểu lộ ra ngoài. Khoa gặp Văn Xương thì giỏi về văn chương nhưng nghèo và yểu, tài tình, phù phiếm, chuộng hư danh

55/. HÓA KỴ

- THỦY
- Chủ thị phi, tai họa, nhầm lẫn, ghen ghét
- Đắc địa : Thìn Tuất Sửu Mùi
- Đắc địa thì chiết giảm sự phá hoại. đóng ở Hởi Tí gặp Hóa Khoa, không ngoan, cẩn trọng, được nhiều người kính nể. Gặp Khôi Việt, Xương Khúc, văn chương có tài nhưng thi không đỗ, hoặc có đỗ cũng khó được công danh như ý. Gặp Hồng Đào đau khổ vì tình. Đàn bà gặp Hồng Đào, Cự Kỵ thì bất chính, khó toàn danh tiết, lo buồn chồng con hay yểu tử
- Tọa thủ tại Sửu Mùi, gặp Nhật Nguyệt tùy theo tuổi hợp thì làm cho Nhật Nguyệt thêm sang, như mây 5 sắc. Ngược lại nếu khắc Mệnh thì là biến ra thành bệnh tật, học hành dang dở, nhất là bị mục tật và ly hương
- Tọa thủ tại Hợi gặp Thái Dương có thêm Không Kiếp, Long Đức là mù lòa, tai họa song nước, đắm đuối tàu xe, bán than bất toại. Gặp Liêm Tham Tị hợi, giảm bớt ác khí của Liêm Trinh, cứu được tai họa tù đày. Gặp Tuế Phá, Đà la hay gây rắc rối, kiện cáo, bệnh tật. Gặp Cự đồng cung, nếu có Phục Binh là lưới đen, chuyển xúc xiểm, gây tai họa
- Người tuổi Thủy, Mộc, Không sợ Kỵ. Khi đến hạn Thanh Long, Nhật Nguyệt, Xương Khúc thường dễ thành công vì đó là cách Thanh Vân đắc Lộ

Xem Tứ Hóa cần phải xem dưới 3 hình thức lồng cả vào nhau, mới biết được cường nhược của Tứ Hóa. 3 hình thức là :

- Tứ Hóa trong lá số phải xem
- Tứ Hóa của năm hạn cần xem
- Tứ Hóa theo thế đắc địa của chung, mà chúng tôi trình bày dưới đây.
- Ví dụ :

Tuổi Canh Thân – Thạch Lựu Mộc, Dương Nam, Mệnh lập tại cung Dậu, có cách Nhật Xuất Phù Tang tức là sao Thái Dương và Thiên Lương đóng ở cung Mão chiếu Mệnh. Như vậy Tứ Hóa như sau :

HÓA LỘC đóng ở cung Mão là cung Thiên Di cùng Thái Dương;
HÓA QUYỀN đóng ở cung Nô cùng Vũ Khúc;
HÓA KHOA ở hợi là cung Phúc;
HÓA KỴ ở Quan Lộc cùng Thiên Đồng ở Sửu

Nay phải tìm xem Tứ Hóa cố định tốt đẹp nhất kia có hợp với số người này không. Chiếu cái bảng về Tứ hóa dưới đây, thì thấy :

Hóa Lộc đóng ở cung Tỵ, đó là cung Tài của đương số
Hóa Quyền đóng ở Thìn, là cung Tật
Hóa Khoa ở Dậu, cung Mệnh
Hóa Kỵ ở Mão, cung Di

Người này tuổi Mộc được cả Tứ Hóa, vì Hóa Kỵ Thủy hợp Mệnh. Như vậy sẽ thấy:

Lộc vừa đóng ở Di, vừa đóng ở Tài, người này sẽ giàu có. Quyền đóng ở Nô và Tật, vậy Quyền yếu

Khoa đóng ở Phúc và Mệnh, đều gặp Thái Âm hợp Mệnh. Thái Âm chủ về sự đi xa (qua bể), tức ngoại quốc.

Hóa Kỵ vừa đóng Di, vừa đóng Quan. Hóa Kỵ cũng chủ sự đi xa

Do thế, có thể riêng với Tứ Hóa này đã đoán đại cương được rằng, người này phải sống ơ ngoại quốc, hay đi xa làm giàu về các nghề doanh thương, công kỹ nghệ, giỏi về ngoại giao, rất khôn ngoan và thông minh, dễ gặp may mắn cạnh phụ nữ

Tức là nên lồng cái bảng Tứ Hóa trong bảng kê này vào trong Tứ hóa của lá số phải xem, rồi theo hạn của Tứ Hóa mà đoán. Năm hạn của Tứ Hóa cũng nằm trong bảng kê này

Ví dụ : tuổi Canh Thân, xem vào năm Mậu Tuất thì lấy Tứ Hóa của tuổi Canh và tuổi Mậu trong bảng kê này, rồi lồng vào lá số của Canh Thân. Tất nhiên cái cường độ của Tứ hóa này nằm theo thứ tự như sau:

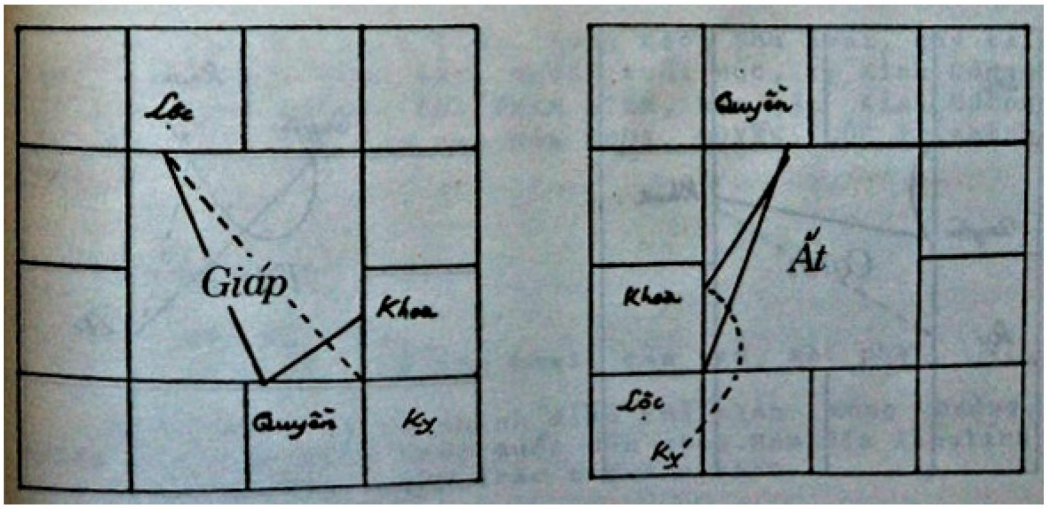
1. Của lá số
2. Của năm Canh Thân trong bảng kê
3. Của năm Mậu (theo bảng kê)

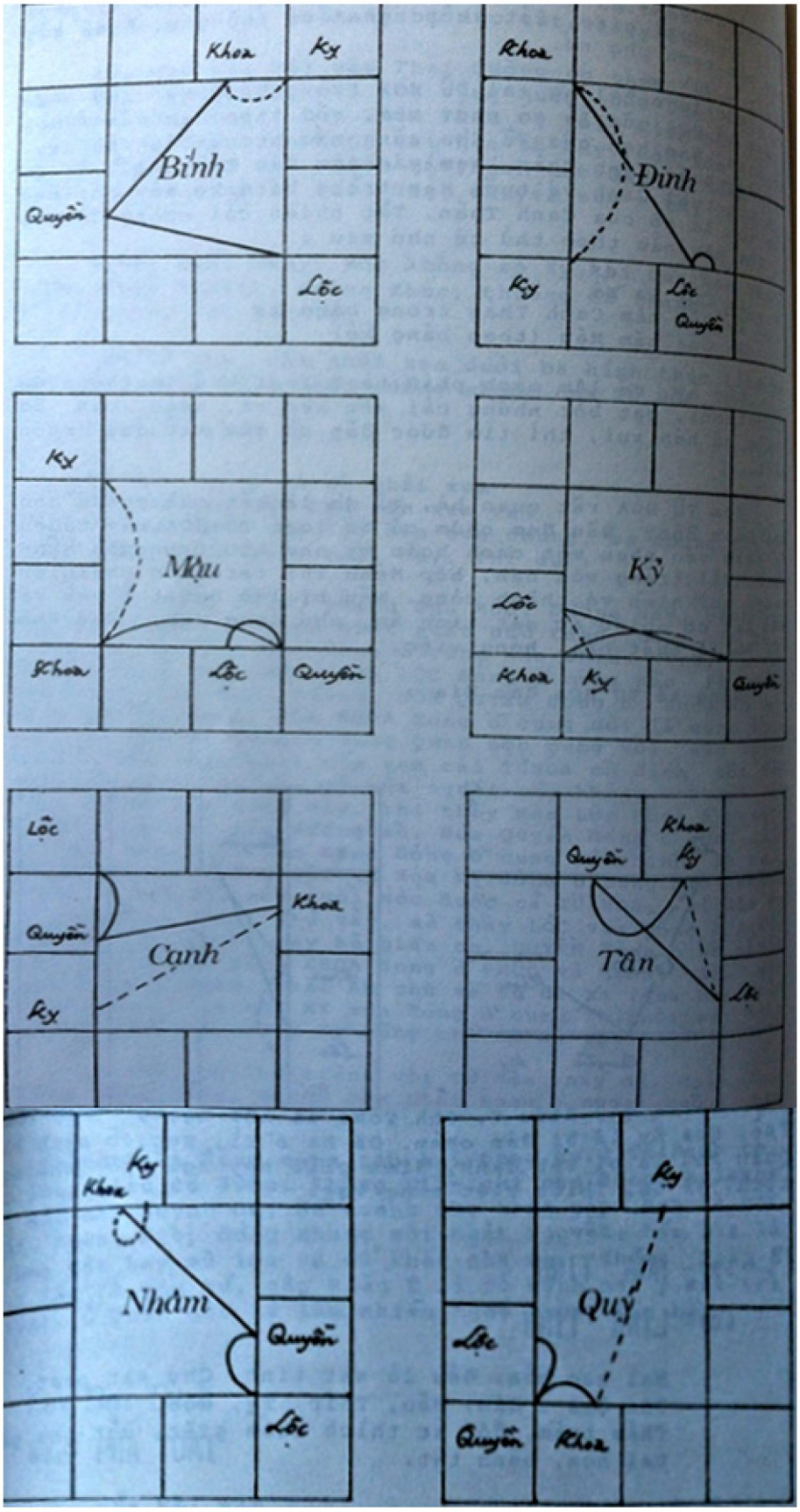
Lúc ấy sẽ làm cách phân tách, loại trừ (method de deduction), gạt bớt những cái yếu kém ra, hoặc cân đo những sự hên xui, thì tìm được đáp số của kết quả muốn biết

Xem Tứ hóa rất quan hệ, vì đó là kết quả cụ thể cho mọi hành động. Nếu đem chum cả 3 loại Tứ Hóa này mà đều ăn chập vào nhau 1 cách hoàn mỹ, như Lộc trùng với Mệnh Quan, Tài trùng với hạn, hợp Mệnh thì tất nhiên phải giàu sang, quý hiển và thành

công. Nếu bị lạc hãm, thì yếu và nếu lại có nhiều ác sát tinh ám, như Song Hao, Tuế Phá thì đó là thất bại, hỏng việc

BẢNG KÊ TỨ HÓA ĐẮC ĐỊA:




Khoa
Kỵ
Bính
Quyền
Lộc
Khoa
Đinh
Kỵ
Lộc
Quyền
Kỵ
Mậu
Khoa
Lộc
Quyền
Kỷ
Lộc
Khoa
Kỵ
Quyền
Lộc
Quyền
Khoa
Canh
Kỵ
Quyền
Khoa
Kỵ
Tân
Lộc
Kỵ
Khoa
Nhâm
Quyền
Lộc
Kỵ
Quý
Lộc
Quyền
Khoa

LỤC SÁT TINH

57/. KÌNH DƯƠNG

- KIM
- CÒN ĐƯỢC GỌI LÀ DƯƠNG NHẪN
- HÌNH TINH (THANH KIẾM)
- CHỦ UY QUYỀN, SÁT PHÁT, CƯƠNG QUYẾT, VÕ BIỀN
- ĐẮC ĐỊA Ở THÌN TUẤT SỬU MÙI
- Kình Dương tọa thủ ở Mệnh, VCD , tuổi Kim, Thổ là nhất kiếm tọa trấn biên thùy, dễ thành công về võ nghiệp. Cần gặp Quyền, Khoa, Đế Vượng. đóng ở Thìn Tuất rất đắc thế, vì có thể thay cho Tuần Triệt mở cửa La Võng, làm cho cuộc đời được hanh thông, khỏi bế tắc. can đảm, anh hung cách
- Hãm địa thì liều lĩnh, hung bạo, phá hoại, gây tai nạn, chết choc, bệnh tật. Người tuổi Mộc kỵ Kình Dương. Các tuổi Mệnh có Sát Phá Liêm Tham, hạn gặp Kình Dương rất sát phạt. Nếu gặp Tam Hóa Khoa Quyền Lộc thì thành công

58/. ĐÀ LA

- KIM ĐỚI HỎA
- KỴ TINH. Chủ phá hoại, cản trở, sát phạt
- Mệnh có Đà La VCD thì ương bướng, ngoan cố, kiên trì, theo đuổi đến cùng. Hãm địa thì liều lĩnh, hung bạo, phá hoại, gặp trắc trở khó khăn
- Đà La gặp Riêu Y, Phá Toái là nói ngọng. Gặp Thái Tuế, Hóa Kỵ là bị đâm chem.. Đà La ở Tí Ngọ có Bệnh Phù, Quan Phù là bị sét đánh, điện giật hay ngã có thương tích. Đà La, Thiên Việt cũng vậy

59/. HỎA TINH

60/. LINH TINH

- Đều là Sát Tinh, chủ sát phạt
- ĐẮC : DẦN MÃO THÌN TỊ NGỌ (thâm trầm, độc ác, thích chem. giết, đốt phá, gây tai họa, bệnh tật)
- Ở Mệnh dễ chết non. Gặp Hình, Việt là mũi tên, hòn đạn. Gặp Sát tinh, hung tinh nogn1 nảy, gây chết choc. Tọa thủ tại Thìn, có Kình Dương là bất đắc kỳ tử. Gặp Thiên Việt, Phi Liêm là bị bắn hay bị sét, bị điện giật chết. Liêm Trinh,

hỏa Tinh, Phá Toái là tự tử. Mệnh ở Mão Dậu ngộ Kiếp Kình, có Hỏa Linh là bị ám sát

- Hỏa Linh chuyên gây tai nạn khủng khiếp. Chỉ có Tử Phủ là trấn áp được Hỏa Linh, cỏn không có sao nào chế ngự nổi. Thiên Tài, Thiên Thọ cũng đỡ được phần nào

61/. ĐỊA KHÔNG – HỎA

62/. ĐỊA KIẾP – THỦY

- SÁT TINH, CHỦ SÁT PHẠT, PHÁ TÁN, TAI NẠN
- Địa Không có tính chất chủ động, thí cho người nhiều hơn (coi như gây cái nhân). Nếu Mệnh có Địa Không là nan du, tính ăn người, ích kỷ
- Ngược lại Địa Kiếp có tính thụ động, bị thiệt thòi. Địa Kiếp coi như kết quả gặt được do Địa Không gây nên trước. Mệnh có Địa Kiếp lại là người cao thượng, đa sầu đa cảm, có tinh thần hỷ xả, và thiệt thòi
- Địa Không gặp sao tốt và tam Hóa là hoạnh phát, theo hình thức bá đạo như biển thủ, lừa đảo, làm ẩu mà được. Nhưng Địa Kiếp là bất chợt bị tiêu tan, chịu đựng và hy sinh. Địa Không gặp Hồng Đào là chòi hoa rồi lại bẻ cành. Nhưng Địa Kiếp gặp hồng Đào là đau khổ vì tình, tan tác tình duyên
- Không Kiếp đóng cung nào hại cung ấy. Ở Tài Bạch thì khó lòng giàu có được. Không Kiếp chỉ nên đóng ở 2 cung Phụ Mẫu và Huynh Đệ, để tránh cho khỏi gặp hạn là tốt nhất. Không Kiếp đóng chung với Nhật Nguyệt , hãm địa là bị mục tật, mù lòa và dễ khắc cha mẹ. Không Kiếp ở Bệnh Tật là yểu tử, gặp Riêu Y là có bệnh nan y, mất trí (điên). Ở Quan Lộc là làm nhiều nghề không lâu bền

LỤC BẠI TINH

63/. PHÁ TOÁI

- HỎA ĐỚI KIM
- TÁO BẠO, HAO TÁN, NGANG NGƯỢC, GÂY TRỞ NGẠI
- Phá Toái đóng chung với Lưu Hà là cách Tái Quản lưỡng phá, dễ thành công về võ nghiệp. Nhưng trong cái may có cái rủi. Uy danh lừng lẫy nhưng chỉ nhất thời. Hạn gặp cách này thì bốc nhanh, nhưng có tai tiếng và tai nạn. Phá Toái gặp Riêu Y là nói lắp. Gặp Hình Kỵ là dễ bị bắn, bị sét hay điện giật

64/. KIẾP SÁT

- HỎA

- ĐẠI ÁC TINH. Chủ chết choc, phá hoại, tai họa
- Gặp Linh Hỏa,, Tấu Thư, Thiên Việt là dễ bị đâm chem., mũi tên hòn đạn. Gặp Phi Liêm, Kiếp Sát là bị sét đánh. Tối kỵ đóng ở Tật hay Mệnh vì giảm thọ

65/. THIÊN KHÔNG

- HỎA
- ĐẠI ÁC TINH. Chủ chết choc, phá tán, gian xảo
- Mệnh có Thiên Không là thủ đoạn, quỷ quyệt, dám làm hết cả. bá đạo chi cách. Mệnh có Thiên Không ở Mão Dậu là người ẩn dật, tu hành. Gặp Hồng Đào là người thanh khiết, thoát tục. Trường hợp này nên xem cung Phu Thê và Tử Tức
- Hạn Thiên Không là dễ tan nát cơ nghiệp, chấm dứt cuộc đời

66/. LƯU HÀ

- THỦY
- Thâm trầm, độc ác, phiêu lưu, đầy tai họa
- Gặp Kiếp Sát đồng cung gây tai họa ghê gớm. Mệnh gặp Lưu Hà đàn ông chết nơi đường xá, đàn bà chết khi sinh nở. Lưu Hà gặp Phá Toái là cách Tái Quản Lưỡng Phá, đã nói ở trên
- Lưu Hà chỉ nên gặp Thanh Long là tốt. Gặp Thái Âm là kẻ lãng tử giang hồ, phiêu bồng chi khách

67/. ĐẠI HAO. TIỂU HAO

- THỦY
- ĐẮC : DẦN THÂN MÃO DẬU
- HAO TINH, CHỦ PHÁ HOẠI, HAO TÁN, GÂY CHIA LY
- Tại Mão Dậu gặp Cự Cơ có Lộc Tồn là cách Chúng Thủy Triều Đông, có nghĩa là bao nhiêu nước dồn cả về phương Đông. Hợp với người tuổi Mộc, Thủy, tuy được giàu sang 1 thời nhưng không bền
- Mệnh có Song Hao thì người nhỏ bé, tính nết tiểu xảo, không vặt. Nhiều sao xấu đóng chung thì yểu và nhu nhược

TRỢ TINH

68/. THIÊN KHÔI – THIÊN VIỆT

- HỎA
- VĂN TINH. QUÝ TINH
- CHỦ KHOA QUYỀN, NHÂN PHẨM

- Thiên Khôi còn được gọi là Thiên Ất Quý nhân, biểu tượng cho cái đầu, sự to lớn, người lãnh đạo, con số lớn. Thiên Khôi tối kỵ gặp Triệt, dễ bị phá hỏng, thường gặp tai nạn nguy hiểm. Gặp Khoa là đỗ cao, Lộc là giàu lớn. Gặp nhiều sao xấu là cho xấu thêm, bởi đây là sao tăng trưởng
- Thiên Việt là mũi dùi tiến công, rất bén nhọn. Khác với Thiên Khôi, vốn uy nghi, thụ hưởng, thì Thiên Việt chủ về hành động, rất nhanh chóng và tích cực. Gặp HỎa Linh là sa61mset1, dễ gây tai nạn. Mệnh nhiều sao xấu, hạn gặp Việt, Hỏa Hình là dễ bị mũi tên, hòn đạn, bị phỏng, ngã hay bị thương tích
- Thiên Khôi chỉ người anh cả, con trai cả. Thiên Việt là con thứ
- Khôi Việt đi với nhau chỉ về học vấn, văn chương, sự thông minh, và có chức quyền

69/. VĂN XƯƠNG

- KIM ĐỚI THỔ
- CHỦ QUÝ TINH. VĂN TINH
- CHỦ VĂN CHƯƠNG, MỸ THUẬT, KHOA BẢNG
- Cần gặp hóa Khoa, Nhật Nguyệt. Đỗ cao, học giỏi, văn vẻ, tươi sang. Văn Xương tối kỵ đóng ở Tật Ach, sẽ giảm thọ, khó sống trên 49 tuổi

70/. VĂN KHÚC

- THỦY ĐỚI HỎA
- DÂM TINH. CHỦ LÃNG MẠN, ĐA TÌNH
- Thích ăn chơi, chưng diện. Nhiều văn nghệ tính. Gặp Tấu Thư, Hư Khốc là người giỏi về âm nhạc. Đàn bà, Văn Khúc tối kỵ đóng ở nô, có Riêu Y là cả nể cho nên sự lỡ làng

71/. TẢ PHÙ

- THỔ ĐỚI KIM
- TRỢ TINH. CHỦ UYÊN BÁC, TÀI DANH
- CHUYÊN LÀM CỐ VẤN, PHÒ TÁ CHO NGƯỜI khác
- Gặp nhiều sao tốt đẹp làm cho tốt đẹp thêm. Gặp nhiều sao xấu thì xấu thêm

72/. HỮU BẬT

- THỦY ĐỚI THỔ
- NHƯ TẢ PHÙ

73/. TAM THAI – THỦY

74/. BÁT TỌA – MỘC

- ĐÀI CÁC TINH. Chủ về sự trình bày, ôn hòa, nhân hậu. Bát Tọa vui vẻ, thỏa mãn
- Gặp Hồng Loan thì tuổi trẻ đã có chức vị, uy quyền (những người tuổi trẻ công danh, Hồng Loan Bát Tọa ở mình chẳng sai). Mình là Thân (chỉ hậu vận). Thân mà đóng chung với Bát Tọa, có Hồng Loan là sớm có công danh. Tuổi trẻ đỗ cao

75/. ÂN QUANG – MỘC

76/. THIÊN QUÝ – THỔ

- PHÚC TINH. QUÝ TINH
- Thông minh, đường bệ, trọng nghĩa khinh tài. Chuyện cứu khốn phò nguy, tiếp phúc. Đem lại nhiều may mắn. Chế được tính chất hoa nguyệt, dâm đãng của Đào HỒng
- Tử tức có Ân Quang thì muộn sẽ có caon trai quý tử. Ân Quang gặp Lộc ở Phúc là được thừa hưởng gia tài. Tật Ách gặp Ân Quang là đến phút chót sẽ được cứu thoát tai nạn

77/. LONG TRÌ – THỦY

78/. PHƯỢNG CÁC – MỘC ĐỚI THỔ

- Đài các tinh. Thông minh, vui vẻ, đôn hậu
- Liên quan đến việc sinh nở, công danh, cưới hỏi
- Long Trì tối kỵ gặp Nhật Nguyệt hãm, nếu có Riêu Y là đời sầu thảm, không bao giờ hết nước mắt
- Phượng Các tối kỵ gặp Kình Đà, Riêu Y là điếc

- Gặp đủ bộ các sao trung tinh thì thành tập đoàn trợ tinh tốt đẹp, tăng cường sức mạnh phò chính tinh, gặp may mắn dễ dàng. Hạn gặp Long Phượng, Riêu Y, Đào Hồng là dễ có cưới hỏi, sinh con và gia đạo phồn vinh tốt đẹp

79/. HỒNG LOAN

- THỦY ĐỚI KIM
- Hỉ tinh. Sao chỉ về nhân duyên, người vợ hay chồng chính thức. Chủ về may mắn, các công việc thuộc nữ giới, nhiều nữ tính
- Khác với Đào Hoa chủ về tình yêu, Hồng Loan là sao của nhân duyên. Tối kỵ gặp Riêu Y, Không Kiếp, Tuần Triệt là dễ góa bụi, đa nhân duyên. Hồng Loan còn là sao may mắn, hạn gặp dễ thành công (đỏ vận)
- Mệnh có Đào Hồng tọa thủ dù đắc địa, cũng trai 2-3 đời vợ, gái 2 đời chồng. Gặp Tử Phủ, Nhật Nguyệt, Cơ Lương làm cho các sao này thêm rực rỡ
- Hồng Loan đắc địa gặp nhiều sao tốt đồng cung hay chiếu, dù có xa cách, vợ vẫn chung tình chờ đợi, sẽ có ngày đoàn tụ. Cần nhất Hồng Loan đừng đóng vào Mệnh Thân, Quan, Tài, Phúc và Phu Thê

80/. ĐÀO HOA

- MỘC
- DÂM TINH. Chủ ăn chơi, hoa nguyệt
- Đàn bà mệnh gặp Thiên Khôi và Đào Hoa thì đẹp (Hoa Khôi), đóng chung với Tử Phủ thì nghiêm chỉnh, sẽ lấy chồng tốt đẹp như được tuyển cung (Cung phi, hoàng hậu).
- đóng chung với Thái Âm là lẳng lơ, ong bướm, không chính chuyên. Gặp Riêu Y, Mộc Dục là yêu loạn sống cuồng, đa dâm như Tây Thái Hậu. Gặp Tướng Quân là yêu trước lấy sau. Gặp Không Kiếp, Phục Binh là bị hiếp. Gặp Thai là chửa hoang. Gặp Sát Tinh, hung tinh là dễ lấy chồng ngoại nhân. Gặp Không Kiếp là đau khổ vì tình
- Trái với hồng Loan, Đào Hoa gặp Tuần hay Triệt lại tốt với đó là người đứng đắn, đoan chính. Tuy nhiên, trường hợp này Mệnh Thân phải tốt. Nếu nhiều sao xấu mà cung Tử Tức, Phu Thê đều xấu thì lại là người sầu khổ, khó khăn, ép xác như bậc tu hành
- Đào Hoa cũng chỉ sự may mắn. Hạn gặp Đào Hồng có Lộc Quyền Khoa là phong quang tốt đẹp.

81/. THIÊN HỈ

- THỦY

- Vui vẻ, hòa nhã, gần như sao Thanh Long
- Liên hệ nhiều đến thi cử, công danh, cưới hỏi, tậu bán và sinh nở

82/. THIÊN XƯƠNG

- KIM
- LỘC TINH
- Chủ về sự huy hoàng, vui vẻ, tốt đẹp
- Coi như Hóa Lộc thu hẹp. Hạn gặp Thiên Xương làm giàu dễ dàng

83/. THIÊN KHỐ

- THỔ
- PHÙ TINH. Chủ kho tang, đông đảo
- Gặp Lộc Tồn là giàu có, súc tích. Gặp Xương Khúc Âm Dương là học vấn uyên thâm. đóng cung nào gia tăng sức mạnh cho cung ấy. Ở Tử Tức, Huynh Đệ là nhiều con cái, anh chị em. Tối kỵ đóng cung tật và Phu Thê

84/. THAI PHỤ - KIM

85/. PHONG CÁO – THỔ

- Khoa khoang, hiếu danh.
- Chủ hình thức. Bằng sắc, huy chương, tưởng lục.
- Hạn gặp dễ lợi về công danh, học vấn. Thai Phụ ngộ Thai là có con quý tử

86/. THIÊN MÃ

- MỘC
- Sao đầu tàu, rất mạnh
- Đắc địa : Dần Tỵ Thân
- Hãm địa : Hợi
- Chủ hoạt động, thông minh, nhanh nhẹn, tích cực. Luôn di động, tiến thẳng không lùi. Liên quan đến chân tay, xe cộ, công việc và đường đời. Do thế tối kỵ gặp Tuần Triệt cản mặt, vì cắt đứt làm cho ngãng trở
- Tọa thủ tại Dần Thân, gặp Tử Phủ, Lộc Tồn là cách Phù Du Mã (ngựa kéo xe vua),sẽ giàu sang, hiển hách, phúc lộc song toàn. Gặp Nhật Nguyệt sang sủa là

Thư hung Mã (tăng cường sức mạnh), giàu sang, vinh hiển, giỏi văn chương. Lộc Tồnđồng cung là Lộc Mã giao trì, giàu sang dễ dàng. Hỏa Linh đóng chung với Thiên mã là Chiến Mã (ngựa trận), dũng mãnh, nhanh nhẹn, thành công

- Mã tại Tỵ là Hỏa Mã, gặp Lộc là làm giàu mau chóng. Mã ngộ Khốc Khách là Tuấn Mã, công danh hiển đạt. Ngựa có nhạc chủ uy quyền, tiếng tăm. Mã ngộ Thiên Hình là Phù Thi Mã (mang thây chết), chủ chết choc, tai họa khủng khiếp. Mã đóng chung với Đà la là Chiết Túc Mã (ngựa què, công việc trắc trở, vấp váp). Tuyệt đồng cung hay tọa thủ tại Hợi là Cùng Đồ Mã, ngựa cùng đường, bế tắc, thất bại.
- Mã thuộc bộ Tứ Linh (Long Mã Hổ Phượng), nếu phối hợp cả Tứ Linh, con Linh nào cũng tốt đẹp, đắc vị thì cuộc đời vinh hiển, phong quang
- Mã là Phi tinh, mỗi năm chạy đến 1 cung Sanh, nếu Thiên Mã của lá số bị Tuần Triệt, mà đến năm hạn lại gặp Tuần Triệt cản mặt là dễ bị tai nạn xe cộ và làm ăn bị trục trặc

87/. HOA CÁI

- KIM
- TRỢ TINH. CHỦ HÌNH THỨC UY NGHI (Hoa Cái là chiếc lọng, là cái đẩu)
- Đẹp đẽ, uy nghi, nghiêm chỉnh. Lợi cho việc công danh, thi cử
- Gặp Tứ Linh là uy quyền. Nhiều khi Tứ Linh chỉ có 3 là Long Mã hổ (thiếu Phượng) nhưng lại gặp Hoa Cái thì vẫn coi là Tứ Linh, và lúc ấy sẽ là Long Mã Hổ Cái. Hoa Cái tối kỵ gặp Thiên Khốc, Thiên Hư, Bệnh Phù là bệnh đậu, mụn nhọt, thương hàn. Gặp Mộc Dục, Riêu Y thì dâm đãng. Hoa Cái gặp Riêu Y, Không Kiếp là lở loét, phong sang
- Mệnh có Cái, Tấu đồng cung thì người thanh cao, nhân phẩm đoan chính. Mệnh đóng ở giữa, phía sau lưng có Thiên Mã, trước mặt có Hoa Cái là cách Tiền Cái Hậu Mã, là sang trọng thanh cao

88/. CÔ THẦN – HỎA

89/. QUẢ TÚ – THỔ

- Chủ cô đơn, buồn rầu, khắc nghiệt. nhưng về công danh lại tốt vì có chức vị độc đáo (Thiếu gì Cô Quả, thiếu gì Bá Vương)
- Cô Quả chủ sự chia ly, ly tán. Mệnh có Nhật Nguyệt hay chiếu, có thêm Cô Quả suốt đời bôn tẩu, khó lập gia đình

90/. ĐẨU QUÂN

- HỎA
- CHỦ UY QUYỀN, CÔ ĐỘC
- Cung Quan có Đẩ Quân, gặp Tử Phủ và nhiều sao sang sửa tốt đẹp thì hưởng phú quý song toàn, nhưng bị xa lánh, ghen ghét. Có óc lãnh tụ
- Gặp sát tinh là quỷ quyệt, gian xảo, tranh thắng. Đẩu Quân gặp Lộc Tồn là tiền chôn bạc cất, giàu có, nhưng hà tiện và cay nghiệt. Gặp Khôi Việt, Xương Khúc là giỏi về văn chương, lý luận đanh thép

91/. THIÊN QUAN QUÝ NHÂN – HỎA

92/. THIÊN PHÚC QUÝ NHÂN – THỔ

- PHÚC TINH. Chuyên cứu khổ phò nguy, nghiêng về xã hội, từ thiện, tôn giáo. Gia tăng phúc thọ. Mệnh có Quan Phúc không sợ tai nạn
- Tuổi Mậu, mệnh lập tại Mão, dễ là bậc tu hành đắc đạo (Hòa thượng, Linh Mục), có đức độ chân tu

93/. LƯU NIÊN VĂNTINH

- HỎA
- Thông minh, văn vẻ. Chủ bằng sắc, ấn tín, bội tinh, tưởng lục. Lợi cho học hành, thi cử, công danh, sinh nở

94/. BÁC SỸ

- THỦY
- Như Lưu niên Văn Tinh

95/. THIÊN TRÙ

- HỎA
- LỘC TINH. Thích rượu chè, được ăn uống, thết đãi. Gia tăng tài lộc

96/. NGUYỆT ĐỨC

- HỎA
- Đức độ đoan chính. Cứu tinh, giải trừ tai họa nhỏ. Chế được tính chất dâm ô của Đào Hồng, Riêu Y

97/. THIÊN ĐỨC

- HỎA
- Như Nguyệt Đức
- Gặp Phúc Đức, Long Đức, Nguyệt Đức phối hợp thành bộ gọi là Tứ Đức, rất tốt, chủ hiền lương, cứu khốn phò nguy. Nên đóng ở cung Phúc Đức hay Điền Trạch là người mô phạm, đạo đức và được phúc thọ song toàn

98/. THIÊN RIÊU

- THỦY
- Yêu quái tinh. Chủ dâm bôn, phá hoại
- Đắc địa tại Dần Mão, Dậu Tuất, chế ngự được dục vọng đê hèn. Ép xác, vươn lên như đóa hoa sen trong bùn, không vẩn đục bùn nhơ
- Hãm địa, nguy khốn vì tửu sắc. Ở Mệnh là điên cuồng, bị động kinh, bệnh nan y về óc. Ở Phu Thê là ghen tuông, dâm đãng, chồng đường vợ xá, không bền. Ở Quan là nay làm mai bỏ, việc vụn vặt rơm rác. Ở Tật là bệnh nan ý, gan ruột, có vi trùng đục khoét. Ở Tài là tiền cắc bạc xu, tủn mủn vụn vặt. Dù có Lộc cũng hao tán hết
- Gặp Xương Khúc là dâm bôn, yểu tử, nhưng giỏi về văn chương, nghệ thuật. Gặp hồng Đào là ăn chơi, lêu lổng, hoa nguyệt bất chính. Gặp Long Phương lại chủ về cưới hỏi tốt đẹp, công danh tài lộc
- Riêu Y, Không Kiếp, Đào Hồng là bệnh tim la, bệnh tình. Riêu Y, Bệnh Phù, Đà Kỵ là bệnh phong sang hay bệnh loét. Riêu Y, Kình. Mộc Dục, Không Kiếp là liệt dương. Riêu Y, Thiên hủ, Thiên Hình là trĩ, bệnh tử cung, hậu môn. Riêu Y, Thái Âm đóng ở cung Phu Thê, thương Phu chích lệ. Riêu Y , Thai, Kình là khi sanh nở phải mổ. Riêu Y và Sát tinh ở Tử tức là con riêng, đủ loại, cả thương bệnh binh, viện dưỡng lão, học trò, binh sĩ, tùy theo cung Quan và Mệnh
- Tóm lại, Riêu y đóng cung nào hại cung ấy và gặp phải dễ thất bại nên thuộc loại bại tinh

99/. THIÊN Y

- THỦY
- Sạch sẽ, cẩn thận. Giải trừ bệnh tật
- đóng liền với Thiên Riêu để làm cho nổi bật tính chất ác tinh của Thiên Riêu. Liên hệ nhiều đến bệnh tật. Có tính cách định tính cho việc giải đoán Thiên Riêu

100/. QUỐC ẤN

- THỔ
- Lợi ích cho việc thi cử, chức nghiệp
- Phối hợp với các sao Phục Binh, Thiên hình, Tướng Quân gọi là Binh hình Tướng Ấn, dễ củng cố chức quyền. Liên hệ đến ngành tư pháp và binh quyền. Hay khoe khoang, vỗ ngực. đóng với Hung tinh (SPLT) mà thiếu Tam Hóa thì giỏi về phù thủy (sai khiến âm binh) và trên thực tế, giỏi về thủ công như thợ mộc, thợ khắc, nhà in, ảnh, vẽ, thợ đúc. đóng chung với Tướng Quân, gặp Tuần Triệt, Mã là dễ dàng bị tật, có tì vết trong người

101/. ĐƯỜNG PHÙ

- MỘC
- Đường bệ, uy nghi, lợi ích về thi cử, công danh. Liên hệ đến tậu bán, công việc giấy tờ, thông hành, văn tự
- Gặp bạch Hổ, Văn Xương, Liêm Trinh, Tham Lang, biến ra thành tù tinh. Lôi thôi đến tư pháp, bị giam cầm, tù đày. Gặp hóa Khoa là Thanh vân đắc lộ và giải trừ tai nạn khi gặp hạn xấu

102/. THIÊN TÀI

- THỔ
- TRÁI NÚI. CHỦ SỰ QUẬT NGƯỢC
- Tối kỵ ở 2 cung Thiên La Địa Võng. Nếu tại đây không có Tuần Triệt mà bị thêm Thiên Tài là bế tắc, gặp tai nạn không lối thoát. Y như chiếc cửa cài then có khóa. Sao này chiết giảm được ác sát tinh, làm cho bớt rông rỗ, che lấp đi, làm cho yếu đi. Chế ngự được Riêu Y, Đào Hồng lạc hãm
- Gặp Nhật Nguyệt đắc địa, giảm bớt sức rực rỡ (trở thành xấu). Gặp Nhật Nguyệt hãm, làm cho sang sủa lên (tốt). Gặp Nhật Nguyệt đồng cung tại Sửu Mùi thì tốt

- Đắc địa ở hợi, Tí, đối với Nhật bị hãm coi như cái phao cứu tử, hay chiếc cù lao làm cho khỏi bị đắm chìm. Gặp Lộc Tồn, có Khốc Hư hay hỏa Linh thì tốt, tức vằng chôn ngọc cất. Thiếu sao hỏa thì kém, kếm tiền nặng nề nhờ xi măng cốt sắt

103/. THIÊN THỌ

- THỔ
- Điềm đạm, nhã nhặn, từ thiện, gia tăng phúc thọ
- Gặp Hồng Loan là vợ chồng bách niên giai lão. đóng tại Quan Lộc là ngồi dai, hiền lành. Sống lâu lên lão làng

104/. THIÊN THƯƠNG – THỔ

105/. THIÊN SỨ - THỦY

- Buồn thảm, thất bại
- Gặp Văn Xương, Văn Khúc là yểu tử, tai nạn. 2 sao này bao giờ cũng đóng ở cung Nô và Ách (Thiên Sứu)

106/. THIÊN KHỐC – KIM

107/. THIÊN HƯ – THỦY

- ĐẮC : TÍ NGỌ MÃO DẬU, SỬU MÙI
- Đa sầu, đa cảm, tang tóc, bệnh tật
- Khốc hư tối kỵ đóng hay chiếu vào cung Phu Thê, Tử Tức cũng như đóng chung hay chiếu vào 2 sao Nhật Nguyệt
- Đắc địa : gặp Quyền Lộc thì giàu sang, đanh thép, uy quyền hiển hách. đóng chung hay phối hợp với Tang Hổ là cách phá tán, bại hư, tang tóc

108/. THIÊN GIẢI – HỎA

109/. ĐỊA GIẢI – THỔ

110/. GIẢI THẦN – MỘC

- Phúc tinh, chuyên giải trừ tai họa, cứu khốn phò nguy, gia tăng phúc thọ

- Cung Điền, Tài, Tử Tức không nên gặp 3 sao này. Tuổi già, hạn gặp 3 sao này dễ được giải thoát vĩnh cửu

CHƯƠNG IV
CÁC CUNG CHIẾU VÀ GIÁP VỊ TRÍ CUNG MỆNH – HẠN

A. CÁC CUNG

Trên 1 lá số Tử Vi, ta thường thấy 3 nét kẻ theo hình chữ V bắn ra từ cung Mệnh, 1 nét đi thẳng đến cung Di, 1 nét chếch về bên trái, đưa đến cung Quan, và 1 nét về bên phải đưa đến cung Tài

Cung Mệnh đóng ở đỉnh nhọn chữ V, và 3 cung kia gọi là cung chính chiếu và bang chiếu

Thật sự, về ý nghĩa sự phối hợp của 4 cung này, ít người chú ý bởi tuy cũng có các sao như nhau nhưng cái cường độ của các sao không phải y như hệt

Như đã nói phía trên, trong địa chi 12 cung, đã chia ra làm 3 loại là Sinh Tuyệt và Mộ. Sinh thì bắn đi, đến Tuyệt thì phản chiếu lại, và đến Mộ thì là đứng im. Bất cứ cung nào cũng đều có tam hợp và bao gồm đủ 3 cung Sinh Mộ và Tuyệt

Theo địa bàn thì Sinh nằm ở 4 góc là Dần Thân Tỵ Hợi. Tuyệt ở sát cung Sinh theo chiều thuận, còn Mộ ở phía sau cung Sinh theo chiều nghịch

Nhưng trên 1 lá số, bất cứ cung nào cũng có thể là cung Sinh, và để trở thành tam hợp, bên tay trái của nó có Tuyệt, còn bên tay phải biến ra Mộ

Do thế, cường độ của các sao đóng trong 3 cung tam hợp, đi như sau :

a. Ở cung Sinh thì bắn đi, ảnh hưởng đến cung Tuyệt được 75% và đến cung Mộ là 25%
b. Cung Tuyệt lại trở thành cung Sinh, để bắn sao của mình đi đến cung Mộ được 75% và đến cung Sinh được 25%
c. Cung Mộ thu hết, trở thành cung Sinh thứ 3, bắn sao của mình đi đến cung Sinh thứ nhất được 75%, và đến cung Tuyệt được 25%, nhưng không bắn ảnh hưởng các sao nhận được từ 2 cung kia

Với 1 sự thu nhận chênh lệch như thế, tất nhiên cùng 1 bộ sao mà có ảnh hưởng khác nhau trong cả 3 cung.

Ví dụ : người tuổi Thìn, hạn năm Tí ở cung Ngọ. Mệnh đóng tại Mão. Về ác sát tinh cũng như hung tinh người ấy gặp hạn Tang hổ, kê rõ như sau :

- Cung Ngọ có Tang Môn (đây là cung Điền)
- Cung Tuất có Riêu Y, Tuế Phá, Thiên Hư (đây là cung Tật)

- Cung Dần có Mã ngộ Khốc Khách và Thiên Hình (Phù Thi Mã) (đây là cung Huynh đề)
- Cung chính chiếu ở Tí là cung Tử Tức có Bạch Hổ

Như vậy, năm Tí người ấy gặp bộ Tang Hổ, Phù Thi Mã, Tuế Phá, Riêu Y, Khốc Khách. Cung Hạn có thêm Tuế Phá, Khốc hư. Vậy là năm dữ

Thử xem nó ứng cái gì?

Từ cung Ngọ, trở thành cung Sinh, nó bắn Tang Môn đến cung Tuất, gặp Riêu Y, Tuế Phá, Thiên hư ở Tuất, cộng thêm Tuế Phá, Khốc Hư ở Ngọ, chưa đủ bộ để hại cung Tật Ách

Phối hợp với cung Tử Tức, nó có thêm Bạch Hổ nữa : nhưng vẫn chưa ra cái gì. Từ cung Tật trở thành cung Tuyệt, nó bắn đến cung Dần (Huynh) trở thành cung Mộ các sao Tuế Phá, Thiên hư, Riêu Y của nó, trong khi cung Dần nhận thêm Tuế Phá, Khốc hư cùng Tang Môn ở cung Ngọ thì cung Dần nhận được đủ bộ Khốc hư, 2 lần Tuế Phá, Tang môn để tập trung lại ở cung Điền (Hạn), thành bộ Tang Hổ, Khốc hư, mã ngộ hình (Phù Thi mã), Khốc Khách xâm chiếm cung Bào

Do thế đoán rằng năm đó đương số có tang anh chị em, hay ít nhất thì anh chị em cũng bị đau ốm nặng và lao đao

Bây giờ ngược lại, năm Thân, vẫn tuổi ấy, hạn đóng

……..

THIẾU TRANG 111

một lớp son nên ảnh hưởng nhẹ hơn. Trừ trường hợp xung chiếu ở 4 cung Thìn Tuất Sửu Mùi

C. GIÁP

Giáp là 2 cung sát kề cung cần xem. Ví dụ Mệnh đóng ở Sửu thì Giáp là 2 cung Tí và Dần. Giáp là 2 cung sốc nách 2 bên, ngoảnh trái phải, hoặc trên dưới đều có sao trợ tinh đi thành bộ , hay tam Hóa hay Chính tinh tốt, nên gọi là Giáp

Vậy Giáp là môi trường hoạt động, cần phải nhiều sao văn vẻ, nghiêm chỉnh, sang sửa thì mới tốt. Ví dụ Mệnh đóng ở Mùi gặp Thiên Phủ, cung Ngọ có sao Thái Dương, cung Thân có Thái Âm, cả 2 sao này đều đắc địa, nên gọi là Giáp Nhật Nguyệt. Nếu lại thêm trợ tinh giáp nữa như Giáp Xương Khúc, Tả Hữu, Lộc Quyền thì làm nổi Bộ trưởng hay văn nghệ sĩ có tài

Ngược lại nên giáp Không Kiếp, mệnh cư Bại, Tuyệt địa là vất vả lao đao, phi yểu tắc bần, cần phải có chính tinh đắc địa mới có thể cứu giải nổi

D. VỊ TRÍ CUNG MỆNH

Mệnh hảo bất như Thân hảo, Thân hảo bất như Hạn hảo

Mệnh có ảnh hưởng dưới 37 tuổi, Thân thì từ 37 tuổi trở ra, còn hạn thì suốt cả 1 đời. Cứ mỗi cung là 10 năm. Nếu Mệnh tốt, Thân tốt nhưng không gặp hạn vì hạn ở phía trước mặt, trên đường đi của mình mà xấu, mà lại cứ đi liên tiếp xấu dài dài thì đến khi gặp hạn tốt đã quá già rồi sao còn gọi là tốt được nữa

Do thế, vị trí cung Mệnh rất quan hệ. Phải hội đủ những yếu tố dưới đây:

1. Dương cư Dương vị; Âm cư Âm vị
2. Phải đóng ở những cung Sinh hay Vượng địa
3. Nên tránh đóng ở những ucng Bại hay Tuyệ địa
4. Nên quay lưng lại các cung Bại và Tuyệt địa (nghĩa là chiều hướng đi phải ở phía trước để khỏi gặp, càng xa càng tốt)
5. Phải chiếm được nhiều cung hạn hợp Mệnh mà có nhiều sao tốt đẹp hợp Mệnh
6. Nên hướng vào sao Tử Vi. Nếu đi nghịch lại Tử Vi thì phải đến hạn chầu vào Tử Vi mới thành công được

Ví dụ : Mệnh Mộc, Sinh địa là cung hợi. Nếu Dương Nam Âm NỮ thì đi thuận sẽ chiếm được từ cung Tí đến cung Thìn hợp Mệnh, tức liền 5 cung, chưa kể cung Mệnh, và như thế, nếu gặp sao tốt, có thể thọ ngoài 70 và cuộc đời sẽ dễ dàng

Nếu vẫn tuổi Mộc và Mệnh đóng ở Hợi nhưng là Âm Nam Dương Nữ đi nghịch thì chỉ được có 1 vị trí sinh địa mà thôi, còn không gặp hạn do từ cung Tuất đến Dậu, qua Thân là Tuyệt địa rồi. Cộng cả 4 cung chỉ quãng 40 năm, nếu gặp sao xấu là phi yểu tắc bần. Mà nếu gặp sao tốt thì cũng rất gập ghềnh do không gặp hạn

BẢNG KÊ CÁC CUNG SINH VƯỢNG BẠI TUYỆT

BẢN MỆNH	VỊ TRÍ CUNG MỆNH			
	SINH	VƯỢNG	BẠI	TUYỆT
KIM	TỴ	DẬU	NGỌ	DẦN
MỘC	HỢI	MÃO	TÍ	THÂN
HỎA	DẦN	NGỌ	MÃO	HỢI
THỦY & THỔ	THẦN	TÍ	DẬU	TỴ

a/. Bại địa : Bản Mệnh đóng ở đây sẽ bị khắc Mệnh. Ví dụ : Mệnh Kim mà đóng ở Ngọ (hỏa) là bị đốt chảy ra nước. <ệnh hỏa mà đóng ở Mão (Lôi Chấn) là sấm sét thì tàn nhanh

b/. Tuyệt địa : Tuyệt địa cần gặp sao chính tinh tốt đẹp cứu giải. Lúc ấy sẽ được cách gọi là Tuyệt Xứ Phùng Sinh. Ví dụ : mệnh Mộc đóng cung Thân (Kim) là Tuyệt địa nhưng nếu lại có sao Thái Âm….ở đây thì được cách Tuyệt xứ phùng Sinh, do Thái Âm là Thủy sinh được ra mệnh Mộc. Thái Âm ở cung Kim là đắc địa

SO SÁNH MỆNH & THÂN

1. Mệnh nên đóng ở cung Sinh địa, Vượng địa là các cung hợp với hành của Mệnh

2. Mệnh đóng ở Bại địa thì yểu. Nếu được các sao tốt đẹp thì đỡ, cần phải xem hạn. Khi đến hạn xấu hoặc vấp phải Tuyệt địa hay gặp Tuần Triệt thì đáng quan ngại. Có thể chết
3. Mệnh đóng ở Tuyệt địa cần gặp chính tinh sinh Mệnh (Tuyệt xứ phùng Sinh) mới được cứu giải. Nếu không thì phải có Tam Hóa, không có thì nguy hiểm. Lúc ấy cũng phải xem hạn y như Bại địa

4. Mệnh cần có Chính tinh đắc địa, hợp Mệnh tọa thủ và nếu đi thành cách có thêm trung tinh phò tá thì rất tốt. Ví dụ : Mệnh Thổ đóng tại Mão được cách Nhật xuất Phù Tang (Dương Lương). Lúc ấy Mão cung Mộc sinh ra Thái Dương (Hỏa), Thái Dương đắc lại sinh ra Thổ Mệnh, như vậy là rất tốt

5. Chính tinh tọa thủ sinh ra cung là nghịch lý không tốt. Ví dụ cung Mão là Mộc mà ở đấy sao Thái Âm đóng . Thái Âm Thủy sinh ra Mộc là kém

6. Chính tinh tọa thủ tại Mệnh mà khắc Mệnh, dù đắc địa cũng là xấu. Ví dụ : cung Mão (Mộc) có Thái Dương (Hỏa) nhưng nếu người tuổi Kim cũng không tốt. Đó là sao khắc Mệnh
7. Mệnh sang sủa tốt đẹp, Thân cũng sang sủa tốt đẹp thì tốt

8. Mệnh sang sủa mà Thân mờ ám xấu xa thì trước sung sướng, về già thì khổ, yểu tử hoặc không thọ

9. Mệnh mờ ám xấu xa, Thân sang sủa tốt đẹp thì về già mới phong quang tốt đẹp

10. Mệnh Không Thân Kiếp

Mệnh có Địa Không, Thân có Địa Kiếp, nếu VCD la người sắc sảo, khôn ngoan nhưng về sau sẽ thất bại. Như người gieo nhân gặt quả. Nếu có Mệnh Không Thân Kiếp, nên tu đức mới có tương lai được. Cần xem Thiên Mã, Tướng Quân có gặp Tuần Triệt không. Xem cung Tật và Lục Sát tinh, Lục Bại tinh để lần ra tai nạn. Vì Mệnh Không Thân Kiếp dễ đưa đến tai nạn khủng khiếp

11. Mệnh Kiếp Thân Không

Mệnh có Địa Kiếp, Thân có Địa Không, VCD dễ thành nhà tu hành có tinh thần xả kỷ cao thượng, coi cuộc đời là hư ảo nên yếm thế, chịu thiệt thòi cho chính mình. Dễ là bậc giang hồ cư sĩ. Nếu có hồng Đào là yểu tử, có Văn Xương cũng vậy

12. Mệnh Tuần Thân Triệt

VCD nên tìm sao Địa Không, Thiên Không có ở Mệnh, Thân hay chiếu? Đây là người tài giỏi nhưng cần các sao chính tinh sang sủa tốt đẹp chiếu. Dù sao, phú quý không toàn vẹn. Những vị này rất ích kỷ và đa nghi

13. Mệnh Triệt Thân Tuần

Xem có hợp Mệnh hay không. Cũng như cách trên, dễ thành công như đi vào chỗ không người

E. THÂN

Thân là hậu vận, có thể đóng trong 6 cung là:

1. Cùng cung mệnh gọi là Thân Mệnh đồng cung. đóng ở 4 cung Thìn Tuất Sửu Mùi dễ bị bế tắc, bởi đây là Tứ mộc (sao bị tù hãm, không bắn phá ra được). Cuộc đời bị vất vả, phải đấu tranh liên tục. Trường hợp này cần gặp hung Tinh và Tuần Triệt mở cửa La Võng mới vùng lên được
   Thân Mệnh đồng cung đóng ở Tí Ngọ là cửa ngõ Càn Không, nếu VCD là cùng khổ, non yểu. Cửa ngõ Càn Khôn mà không có sao mạnh phát huy ra là lụn bại, không mọc mũi sủi tăm lên được
2. Thân ở Phúc : dễ được Phúc đức, nhiều con và sống lâu. Tránh được tai họa
3. Thân ở Quan : cần sang sủa tốt đẹp, nếu không thì vất vả, lao động suốt đời. Đàn bà không nên có Thân cư Quan vì sẽ cao số, không được nhờ chồng hoặc khó lấy chồng, dễ khắc chồng
4. Thân cư Di : ra ngoài làm giàu. Cần phải tránh các sao Bại tinh nhưn Không Kiếp, Âm Dương hãm hoặc Tuần Triệt án ngữ, là cách xử sĩ giang hồ, chết nơi tha phương khổ ải
5. Thân cư Tài : cần Lộc ở Quan chiếu xuống là tốt nhất, vì bang chiếu mà cung Tài đối với Mệnh là cung Mộ, tức thu được hết nên Lộc ở Quan bắn xuống thì đứng im. Nếu gặp Không Kiếp, Song Hao thì không thể giàu được mà còn vất vả lao đao. Có Tuần Triệt là cái túi thủng, không tụ của
6. Thân cư Phu/ Thê : thường được vợ hay chồng đảm đang, tài giỏi. Được an nhàn, nhưng dễ sợ vợ/ chồng. Nếu có Tuần Triệt án ngữ là khổ vì tình

F. HẠN

Cứ mỗi cung là 10 năm. Kể từ Mệnh đi thuận về phía cung Phụ Mẫu, đi nghịch là đi về phía cung Huynh Đệ. Hạn cần phải tốt đẹp và coi như cung Mệnh thu hẹp. Ý nghĩa cung hạn cần phải thuộc nguyên tắc Tam hợp Sinh Tuyệt Mộ đã nói phía trên

1. Hạn cần phải hướng vào sao Tử Vi hay Tam hóa. Ví dụ : Dương Nam, Thổ Mệnh, Mệnh ở Dần, Tử Vi ở Ngọ thì tốt vì hướng vào sao Tử Vi đắc địa. Nếu Âm Nam thì xấu vì tuy được Tử Vi chiếu nhưng hạn lại đi nghịch, không hướng vào Tử Vi đồng thời lại không gặp hạn tốt bởi gặp vòng cung Thủy ở Tí hợi là xấu

2. Hạn đã vượt qua các sao Tử Vi cần gặp Tam hóa hay Lộc Tồn hoặc có chính tinh đắc địa hợp Mệnh thì không sợ. Ngược lại nếu không có chính tinh cũng không có Tam hóa là nguy hiểm. Cần xem Thân, nếu Thân tốt thì chỉ bị lao đao, Thân xấu thì dễ chết.

Ví dụ : tuổi Giáp Dần (Thủy) Mệnh đóng ở Mão, Tử Vi ở Ngọ, khi đến đại hạn cung Quan ở Mùi là đã qua mặt Tử Vi, mà hạn lại không có chính tinh, cung Mùi là cung Âm Thổ (khắc Dương Nam, Dương Mệnh) là nguy hiểm. Lúc ấy cần xem Tam Hóa, thì Giáp hóa Lộc đóng ở cung Tuất (quá xa), hóa Quyền đóng ở cung Thân cùng Phá Quân, hóa Khoa đóng ở Dần cùng Vũ Khúc, hóa Kỵ đóng ở Mão có Thái Dương. Như vậy là không gặp Hạn, không gặp Tam Hóa nhưng được hóa Kỵ Thái Dương chiếu (vì tuổi Thủy hợp hóa Kỵ) vẫn còn tốt, nhưng hao tán về tài lộc, cần xem thêm cung Thân và các sao trợ tinh ở hạn nữa

Bởi cách Tử Vi ở Ngọ là cách rất tốt nên đương số không bị ảnh hưởng nặng nề nhiều. Bây giờ cũng tuổi ấy mà Mệnh đóng tại Tuất có cách Cơ Lương, Tử Vi đóng ở hợi thì sau 25 tuổi đã qua mặt Tử Vi, từ đó gặp luôn 3 đại hạn không có chính tinh (Tí Sửu Dần), thế là xấu. Cần xem Tam Hóa. Hóa Lộc đóng ở Mão cùng Liêm Trinh, Quyền đóng ở Mão cùng Phá Quân, Khoa ở Mùi cùng Vũ Khúc, như vậy là không gặp Tam Hóa. Số này không thọ quá 37 tuổi. bởi vì khi đến hạn cung Tí (cung Phúc) là gặp phải bại địa lại vướng sao Tuần (tuổi Giáo Tuần đóng giữa Tí Sửu) khắc Mệnh. Đã thế, chiếu từ cung Tị (Hỏa) xuống lại là cung Tuyệt địa nữa, mà Thiên Phủ đóng đây là hãm nên không cứu được. Sẽ chết ở giữa đại hạn cung Phúc và Điền, tức quãng 37 tuổi

3. TƯƠNG QUAN GIỮA MỆNH, THÂN VÀ HẠN

MỆNH	THÂN	HẠN	ĐẠI CƯƠNG
TỐT	TỐT	TỐT	CHUNG THÂN SUNG SƯỚNG
XẤU	TỐT	TỐT	SAU NĂM 37 TUỔI SẼ GIAU SANG SUNG SƯỚNG
TỐT	TỐT	XẤU	VỮNG, NHƯNG THẤT THƯỜNG, KHÔNG GIÀU LỚN ĐƯỢC
TỐT	XẤU	TỐT	KHỔ VỀ VỢ CON HOẶC GIÀU NHƯNG KHÔNG THỌ
XẤU	TỐT	XẤU	THỌ NHƯNG NGHÈO
XẤU	XẤU	TỐT	CÔ ĐỘC, BỘT PHÁT BỘT TÀN

4. CUNG NHẬP HẠN

MỆNH	NHẬP HẠN	KẾT QUẢ
KIM	TÍ (THỦY)	TAI ƯƠNG, VÌ BẢN MỆNH CHẢY RA NƯỚC
MỘC	NGỌ (HỎA)	TAI ƯƠNG DO BỊ LỬA ĐỐT CHÁY TIÊU
THỦY	DẦN (MỘC)	HAO MÒN VÌ MỘC HÚT THỦY, MỆNH SẼ BỊ HAO MÒN
HỎA	DẬU (KIM)	TAI NẠN KHỦNG KHIẾP VÌ HỎA KHẮC KIM
THỔ	MÃO (LÔI CHẤN)	BẢN MỆNH BỊ SUY NHƯỢC VÌ CHẤN LÀ SẤM SÉT
	Gặp Tuần Triệt đỡ được 1/2	

CHƯƠNG V
Ý NIỆM VỀ CÁCH TÍNH LÝ CÁC CÁCH

Khi các sao phối hợp với nhau đi thành bộ, thì gọi là cách

Có hàng trăm CÁCH, đọc lên nghe rất hấp dẫn nhưng lại rất rối loạn. Nếu không cóý niệm rõ rệt về CÁCH thì không thể thuộc được CÁCH và cũng không biết được cường độ của CÁCH

Ý niệm về CÁCH là thế nào?

Là phải hiểu nguyên nhân tại sao mà cách này tốt, cáchkia xấu, do sao Tử vi là nguồn gốc đẻ ra tất cả các cách này

Vídụ : Tại sao cách gọi là LIÊM – THAM TỊ HỢI, có gócở Tị lại dễ bị tù tội, sa lầy?

- Bởi 3 cung phối hợp mà ra. 3 cung này như trên đã nói là Sinh, Tuyệt và Mộ. Khi có cách Liêm Tham ở Tị, thì có nghĩa làở cung Tị có 2 sao Liêm trinh và Tham Lang. Liêm là sao Hoả, Tham là sao Thuỷ. Như vậy tức Thuỷ hoả tương khắc. Cách Liêm Tham ở Tị do TửVi đóng chung với Phá Quân ở Sửu cung. Cung Sửu là cung Mộ, còn cung Tị là cung Sinh. TửVi đóng ởđây là sao Thổ, cung Sửu cũng là cung Thổ, còn sao Phá Quân là sao Thuỷ. Vậy Tử Vi bị tiết ra rất nhiềuđể chế ngự sao Phá Quân, nên đã yếu. Chính chiếu sao TửVi là cung Mùi có sao Thiên Tướng cũng là sao Thuỷ, như vậy sao này lại tráng them 1 lớp ảnh hưởng của Thuỷđối với Tử Vi, làm cho Tử Vi càng yếu. Bên tay phải của Tử Vi tức cung Dậu vốn là cung Tuyệt của cách Liêm Tham, có sao Thất Sát là sao Kim, nó cũng bắn 75% ảnh hưởng của nóđến cung Sửu, làm cho Tử Vi đỡĐông đỡ Tây hết nổi, vì Tử Vi phải tiết ra với Thất Sát (Kim). Như thế là TửVi coi như sắp tàn như tro bụi. Cung Sửu vừa là cung Mộ củađịa bàn, vừa là cung Mộđối với sao Liêm Tham. TửVi không bắn đi đâu nữa màđứng im tại đó. Lúcấy rất yếu còn thoi thóp. Do thế nên kẹt không cứuđược cách lưỡng hổ tranh hung là sao Tham Lang (Thuỷ) bị sôi lên ở cung Tị (Hoả), mà chính sao Liêm Trinh cũng bị dập tắt, bốc ra khói do ảnh hưởng của Tham Lang. Người có sốấy bị kẹt, chỉ trừ có tuổi Hoả hay Thuỷ bịảnh hưởng nhẹ hơn mà thôi

Hình ảnh

Ảnh hưởng Tử-vi ở cung Sửu, Tử-vi bị suy mòn không cứu được cung Tỵ (Sửu vừa là cung MỘ của địa chi, vừa là MỘ của cách LIÊM THAM ở Tỵ).

Do thế người xem cần có ý niệm rõ rệt về cái gọi là CÁCH. Bất cứ cách gì cũng đều căn cứ vào sự Đắc địa của TửVi và hướngđi của Tử Vi trong 12 cung củađịa bàn

Có 2 hình thức chính là DƯƠNG & ÂM

***DƯƠNG : Trong địa bàn 12 chi, từ Tí đến Hợi, các cung lẻ là Dương và chẵn là Âm. Theo 4 cung Sinh (Dần Thân Tị Hợi) thì 2 cung Dần Thân là chiều Dương, & 2 cung Tị Hợi là chiều Âm

Theo tam hợp gồm 3 cung Sinh, Tuyệt, mộ, ta sẽ có 2 vòng tam hợp của Dương và 2 vòng tam hợp của Âm

DƯƠNG :

a. Dần Ngọ Tuất

b. Thân Tí Thìn

ÂM :

a. Tị Dậu Sửu

b. Hợi Mão Mùi

(Xem hình vẽ)

Vòng tam hợp ấy, cung nào cũng có thể là Sinh hay Tuyệt, hay Mộ

Do thế, mỗi vòng tam hợp có 3 cách và mặt Dương có 6 cách, mặt Âm cũng có 6 cách do 12 cung của địa bàn chi phối

I. CÁCH TỬ PHỦ VŨ TƯỚNG

Coi như cách tốt nhất trong Tử Vi, vì gồm 2 đế tinh Tử Vi và Thiên Phủ vốn là 2 sao tốt nhất trong khoa Tử Vi, lãnh đạo toàn bộ các sao trong Tử Vi

Cách TPVT cần gặp các sao Tả Phù, Hữu Bật, Lộc Tồn, Tam Hoá. Không sợ Tuần Triệt nhưng không nên gặp bởi làm giảm uy quyền của Tử Vi và giảm hiệu năng của Thiên Phủ, vì Thiên Phủ chủ kho tàng mà gặp Tuần Triệt là kho trống rỗng

6 cách của TPVT là :

1. Dần Ngọ Tuất, Tử Phủ cùng đóng ở Dần
2. Ngọ Tuất Dần, Tử Vi độc thủ ở Ngọ
3. Tuất Dần Ngọ, Tử Tướng ở Tuất
4. Thân Tí Thì, Tử Phủ ở Thân
5. Tí Thìn Thân, Tử Vi độc thủ ở Tí
6. Thìn Thân Tí, Tử Tướng ở Thìn

Cần phải thuộc tứ hành sinh mới thấy các vị trí tam hợp thíchứng cho từng tuổi vàtheo từng cách

1. TỬ PHỦ Ở DẦN THÂN

Người mạng Kim, hợp với sao Vũ Khúcở Thìn hay Tuất. Nếu Mệnh ở Thân (tốt hơn ở Dần) vì Dần là Tuyệtđịa. Có Lộc Tồn đóng ở Dần cách Đôi kim tích Ngọc - tức giàu sang (vàng chon ngọc cất)

Người mạng Thổ, Mệnh đóng ở Thân cũng tốt hơn vì hợp với 2 sao Tử Phủ. Nếu tuổi Canh lại càng tốt vì sẽ có Lộc Tồn đóng cùng cung với Tử Phủ là giàu vô tả. Nếu có Tả Phụ hay HỮu Bật thì sẽ là cách Tử Phủ Phụ Bật chi công, quan cư Hầu Bá, nghĩa là làm lớn, làm Bộ Trưởng (đại Thần)

Người tuổi Thuỷ, Mệnh nên đóng ở cung Tí, lúc ấy sẽ có sao Thiên Tướng hợp Mệnh mà mệnh đóng ở Tí là Vượng địa, lại được luôn cách Phá Quân ở Ngọ chiếu nữa thì vang danh 4 bể, làm về ngoại giao, xuất ngoại rất uy hung

Người tuổi Hoả, Mệnh nên đóng ở Ngọ sẽ được Liêm Trinh hợp Mệnh, chủ uy quyền, nếu có Đế Vượng, hoá Quyền đóng chung sẽ làm nổi Thủ Tướng hay Vua chúa. Vì cầm quyền chính quốc gia (Đế quyền). Tuy nhiên, cách này về sau bị hại do sao Thái Dương (Hoả) hợp Mệnh bị chìm đắm ở cung Hợi, vốn là cung Nô Bộc, tức sẽ bị phản. NgôĐình Nhu có cách này

Người tuổi Mộc, Mệnh nên đóng ở Dần, cũng được nhiều phúc lộc

2. TỬ VI TÍ/ NGỌ

Tử Vi độc tôn ở Tí hay Ngọ, ở Ngọ tốt hơn ở Tí, vì còn được nhiều cách khác như Nhật Xuất Phù Tang, Nguyệt Minh Thương Hải chiếu hạn

Người tuổi Thổ hay Hoả, nếu có Quyền và Tả Hữu đóng ở Ngọ, có thể làm chủ tể 1 địa phương. Cách này còn tốt hơn cách Liêm Tướngở Ngọ vì cung Quan vì cung Quan gặp Liêm Phủ Đắc địaở Tuất. Người tuổiĐinh Kỷ Giáp có thể làm Vua, Thủ Tướng hay nhà bác học có danh tiêng. Người tuổi Giáp rất giàu có

Tuổi Thuỷ và MỘc nên đóng ở Tí. Tuổi Nhâm làm lớn, tuổi Quý giàu sang

Mệnh Tử Vi ở Tí lợi cho phụ nữ hơn nam giới.Đây là cách hiền hoà, nhân hậu bậc nhất. Tuổi Quý bất cả nam nữ, phú gia địch quốc

3. TỬ VI – THIÊN TƯỚNG THÌN/ TUẤT

Đây là cách gọi là Tử Tướng lâm Thìn Tuất, lợi cho người tuổi Kim hơn cả.Vì Thìn Tuất là 2 cung La Võng, phải tuổi Kim mới thích hợp. Cách này thường là cách Bạchốc phát công khanh, anh hung thời loạn. Nhưng cũng là cách bất nhân vì có Phá Quân ở Thìn hay Tuất. Cách này sẽ thành công trong ba đào, tâm hồn ích kỷ bạo tàn. Chỉ có Hoá Khoa mới biến đổi được tâm tính bớt yểm trá, xảo quyệt

II. CÁCH SÁT PHÁ THAM

Cách này nhiều khi còn có them sao Liêm Trinh nữa nên cũng còn gọi là Sát Phá Tham Liêm.Đây là cách võ nếu đắc địa, hợp Mệnh thì làm về võ nghiệp rất hiển hách

Sát Phá Liêm Tham câu tácác

Nhược như vô hãm, chưởng tam quân

Ở cách Dương, tức Dần Ngọ Tuất và Thân Tí Thìn, hành Kim rất hợp với cách này

1. THẤT SÁT TRIỀU ĐẨU CÁCH

Mệnh Kim có Thất Sát đóng ở cung Thân, chầu vào sao Tử Vi, Thiên Phủở Dần. Đó là cách tốt nhất trong bộ SPT vì được luôn cách Phá Quân Tí Ngọ

Mệnh cung Thân có Thất Sát tốt hơn Mệnh ở Dần vì Thân là cung Vượng địa. SPT ở Thân Tí Thìn chầu vào TửViở Ngọ, người tuổi Thuỷ có Tham Lang ở Tí, nếu là Quý, âm nam thì tốt

Ở cáchÂm, tức Tử Vi đóng cùng bộ SPT, người tuổi Kimh, Mệnh đóng tại Tị, được cách Tử Sát đồng cung, nhất triều phú quý song toàn. Vì cung Tị là Sinh địa của tuổi Kim, Tử Vi đóng cùng Thất Sát là cách Thiên Tử hành quân, rất tích cực, phát nhanh như vũ bão. Cung Tài có Tham Vũ đồng hành nên chủ về tài lộc.quyền uy

Mệnh ở Hỡi có Tử Sát không bằng ở Tị vì bộ Âm Dương phản bối

2. SÁT PHÁ THAM Ở TỊ DẬU SỬU

Mệnh tại Tị, đây là cách Liêm Tham Tị Hợi, có TửVi ngộ Phá Quân ở Sửu. Cách này là cách xấu nhất trong TửVi. Nhưng nếu có Tuần hay Triệt mở cửa La Võng, mà tam phương xung chiếu có tam hoá, người tuổi Kim thì lại là cách anh hung, gọi là phản vi kỳ cách, vì sao Liêm Trinh là sao nghiêm cẩn, trong sạch, rất hắc, mặt st1 đen sì y như Bao Công xửán. Người tuổi Kim, mệnh tại Tị là sinh địa, thì là người anh hung, cầm quyền cao cấp về Tư Pháp hoặc làm nơi Đại Tướng, Thượng Nghị Sĩ, Chủ Tịch tối cao Pháp Viên, rất vô tư

Liêm Tham Tị Hợi ở cung Hợi tốt hơn ở Tị vì còn được thêm cách Thái Dương ở Thìn chiếu xuống cung Tí có Cự Môn, là cách Thạch trung ẩn ngọc

3. THAM VŨĐỒNG HÀNH

Cách Tử Sát ở Tị Hợi còn kéo theo cách Tham Vũ đồng hànhở Sửu Mùi. Người mệnh Kim, Mệnh ở cung Tị có Tử Sát, lại được luôn cách Tham Vũ đồng hành thì phú quý song toàn. Nếu mệnh tại Sửu mà có cách Tham Vũ đồng hành thì cần phải có Thân ở Dậu để được cách Kim tại Vượngđịa, chầu Tử Vi mới tốt, nếu không thì cuộc đời bôn ba vất

vả, về già thì khổ. Bởi Tham Vũ là cách dữ, do đối cung liền có 3 hạn VCD.Nếu Thân đóng vào Thiên Di thì không có chính tinhl, là sau khổ về già. Ngược lại, nếu mệnh có cung đối chiếu không có chính tinh thì được cách Phủ Tướng triều viên, dù được Tham Vũ về hậu vận cũng bị vất vả mất nửa đời về trước, rất lao tâm khổ tứ, sau mới được giàu sang. Tham Vũ cần phải có them Tam Hoá hay Lộc Tồn mới tốt, bởiđó là cách rất háo lợi, nếu gặp Song Hao, Không Kiếp thì nghèo đói, và hoạn nạn không ai cứu

III. CÁCH CƠ NGUYỆTĐỒNG LƯƠNG

Đây là cách Văn, ở những người quan lại, công tư chức, thương gia, các người thuần hậu, ôn lương, có đời sống mực thước, đàng hoàng vàan phần. Nếu gặp nhiều sao trung tinh tốt mà vị trí cung Mệnh đắc địa tốt đẹp thì cũng có thể làm nổi Đại Thần hay giàu có ức vạn được

CNĐL tác lại nhân. Lại nhân là làm quan, tức công tư chức, những người làm việc văn phòng, bàn giấy

1. Tại Dần Ngọ Tuất :

Đồng Lương tối hỉ Dần Thân. Người Mệnh đóng tại Dần thì được đủ cách CND(L phải tuổi Mộc mới tốt, vì hợp với cả 4 sao này mà Thái Âm đắc địa. Nếu có Thiên mã ở cung Dần nữa thì làm về ngành ngoại giao rất khôn ngoan, tài giỏi. Mệnh tại Ngọ có tam hoá có thể làm nổi Thủ Tướng, hay các chức như Tỉnh Trưởng, Trưởng cơ quan, cũng có thể làm nổi Bác sĩ, Giáo sư có tài

Cách Đồng Lương ở Dần này tốt hơn cách CNĐL ởThân, vì là bại địa, lại bị cách Liêm Tham Tị Hợi thì về già dễ bị bay chức, bị giam tù hoặc bán thân bất toại

2. Tại Thân Tí Thìn :

Người tuổi Thuỷ tốt bởi nếu có Thân đóng tại Tí thì lại được them cách gọi là Nguyệt Lãng Thiên Môn Tiên Tước Phong Hầu, có thể làm về ngoại giao, Đại Sứ hay nhà buôn lớn. Nếu đóng ở cung Thìn, tuổi Mộc hay Thuỷ, có them Xương Khúc Khôi Việt sẽ là bậc danh sĩ văn chương quán thế, bởi đó là cách Cơ Lương Thìn Tuất cái thế văn chương, rất hào hoa phong nhã

Nếu không có trung tinh đắc cách hay Tam Hoá thì chỉ là người có tài mà lao đao trường ốc, bất toại. Nếu có các hung tinh đi với hồng Đào thì là thợ khéo như thợ may, thợ mộc, lcu1 ấy sẽ gọi là Cơ Lương Thìn Tuất tác hữu cao nghệ tuỳ thân, phú thương chi cách

3. Cơ Âm tại Dần Thân

Tại Thân tốt hơn tại Dần vì Âm Dương đắc địa. Người tuổi Mộc, nếu thân cư Thê ở Tí thì Thân chầu vào Thái Dương đắc địa ở Ngọ gọi là cách Nhật Lệ trung thiên, nếu có them Tam Hoá thì làm nổi Thủ Tướng

Người mệnh Mộc đóng tại Ngọ, được cách Ngọ Thương Thiên Lương trong cách CNĐL, phải là Âm nam, Dương Nữ mới tốt vì gặp hạn chầu Tử vi và gặp toàn hạn có sao Thuỷ hợp mệnh

IV. CÁCH NHẬT NGUYỆT

Nhật Nguyệt là 2 sao quan trọng bậc nhất sau Tử Vi và Thiên Phủ. Bất cứ đóng ở cung nào và bất cứ số nào cũng cần phải có 2 sao này Đắc địa. Nếu hãm địa là tối tăm, cuộc đời sẽ kém may mắn

Bởi thế, sau khi an sao là phải nhìn ngay vào vị trí của Nhật Nguyệt để có 1 ý niệm bao quát về lá số. Nhật từ cung Dần đến cung Ngọ là Đắc địa. Nguyệt từ cung Thân đến cung Tí là Đắc địa. Ở 2 cung Sửu và Mùi thì tuỳtheo tuổi nào hợp với sao nào mới có thểấn định được

Nhật Nguyệt là cách tranh đấu, rất kiêu hung, bất khuất. Người mạng Thổ, hoả, MO^%C, dương nam hợp với Thái Dương hơn Thái Âm. Người Mộc, Thuỷ, Kim thì ngược lại

2 sao này rất cần trung tinh và tam hoá

a. Nhật Nguyệt Tí Ngọ

Người tuổi Hoả, mệnh ở Ngọ có Thái Dương được cách gọi là Nhật Nguyệt Trung Thiên, tức mặt trời giữa trưa, nếu có them tam hoá là Phú hữu lâu dài, danh vị cao, làm nổi Thủ Tướng. Người tuổi Thổ phú quý song toàn

Mệnh ở Mão có Thái Dương, Thiên Lương được cách Nhật xuất Lôi Môn hay cũng gọi là Nhật Xuất Phù Tang, tuỳ theo tuổi Thổ (gọi là Lôi Môn bởi vì cung Mão là cung Lôi Chấn) hay Mộc (Phù Tang, tức là Nhật Bản - mặt trời mọc lên khỏi Phương Đông). Cách này rất tốt, thường là bậc sư phụ, học vấn uyên thâm, đạo cao đức trọng.Nếu có them Xương Khúc Khôi Việt thì vẫn tái xuất chúng, làm các bậc cố vấn, bác sĩ, nghiêng về văn hoá, giáo dục.bởi cách này sẵn trong cách có Tử vi cư Ngọ, hợp với người tuổi Thổ, Hoả

Nhật Mão Nguyệt Hợi, mệnh lập tại Mùi cung được gọi là cách Nhật Nguyệt tịnh minh phủ tá cửu trùng Kim Điện, tuỳ theo tuổi ở hành nào hợp với Nhật hay Nguyệt, nhưng đều là quý cách, làm nổi các chức cố vấn, quân sư tài ba, đức độ

b. Nguyệt Lãng Thiên Môn

Tức là cách Thái Âm ở Tí, đóng cùng với Thiên Đồng, người tuổi Mộc rất hợp. Nguyệt lãng Thiên Môn Tiên tước Phong Hầu, làm tới Thượng Thư, toạ trấn 1 địa phương như 1 vị Hầu tước. Tuy nhiên, cách này thường phải đi xa, nhiều khi côđơn, nếu thiếu trợ tinh và Tam hoá thì lại là bậc văn nhân thi sĩ, sống đời vô định, nay đây mai đó, lấu gió trăng là bạn

c. Thái Âm đắc địa, Nhật sinh chi khoái hoạt

Mệnh từ Thân đến Tí mà gặp Thái Âm là cách ăn chơi hoa bướm, nhất là Thái Âm ở Dậu, nếu không có trợ tinh và tam hoá, thì rất có sốđào hoa. Người tuổi Kim, Thuỷ và mộc là hợp. Nếu có tam hoá thì sung sướng suốt đời

d. Nhật xuất Phù Tang, Nguyệt Minh Thương Hải

Là cách có Thái Dương ở Mão, Thái Âm ở Hợi thì rất thông minh, tài kiêm văn võ. Tuỳtheo mệnh hợp với Thái Dương hay Thái Âm mà giải đoán

e. Nhật Nguyệtđồng tranh Sửu Mùi

Đồng tranh là ganh nhau, tranh nhau, đua sang ở cung Sửu Mùi. Nếu có sao hoá Kị ở đây thì là cách Nhật Nguyệt chiếu bích tức có mây năm sắc vây xung quanh rất tốt đẹp. Nếu ở đây lại có sao Tuần Không giữa Ngọ Mùi, hay giữa Tí Sửu thì rất tốt.Đó là cách gọi là Nhật Nguyệt tranh huy, Quan cư hầu Bá (làm nổi Bá, Tước hầu) tức đứng 1 mình 1 cõi

f. Nhật Nguyệt hãm địa

Nhật từ cung Thân đến cung Tí là hãm địa, cũng như Nguyệt từ cung Dần đến cung Ngọ là hãm địa. Tuy nhiên, nếu gặp Tuần hay Triệt thì lại là phản vi kỳ cách

Như người tuổi Thuỷ Mệnh ở Tí, mà có cách VCD đắc tam Không, cung Ngọ có Thiên Đồng, Thái Âm, tuổi âm nam đi nghịc thì tốt, bởi hạn chấu vào sao Tử Vi, Thất Sát hợp mệnh ở cung hợi, rồi tiến lên gặp toàn cung và sao tốt, qua Tham Vũ đồng hành ở Mùi là tới ĐồngÂm, đó là cách phản vi kỳ cách, hay cũng gọi là cách Thuỷ Hoàn Kinh Khuyết, nhất sinh chi khoái hoạt, tức vinh hiển 1 đời

V. CÁCH VÔ CHÍNH DIÊU

Cung Mệnh không có sao chính tinh toạ thủ thì gọi là VCD. Có khi có 1 sao Không, 2 hay 3 sao Không hoặc đóng ngay ở Mệnh hoặc chiếu lại, thì gọi là mệnh VCD đắc Nhất Không, Nhị hay đắc Tam Không

Phần nhiều cách VCD đều xấu. Thế nhưng không hẳn là nhưvậy, cần phải xem vị trí nơi đóng mệnh là Sinh địa, Vượngđịa hay Bại địa, Tuyệtđịa, có sao hung tinh nào hợp Mệnh độc thù hay không. Nếu có sao Không thì Không ấy là sao gì, có hợp mệnh không. Bây giờ mới luận được

Ví dụ : Mệnh Thuỷ đóng ở cung Tí là Vượngđịa, tuổiâm nam đi nghịch, thì đã được vượng địa rồi, lại có luôn 5 hạn đều hợp Mệnh đưa đến cung Thân là Sinh địa của Thuỷ, đó là cách tốt. Sau nữa, phải xem có được Không nào ở Mệnh hay chiếu mệnh

Như tuổiẤt Sửu chẳng hạn, thì có sao Tuần ở mệnh và sao Triệ tở cung Ngọ bắn xuống là đắc nhị Không. Nếu lại có Thiên Đồng, Thái Âm ở Ngọ là phản vi kỳ cách, do người tuổi Thuỷ hợp với ĐồngÂm (hãm địa mà có Triệt là phản vi kỳ cách). Đó là cách gọi Tí Ngọ ĐồngÂm.Ất Kỷâm Nam lập nghiệp do Thê, kiêm năng sát diệu, hành sự dụng Thê, nhất sinh chi khoái hoạt. Có nghĩa là ngườiâm nam , tuổi Ất hay Kỷ, mệnh Thuỷ đóng ở cung Tí VCD, chiếu có ĐồngÂm lại được nhị Không hợp Mệnh, là được nhờ vợ mà làm nên cơ nghiệp, 1 đời sung sướng

Cách Nhật Mão Nguyệt hợi, mệnh an ở Mùi, thiềm cung triết quế chi vinh, vi minh châu xuất hải, chủ Tài Quan song mỹ. Nghĩa là mệnh an ở Mùi, có Thái Dương ở Mão, Thái Âm ở Hợi chiếu như người vin tay bẻ quế chốn cung trăng, công danh sự nghiệp đều thịnh vượng

Cách mệnh VCD đắc tam không, nhi phú quý khả kỳ, là mệnh không có chính tinh mà có 3 Không ở mệnh hay chiếu mệnh thì có thời được phú quý vinh hoa, nhưng không bền

Dù sao nữa, cách mệnh VCD là cách ác, cần phải tránh như sau:

1. Không nên đóng ở tứ Mộ (Thìn Tuất Sửu Mùi)
2. Không nên đóng ở bại địa, Tuyệtđịa (so với hành của tuổi)
3. Không nên đóng ở 2 cung T1 Ngọ (Càn Khôn) nếu không được cách tốt cứu giải
4. Mặc dù có tam Không chiếu, cần phải có 1 Không đóng ngay tại mệnh mới tốt, nếu chỉ có Không chiếu, thì rất nguy hại, phi yếu tắc bần, vì không sao đỡ cho mệnh

Cung mệnh VCD, tam phương xung chiếu có cả cát tinh và hung tinh lẫn lộn thì cung mệnh cần phải có sao Triệt để phá sao hung, mới đỡ được mệnh, nếu không có Tuần Triệt thì là phi yếu tắc bần

Cung mệnh VCD mà có hung tinh toạ thủ, nhưng là hung tinh khắc mệnh thì xấu. Vídụ : người tuổi Hoả hay Mộc, Mệnh ở Mùi có Kình Dương toạ thủ là cách Nhất Kiếm toạ trấn biên thuỳ, lẽ ra tốt cho người tuổi Thổ, Kim hay Thuỷ thì lại khắc người tuổi Mộc, tuổi hoả. Do thế là phi yểu tắc bần, hoặc có thể gặp tai nạn hung hiểm nữa

Tóm lại, xem mệnh VCD cần cung mệnh phải có sao Tuần Triệt hay sao Thiên Không hợp mệnh (Hoả Thổ). Triệt thì cần mệnh Thuỷ hay Kim, Thổ. Tuần chỉ tốt cho các tuổi trừ tuổi Kim. Như vậy, tam phương xung chiếu, có sao hunh tinh khắc mệnh cũng không sao, bởiđã bị Tuần Triệt án ngữ tiêu ma đi rồi, nên tốt. Ngược lại, nếu cung bản mệnh không có Không nào, mà tam phương có các sao Không chiếu thì dù là tam không cũng đều xấu cả, gọi là phi yểu tắc bần, chung thân bất mãn

VI. LUẬN VỀ CÁCH CẦN TRUNG TINH PHÒ TÁ

Các cách trên, vì bản chất khác nhau nên cần bộ trung tinh hợp cách phò tá mới đắc lực.Trung tinh phải phối hợp thuận lý mới tốt, chứ nếu lại nghịch lý, không phải chỗ thì lại hỏng. Ví dụ như cách Nhật Nguyệt Mã lại có Binh Hình TướngẤn thì không đúng chỗ

A. BỘ TỬ PHỦ VŨ TƯỚNG

Cách Tử Phủ cần 3 bộ trung tinh này:

1. Bộ Tả Hữu

Bộ Tử Phủ là Đế tinh, ví nhưông vua, nên rất cần được các hiền thần phò tá. Sao tả Phù nên đóng với Tử Phủ, còn Hữu Bật thì nên chiếu, vì Hữu Bật là sao võ

Hữu Bật nên đóng ở cung Thân (cư thê thiếp), và Tả Phù đóng chung với Tử Phủ ở Dần là Thượng cách

Hoặc Tả Phù đóng ở cung Di chiếu xuống, còn Hữu Bật đóng ở cung Quan đồng cung với Thiên Tướng, có mệnh ở đó là cách Tài kiêm văn võ

2. Bộ Khôi Việt

Tử Phủ cũng cần Khôi Việt vì Khôi Việt là sao nghiêm chỉnh, uy quyền. Khôi Việt vốn là Thiên Ất Quý Nhân, tức coi như tôn thần, thì Tử Phủ có Khôi Việt ví như nguyên thủ quốc gia được tôn kính, nên mệnh Tử Phủ Khôi hay Việt là công danh hiển hách, rất được kính trọng

3. Bộ Hồng Đào

Cần có Hồng Đào cư Quan Lộc, chiếu vào Tử Phủ mới tốt, vìđó là công danh hiển đạt, công nghiệp rạng rỡ

Thiếu 1 trong 3 bộ này thì Tử Phủ kém hẳn hiệu năng, không thể nhẹ bước thanh vân được

Tuy nhiên, Hồng Đào không nên đóng ở mệnh hay Thân vì sẽ là ám tinh, dâm tinh, mê muội, đam mê tửu sắc, bỏ bê chính sự là hỏng việc. Hồng Đào nên ở Quan hay Di là tốt

TỐI KỴ : Bộ Tử Phủ tối kỵ Không Kiếp vì Không Kiếp là rếch rác, u tối. Tử Phủđi với Không Kiếp thì yểu tử mà cuộc đời bất mãn, y như người có tài mà không được dung, số phận long đong, sống đời u tối

B. BỘ SÁT PHÁ THAM

SPLT câu tá các, Nhược như vô hãm chưởng tam quân.Muốn chưởng tam quân cần phải có bộ hạ đắc lực.bộ hạ đây là các bộ trung tinh này:

1. Binh Hình TướngẤn

Phục Binh, Thiên Hình, Tướng Quân, Quốc Ấn phải phối hợp 3 phương xung chiếu thì SPT mới có uy. Thiên Hình là thanh gươm lệnh, nếu them Hữu Bật nữa là xuất Tướng nhập Tướng cách

2. Thai Toạ

Tam Thai Bát Toạ là cáchđông đảo hậu thuẫn, có tư phong lẫm liệt, ngồi vững vàng như bàn thạch. Nếu lại thêm Thai Phụ, Phong Cáo nữa thì rất uy quyền

3. Tả Hữu

SPT cũng cần bộ Tả Hữu, nhưng nên giáp Tả Hữu thì tốt hơn là đồng cung

4. Kình Dương cư Thìn Tuất

Nếu gặp Phá Quân thì đây là cách Bạch ốc, phát công khanh.Kình Dương là sao Kimh tức thanh gươm báu.Đi với Phá Quân là nhất kiếm tung hoành, vút ra khỏi sự tù hãm của La Võng, làm nên sự nghiệp uy hung, có mệnh hợp nhiều sao tốt và them tam hoá là có thể tung hoành thiên hạ, làm cách mạng thành công được

SPT tối kỵ gặp Tuần Triệt. 2 sao Sát và Tham rất sợ sao Tuần vì Tuần là sao hoả, nếu đóng chặn mặt thì đốt cháy SPT, dễ gặp tai nạn khủng khiếp. Sao Phá Quân không sợ Tuần Triệt vì là sao Thuỷ, khắc phục được

Thất Sát Dần Thân tối kỵ gặp Triệtở Thân Dậu, và Tuần ở Dần Mão. Vìở Thân Dậu là kiếm gãy, màở Dần Mão là bị hoả thiêu đốt, tan thành tro bụi

SPT hãm địa : cần gặp Triệt xung phá để giải nguy. SPT hãm địa khi gặp hạn VCD hội hung sát bại tinh là mạng phá gia vong

Rất cần gặp sao Triệt chiếu để ngăn cản ảnh hưởng của các sao hung

Ngoài ra rất cần gặp Hoá Khoa là đệ nhất giải tinh nên giải trừ được hung khí củaác sát tinh, qua cơn hoạn nạn

SPT hãm không nên gặp hạn VCD. Cũng như VCD không nên gặp SPT hãm, bởi lúcấy sẽ bịtai nạn trùng trùng, hoạ vôđơn chí

C. CƠ NGUYỆT ĐỒNG LƯƠNG

CNĐL rất cần các bộ trung tinh này

1. Long Phượng/ Quang Quý

Long Trì là Thuỷ, Phượng Các là Mộc, rất hợp với CNĐL.Ân Quang là Mộc, Thiên Quý là Thổ cũng đều hợp với CNĐL cả. Các sao trợ tinh này như vẽ them hoa gấm vào cách văn vẻ CNĐL tác lại nhân

2. Xương Khúc/ Hồng Đào

Làm cho them rạng rỡ, sang sủa

3. Khôi Việt

Chỉ về học vấn, công danh

4. Tam Hoá Khoa/ Quyền/ Lộc

Cần nhất 3 sao này vì có nó mới làm lớn, giàu lớn được. Nếu không thì chỉ là cách trung lưu, tiểu tư sản vì tính chất quá nhu nhượcôn lương

CNĐL tối kỵ Hoả Linh vì sẽ đốt cháy Cơ Lương (vốn là chất mộc). Nhật Nguyệt tối kỵ Riêu Y Không Kiếp (là nước mắt), mù loà, và tối kỵ KìnhĐà, là dao đâm vào mắt

LUẬN CHUNG BỐN CÁCH

1. TPVT làđệ nhất quý hiển, phúc lộc thọ vẹn toàn. Dù không đóng vào Mệnh Thân, hạn gặp TPVT đều tốt đẹp

Hạn nên hướng vào TPVT (đừng nên ngoảnh lung lại). Ngoảnh lung lại thì phải đến hạn gặp Tử Phủ chiếu mới vững được. Nhất là đối với nhân duyên mà cung Phu Thê gặp Tuần hay Triệt, hay các sát tinh ám

Khi hạn đã qua Tử Phủ thì mệnh vàThân phải tốt, và các hạn sau phải tốt mới bền. Nếu hạn xấu VCD gặp nhiều hunh tinh thì hết thời, không mong cứu gỡ được nữa. Nếu hạn xấu mà chưa gặp Tử Phủ thì không lo vì đến hạn Tử Phủ tốt đẹp, sẽ phong quang

2. SPLT chủ võ nghiệp. Võ nghiệp kiêm luôn cả Công thương, kỹ nghệ, Khoa học. Thường gấp và tích cực. SPLT chớ nên đóng vào cung Phu Thê, dễ bị trục trặc, chia ly
3. CNĐL là cáchôn hoà, an phận thủ thường
4. Nhật Nguyệt là tài giỏi, văn chương cách. Nhưng hãm địa thì thường là cách lãng mạn, thi nhân, giang hồ xử sĩ. Đàn bà không nên gặp Thái Âm hãm địa, nếu lại them Hồng Đào Riêu Y nữa thì là cách hoa nguyệt, dâm bôn

Cách Nhật Nguyệt là cách hiền tài, phò tá quân vương mô phạm, chủ về văn học, nghệ thuật và siêu thoát. Thường là các bậc khách khanh (tức cố vấn, quân sư, sư phụ) nếu hãm địa thì cần gặp Tuần Triệt lại tốt

*** Tóm lại, khi xem thấy cách nào thì biết bộấy cần gặp hạn ấy mới tốt, tuỳtheo sao hợp hay khắc Mệnh, tuỳ theo vị trí Mệnh và hạn, lần lượt làm con toán loại trừ (method de deduction) thì mới giải đoán được